N° 56 Février 1922

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

TỔNG-THUẬT VỀ VIỆC PHÁI-BỘ

BẮC-KỲ ĐI QUAN-SÁT ĐƯỜNG XE-LỬA VINH — ĐÔNG-HÀ

Trong hạ-tuần tháng hai tây, chánh-phủ có cử một phái-bộ những quan-thân Bắc-kỳ để đi quan-sát về sự ích-lợi đường xe-lửa Vinh Đông-hà, và nhân thể đi tới kinh-đô Huế để bệ-kiến Hoàng-thượng, ngõ-hầu thay mặt nhân-dân Bắc-kỳ tỏ lòng tôn Vua luyến Chúa. Bản-chí chủ-bút Phạm-quân có dự chân vào phái-bộ ấy, khi về có làm một tờ trình bằng Pháp-văn đệ lên quan Chánh-văn-phòng phủ Toàn-quyền tổng-thuật về việc du-lịch của phái-bộ. Sau đây xin dịch tờ trình ấy ra quốc-ngữ để công-đồng-lãm.

N.-P.

. . .

Hà-nội, ngày 24 tháng hai năm 1922

Kính trình quan Cai-trị sung Chánh Văn-phòng ở phủ Toàn-quyền Hà-nội

Trình quan Chánh Văn-Phòng,

Chiếu theo như ngài đã tỏ ý cho tôi biết, tôi xin đệ ngài tờ trình sau này lược-thuộc về công-việc phái-bộ Bắc-kỳ mới ở Huế về mấy bữa nay.

Phái-bộ chúng tôi là do quan Toàn-quyền đồng-ý với quan Thống-sứ Bắc-kỳ cử để đi quan-sát về sự lợi-ích đường xe-hoả Vinh - Đông-hà, Phái-viên toàn là những người danh-giá thuộc về sĩ, nông, công, thương các giới, và tựu-trung lại có nhiều ông có chân Tư-vấn hội-nghị Bắc-kỳ. Phái-bộ-trưởng là quan Thái-tử thiếu-bảo Tổng-đốc tỉnh Hà-đông Hoàng Trọng-Phu; rồi đến quan Trần Văn-Thông, tổng-đốc sung cố-vấn tòa Thượng-thẩm Bắc-kỳ; — ông Bạch Thái-Bưởi là nhà chủ tàu có tiếng ở Hải-phòng; — ông Nguyễn Hữu-Thu, chủ tàu và nghị-trưởng Hội Tư-Vấn Bắc-kỳ; — ông Bùi Huy-Tín, lĩnh-trương thầu khoán, chủ đồn-điền ở Hà-tĩnh (gần đường xe lửa sắp làm) và chủ nhà in Đắc-lập ở Huế; — ông Lê Văn-Phúc, chủ nhà in Đông-kinh ấn quán; — ông Phạm-Quỳnh, chủ-bút tạp-chí *Nam-Phong*; ông Trần Viết-Soạn, lĩnh-trưng thầu khoán, chủ đồn-điền; —

ông Hoàng Kim-Bảng, quản-lý hội buôn *Quảng-hưng-long*; — ông Lê Văn-Thược, tức Năm-sinh, lĩnh-trưng thầu-khoán ở Hải-phòng ; — ông Phạm Mạnh-Xứng, tức Đông-phố, buôn bán và chủ đồn-điền ; — ông Nguyễn Văn-Tấn, quản-lý công-ti *Hợp-lợi* làm đồ sứ ở Thanh-trì (Hà-đông) ; — ông Trần Ngọc-Điền, lĩnh-trưng làm các nhà-lầu của nhà nước, hiện đã làm dinh quan Thống-sứ Bắc-kỳ và đương làm nhà Trường Trung-học Hà-nội. Lúc sắp đi, phái-bộ lại thêm mấy ông nữa : là ông Nguyễn Hữu-Nghi, tức Cửu-Nghi là một nhà cự-phú ở Hà-nội ; — ông Trần Ngọc-Thiện, lĩnh-trưng thầu-khoán, vốn người Bắc-kỳ vào lập-nghiệp ở Bến-thủy (Nghệ-an) đã lâu năm ; — ông Trần Văn-Quang, chủ-bút báo *Thực-nhgiệp*; — ông Hoàng Tích-Thu, trợ-bút báo *Khai-hóa* ; — ông Khánh-Ký, là một nhà làm ảnh khéo, đã học nghề ảnh lâu năm ở bên Pháp, cũng đi theo phái-bộ để chụp ảnh.

Phái-bộ tổ-chức như thế, lại được bộ-trưởng là một bậc trọng-thần, có tài giao-thiệp như quan Tổng-đốc Hoàng, thật là đủ tư-cách thay mặt cho cả dân Bắc-kỳ, vì là gồm được cả các nhân-đẳng trong nước.

Trước khi khởi-hành một ngày, cả phái-bộ chúng tôi có đến chào quan Toàn-quyền Long đại-nhân, và quan Thống-sứ Monguillot đại-nhân, hai ngài tiếp một cách rất ân-cần trọng-hậu, giảng-giải cho nghe về việc làm đường xe-lửa Vinh — Đông-hà, chánh-phủ lấy làm quan-trọng là đường vào, nhân thể nói đến việc công-thải này cũng là việc hệ-trọng lắm, vì cuộc công-thải có thành-công thì chánh-phủ mới có đủ tiền mà kinh-lý việc hỏa-xa.

Phái-bộ khởi-hành từ Hà-nội ngày thứ năm 16 tháng 2 tây, đi chuyến xe-lửa thường về Vinh, có kèm thêm một toa đặc-biệt của phủ Toàn-quyền có bụng tốt để riêng cho phái-bộ. Phủ Toàn-quyền lại có đặt sẵn cơm trưa ở nhà ga Thanh-hóa và giữ sẵn buồng ngủ ở Vinh cho các phái-viên, Ba cái xe ô-tô của công-ti Phạm Văn-Phi đã chực sẵn ở Vinh. Các quan sứ và quan tỉnh đã được báo phái-bộ đến từ mấy hôm trước và sửa soạn sẵn để nghênh-tiếp, nói tóm lại thời cuộc du-lịch này Chánh-phủ thật đã sắp đặt một cách rất chu-tất.

Trong xe-lửa về Vinh, các phái-viên được cái may-mắn gặp quan Công-chính kỹ-sư Valette cùng đi một chuyến, ngài chính là người chuyên-môn nghiên-cứu về đường xe-lửa Vinh-Đông-hà ; ngài mở địa-đồ ra chỉ dẫn cho phái-viên nghe được nhiều điều ích-lợi về đường xe lửa sắp đặt và các miền kinh-quá.

Chiều tới Vinh, có quan Thượng Nghệ và quan Phó-sứ đã đợi sẵn ở Ga, chỉ phòng ở các nhà khách-sạn cho phái-viên nghỉ. Ai nấy xếp đặt hành-lí, rồi vào thăm quan Chánh-sứ Métaireau. Đến 7 giờ rưỡi thời quan Thượng mời vào dự tiệc trong dinh. Hai quan Thượng Hoàng Trọng-Phu và Trần Văn-Thông thời nghỉ ở dinh quan Thượng Nghệ, các phái-viên khác thời nghỉ ở khách-sạn.

Sớm mai là ngày 17, lên xe ô-tô tự Vinh đi, có ba chiếc xe của Chánh-phủ đã xếp sẵn và hai cái xe riêng của ông Bạch Thái-Bưởi ở Hải-phòng đem lại và ông Trần Ngọc-Thiện ở Bến-thủy đem theo. Quan tỉnh Hà-tĩnh có phái quan Bố tỉnh ra Nghệ đón phái-bộ để làm hướng-đạo cho đi xem miền Hương-khê, là miền xe-lửa sẽ đặt qua sau này. Trước khi đến tỉnh-lỵ Hà-tĩnh, xe rẽ ngang và đi vào hướng huyện Hương-khê, cho đến nơi gọi là Địa-lợi, tức là chỗ đò ngang trên con sông Ngàn-Sâu, sang đò thời trông thấy đường xe lửa đã đắp, nền đất xong rồi, chỉ còn đợi đường sắt nữa thôi. Đến trưa thì quay xe về Hà-tĩnh, quan Tuần Nguyễn Khoa-Tân tiếp vào dinh để ăn cơm trưa. Cơm xong vào chào quan Sứ bản-tỉnh là quan COLOMBON, người phong-nhã lắm, tiếp phái-bộ một cách ân-cần đặc-biệt.

Đến ba giờ chiều, dời Hà-tĩnh, đi thẳng về Đồng-hới (tỉnh-lỵ Quảng-bình) là chỗ phải nghỉ đêm. Khoảng đường từ Hà-tĩnh đến Đồng-hới là quãng hình-thế khi-khu, phong-cảnh ngoạn-mục hơn nhất. Xe bon-bon chạy giữa một bên là những đồi cát trắng xóa, cao như núi, một bên là dẫy núi cuối cùng của rặng Trường-sơn (chêne annamitique) đi đến một quãng, thấy một rẫy núi sừng-sực chắn giữa đường, tức là núi Hoành-sơn, tên tục là Đèo-ngang. Đèo-ngang này là một nơi có tiếng trong lịch-sử nước ta, từ thế-kỷ thứ 16 đến thế-kỷ thứ 18, đã từng mấy mươi phen quân Trịnh quân Nguyễn đánh nhau ở đấy, khác nào như cái trường-thành chắn ngang Nam-Bắc, trước khi đức Thế-tổ Cao Hoàng-đế (Đức Gia-long), kiêm-tính Bắc-Nam, nhất-thống sơn-hà, gây-dựng ra cái Việt-Nam đế-quốc này. Đứng trước núi Hoành-sơn mới biết rõ được những sự hiểm-trở từ xưa đến nay đã làm cho dân-tộc chúng tôi khó-khăn mới tràn được xuống phía nam, để thuận đường « nam-tiến » mà chinh-phục đất Chiêm-thành; cũng vì những sự hiểm-trở ấy mà đến sau khi Bắc-Nam đã thống-nhất rồi sứ nhà vua tự kinh-đô ra Bắc-thành đi cực mau còn phải đến hai mươi ngày mới tới nơi. Mục-kích những cảnh sơn xuyên cách-trở như thế, mới thật là hiểu rõ sự ích-lợi đặt xe lửa để liên-lạc Bắc-Nam, hơn là giảng-giải bằng lời nói.

Đến Đồng-hới vào 8 giờ tối. Quan Bố-chánh lĩnh Tuần-phủ tỉnh Quảng-bình Vương Tứ-Đại đã đợi sẵn trong dinh để đãi tiệc. Ngài đã từng ở ngoài Bắc, các phái-viên đều quen biết cả, được gặp mặt lấy làm vui-vẻ lắm. Quan Bố nghênh-tiếp một cách trọng-hậu đến nỗi bao nhiêu những chỗ đò ngang phái-bộ phải đi qua đều trên bến cắm cờ trong đò kết-thể cả. Quan Sứ Đồng-hới là ông DUPUY không đợi chúng tôi đến chào đã thân-hành đến tận dinh quan Bố để mừng đón. Thời cơm xong, các phái-viên người

thì nghỉ ở nhà quan - cư, người thì nghỉ ở tại dinh các quan tỉnh. Sớm hôm sau, cùng với quan Bố và các quan tỉnh, đi xem nơi sắp làm nhà ga xe lửa sau này, cách tỉnh-lỵ vài cây-lô - mét. Rồi đi dạo qua trong thành-phố, xem nơi « Lũy - Thày » là một cái trường - thành có tiếng của nước Nam ngày xưa, ngày nay chỉ còn có hai cái cửa quan, và một cái bia kỷ-niệm, nhưng ở lấp vào trong sở nhà Thương-chánh. Thời cơm trưa ở Đồng-hới, rồi đi thẳng về Huế, đến 6 giờ chiều thời tới nơi.

Trước khi phân - phó ra các nhà khách-sạn đã dự ước sẵn, cả phái-bộ họp tại nhà quan Thân Trọng-Huề, Học-bộ Thượng-thư, ngài đã từng ở ngoài Bắc lâu năm, anh em may được gặp mặt lấy làm vui vẻ vô-cùng. Đến đấy mới được tin rằng phủ Khâm-sứ đã tâu Hoàng-thượng biết rằng phái-bộ về, Ngài có đặt-ân ban cho buổi sớm mai được vào chầu trong cung An-định, và truyền cho viện Cơ-mật đặt tiệc ở Bộ-Binh để khoản - đãi. Thánh - thượng đã có bụng ân - cần đến kẻ thần-tử ở xứ Bắc một cách đặc - biệt như thế, đồng - nhân chúng tôi thật là cảm-tạ khôn xiết kể, và ai nấy sửa soạn để dự các đại-lễ ngày mai. Có mấy ông biết liệu trước đã đem sẵn áo thụng xanh trong va-lít. Còn những ông khác không có thời phải đi mượn ở nhà bà con. Buổi tối hôm ấy ở trong chính-đường Bộ-học có một cái cảnh-tượng cũng lạ thay là cái cảnh-tượng một cuộc diễn-nghi lễ bái-vọng, của mấy ông danh-giá ngoài Bắc-kỳ xưa nay vẫn ăn bận đồ tây mà bữa đó cải theo quốc-phục. Sớm mai là ngày 19 phái-bộ vào quan Khâm-sứ Pasquier; Ngài tiếp đãi một cách rất nhã-nhặn và đặt tiệc champagne để mừng các phái-viên. Quan Pasquier đã quen biết hầu hết cả chúng tôi, nên ngài đối với mỗi người đều hỏi han ân-cần, và đối với cả phái-bộ nói chuyện giờ lâu về các vấn-đề thuộc về xe lửa, về công-thái, về sự tiến-hóa xứ Trung-kỳ và đường tương-lai thế nào.

Đến chín giờ rưỡi, ô-tô đỗ trước cửa Hiền-nhân, chúng tôi đi chân vào nơi tả-vu ở cạnh điện Thái-hòa. Áo rộng của ai nấy đã đem đến đấy sẵn sàng cả. Hết thảy đều cởi cả giầy tây để một chỗ, đi vào giầy ta và mặc áo thụng xanh. Bấy giờ có một ông quan lớn trong triều bước ra, tuyên-đọc lời chỉ-dụ cho phép các phái-viên được vọng-bái trước ngai-rồng. Hoàng-thượng lại thể-tất mà chuẩn cho rằng nếu gặp trời mưa thời được phép lạy ở trong tả-vu, không phải lạy ở ngoài sân lớn theo như lệ thường, đó là một cái đặc-ân của Thánh-thượng, các phái-viên đều lấy làm thâm-tạ. Lại theo lời tâu của các quan đại-thần, Ngài chuẩn-miễn cho ông Bạch Thái-Bưởi vốn có tật ở chân và tay không phải lạy như mọi người. May bữa ấy trời lại tạnh ráo các phái-viên đều vọng-bái cả ngoài sân theo

Cliché de Khanh-Ky & Cie Haiphong

Các Phái-viên sau khi dự-yến ở bộ Binh

Cliché de Khanh-Ký & Cie Haiphong

Các Phái-viên ở trước cửa tòa Khâm-sứ (Đứng giữa là quan Khâm-sứ PASQUIER)

Ở đường vào Hương-khê

như lệ thường. Ông Bạch Thái-Bưởi tuy có tật ở chân tay song cũng muốn tỏ lòng kính trọng Ngài Vua cũng cố gượng vái được ba cái để thay lấy năm lễ.

Đúng mười giờ, ai nấy vẫn mặc áo rộng, bèn lên xe đi thẳng ra cung An-định ở xóm An-cựu, là nơi Hoàng-thượng nghỉ mát. Tới nơi đã có quan Ngự-tiền thông-sự Thái Văn-Toản hướng-dẫn. Hoàng-thượng tiếp phái-viên trong phòng khách lớn, bốn bề có vẽ những bức tranh to hình các tôn-lăng. Quan phái-bộ trưởng Hoàng Trọng-Phu xá ba cái, tâu cái mục-đích cuả phái-bộ, nói rằng các phái-viên lấy làm hâm-hạnh được thay mặt dân xứ Bắc đem lòng trung-thành kính mến giãi trước quân-vương. Đoạn rồi quan Hoàng dâng một cái hộp sơn son thiếp vàng, trong đựng một cái biền thỉnh-an và chúc-mừng Hoàng-Thượng sắp ngự-du Đại-Pháp, biền làm bằng chữ nho, các phái-viên đều ký tên cả.

Hoàng-Thượng liền tức-tịch diễn-thuyết lời lẽ cao-thượng rõ ràng, đại-khái nói rằng Ngài cảm cái lòng trung-thành cuả quan-thân xứ Bắc, và tỏ cho dân Bắc-kỳ biết rằng Ngài vẫn có bụng ân-cần đến dân lắm, Ngài nói kỹ về sự Bắc-kỳ Trung-kỳ vốn vẫn có mật-thiết quan-hệ và ước-ao rằng đường xe lửa sẽ mau xong để cho hai xứ được liên-lạc với nhau. Ngài tứ-trà cho các phái-viên ở phòng khách bên cạnh, và với quan Hoàng Trọng-Phu, quan Trần Văn-Thông, ông Bạch Thái-Bưởi và ông Nguyễn Hữu-Thu cùng với cụ Hiệp Thân vào phòng khách riêng để hầu chuyện.

11 giờ phái-bộ ở cung An-định ra, ai nấy đều hớn-hở về sự tiếp đãi rất ân-cần trọng-hậu cuả Ngô-Hoàng.

Trưa dự đại-yến cuả viện Cơ-Mật thiết trong Bộ Binh, các phái-viên đều đông đủ cả, lại có bốn cụ lớn đại-thần và nhiều các quan to trong Triều, Hoàng-thượng có đặc-phái quan Ngự-tiền thông-sự và quan Phò-mã kiêm quản-lý trong Nội để tiếp các phái-viên.

Yến xong, cả buổi chiều hôm ấy đi xem các cung-điện trong Nội. Trong phái-bộ, quá nửa phần người chưa tới kinh bao giờ. Nay được vào xem các cung điện, nhất là điện Phụng-tiên, nhà Thế-miếu có chín cái đỉnh to hơn đầu người, ai nấy lấy làm lạ-lùng cả, lạ rằng ngày nay mới được biết cái cổ văn-minh cuả nước nhà đã gây dựng nên được những công-trình tốt-đẹp to tát như thế.

Tối dự tiệc ở nhà quan Hồ Đắc-Trung, Công-bộ Thượng-thư, tiệc xong lại có múa Lục-dật, con hát ở trong Nội đem ra.

Buổi sáng hôm sau 20, đi cung-chiêm các tôn-lăng. Sáng sớm mai đã phải về, thì giờ ít lắm, chỉ đủ xem được ba nơi lăng Đức Thiệu-Trị, Đức

Tự-Đức và Đức Đồng-Khánh mà thôi. Xem lăng cũng như xem cung-điện, khiến cho các phái-viên đều lạ-lùng cảm-phục rằng các bậc Đế-vương ta đời xưa đã tạo-tác được những cung-điện lăng-tẩm hùng-sĩ như thế, công-trình vừa to lớn, cảnh-trí lại xinh-đẹp.

Trưa dự tiệc ở nhà quan Thân Trọng-Huề, Học-bộ Thượng-thư, ngài tiếp các bạn Bắc-kỳ xem ra có ý vui-mừng cảm-động.

5 *giờ* chiều, nhà in *Đắc-lập* của ông Bùi Huy-Tín, cũng là một người trong phái-bộ, có đặt tiệc *Champagne* để mừng các phái-viên, tiệc này là tiệc cuối cùng trước khi dời Huế. Còn buổi tối thời các phái-viên ai nấy đi thăm chơi các chỗ quen biết, rồi sửa-soạn hành-lý để sáng mai đi sớm cho chiều vừa tới Nghệ.

Song trước khi dời Huế, phái-bộ chúng tôi muốn thừa dịp mở một cuộc diễn-thuyết công để phô-bày cho thân-sĩ xứ Huế những sự quan-sát cảm-giác của đồng-nhân trong khi du-lịch. Phái-bộ có cử tôi ra diễn-thuyết ở nhà Hội Quảng-trí. Đầu bài nói về đường xe lửa làm cái dây liên-lạc Bắc-Nam. Cuộc diễn-thuyết này do quan Thượng Nguyễn Đình-Hòe, sung Tham-tá Cơ-mật, là hội-trưởng Hội Quảng-trí. Ngài tổ-chức khéo lắm, người đến nghe ước tới ba trăm người, lại có quan Học-bộ Thân Đại-nhân làm chủ-tọa. Nghe nói rằng lần này là lần đầu ở Kinh-đô mới có diễn-thuyết bằng tiếng An-nam ở trước chỗ công-chúng.

5 giờ sáng bữa sau là 21 tháng hai tây, phái-bộ dời Huế, Trưa đến Đồng-hới, cơm trưa ở đấy, một giờ lại đi, 6 giờ chiều tới Vinh. Từ Huế tới Nghệ, lúc đi mất hai ngày, lúc về chỉ mất có một ngày. Sáng hôm sau đi xe lửa Vinh 6 giờ 1/2, 5 giờ 1/2 chiều tới Hà-nội.

Thế là hành - trình chúng tôi gồm lại cả thảy một tuần lễ, hành - trình ấy 50 năm về trước phải đi tới một tháng. Kể cũng là một sự tiến-bộ hơn trước nhiều. Nhưng mà sự tiến-bộ ấy không phải là ai ai cũng được hưởng. Không phải ai ai cũng là phái-viên của Chánh-phủ cử đi, Chánh-phủ chịu phí, đi đến đâu có xe sẵn để chở, nhà sẵn để ở. Nếu phải đi về việc riêng, ngồi trong cái ô-tô hàng, chồng-chất tới mươi mười-hai người ngồi lẫn với đồ hành-lý, và nhiều khi cũng không chắc có đủ chỗ mà đi, thì quyết là cuộc du-lịch không được vui được tiện như thế. Bởi thế nên cần phải có đường xe lửa. Phải có đường xe lửa chạy qua những xứ mênh - mông cùng-tịch cái bề ngoài thì tưởng là nghèo-nàn lắm nhưng mà nếu có đường giao - thông tiện-lợi thời cũng có thể trở nên giầu có như các xứ khác may-mắn hơn. Phải có đường xe lửa mới liên-lạc được Bắc Nam, trước liên-lạc Trung-kỳ với Bắc-kỳ là hai xứ tuy xa cách nhau nhưng cũng vẫn có theo cái thể-thống chung, rồi liên-lạc đến Bắc-kỳ với Nam-kỳ, Bắc-kỳ người

nhiều ruộng ít, không đủ túc-cung, Nam-kỳ thời ruộng đất thì nhiều, bỏ hoang vô số ; sự liên-lạc ấy xưa nay nói ở đầu miệng viết ở trên giấy, mà chưa thấy thực-hành được ích-lợi, phải có đường xe-lửa mới dựng được nền thống-nhất nước Việt-Nam xưa kia các vua chúa chúng tôi đã đề-tạo được một phần, ngày nay Quí-quốc Bảo-họ nên làm cho thành-công trọn vẹn, trước là giúp cho sự tiến-hóa tuần-tự ở dân-tộc chúng tôi, sau là lợi cho cái chính-sách tốt đẹp cuả Quí-quốc. Sau hết cần phải có đường xe lửa để mở mang lấy hết những nguồn lợi còn tiềm-tàng trong miếng đất Cổ-Việt này khi nào khai-khẩn được hết thời xứ này sẽ trở nên thịnh-lợi hơn cổ kim.

Ấy trong khi xe lửa chạy về Hà-nội, sau một cuộc du-lịch bảy ngày ở các tỉnh miền bắc xứ Trung-kỳ, các phái-viên chúng tôi ngồi trong xe lửa bàn luận với nhau như thế.

Nay kính trình.

Bài này nguyên làm bằng chữ Pháp cuả Bản-chí chủ-bút đưa trình quan Chánh Văn-phòng phủ Toàn-quyền CHÂTEL, ngài có gửi cho các báo tây trích-lục. Đây là cứ nguyên Pháp-văn dịch ra quốc ngữ.

Bài biểu của Bắc-kỳ phái-bộ (1)

Chúng tôi là Bắc-kỳ phái-bộ vâng mệnh đi thăm đường thiết-lộ, cúi đầu kính tâu vì việc tỉnh-an và mừng Thánh-giá Âu-du, xin lượng trên soi xét :

Nay mừng thấy : Gió mưa hòa thuận, non nước thăng-bình. Cõi Hoành-sơn mừng thấu-thập chu-xa, thẳng lối triều-thiên mây ruổi ; đất Âu-lục rắp khải-hành thánh-giá, con thuyền độ-hải sóng êm. Đường Bắc Nam liên-lạc từ đây, thiên-hạ cùng trong văn-phép ; nghĩa Pháp Việt đề-huề càng tỏ, Thánh-hoàng một cuộc vui chơi. Bang-quốc vẻ-vang, thần-dân mừng rỡ !

Kính trông Hoàng-đế bệ-hạ : Đương xuân-thu vừa tuổi anh-minh, vì gia-quốc gây nền hạnh-phúc, chín bệ xa trông nghìn dặm, một lòng soi thấu muôn dân. Gió hòa bay cõi Bắc cõi Nam, ngõ hẹp hang cùng, thấu đường lợi-hại ; ân thánh khắp miền trên miền dưới, non cao bể lạ, thông lối trân-kỳ. Thánh-hoàng ân-đức dồi-dào, người sĩ tại-triều, người nông tại-dã ; thế-giới giao-thông mở rộng, bề trong trị-quốc, bề ngoài mục-lân. Hoàng-gia gặp vận thanh-bình, cuộc thứ-chính

(1) Nguyên-văn đã đăng bên phần chữ Hán.

tạm nhàn khuya sớm ; ngự-giả định ngày du-lịch, ngoài trùng-dương chi quản xa khơi.

Chắc rồi thấy : Thành Ba-Lê dự cuộc vui vầy, muôn nước nhân-dân rõ ràng tai mắt ; người Qui-quốc phu lòng tín-nghĩa, nghìn năm dân-tộc biển-hiện tinh-thần.

Lũ chúng tôi : Xa ở biên-phương, lạm vâng phái mệnh ; người thời chức quan hành-chính, kẻ thời nghệ-nghiệp canh-nông ; người thời ở trong cõi công-thương, kẻ thời giữ về đường ngôn-luận. Cúi đầu cửa phượng, dốc một lòng nhật-hướng qui-khuynh ; ngửa mặt xe loan, dâng bốn chữ : hà-thanh hải-án. Lũ chúng-tôi chúc-tụng hoan-hân, kính phụng bài biểu này dâng lên soi xét.

Ngày 23 tháng Giêng năm Khải-Định thứ bảy.

Thần-đẳng :

Hoàng Trọng-Phu	Trần Văn-Thông
Bạch Thái-Bưởi	Nguyễn Hữu-Thu
Bùi Hui-Tín	Phạm-Quỳnh
Lê Văn-Phúc	Lê Văn-Thược (Năm Sinh)
Trần Viết-Soạn	Hoàng Kim-Bảng
Phạm Mạnh-Sứng	Nguyễn Văn-Tấn
Trần Ngọc-Điền	Nguyễn Hữu-Nchi
Trần Ngọc-Thiện	

CUỘC THI THƠ VỊNH BÀ TRẦN THỊ-THỌ

LỜI TUYÊN-CÁO CỦA HỘI-ĐỒNG CHẤM THƠ

Ngày chủ-nhật 19 Février vừa rồi, hội-đồng chúng tôi đã xét các bài thơ của các bậc thi-nhân vịnh về đầu bài « thay mặt nữ-lưu Bắc-kỳ cảm ơn bà Trần Thị-Thọ Nam-kỳ quyên tiền cúng hội Khai-trí và giúp cho nhà hộ-sinh làng Phương-trung hai nghìn đồng bạc ». Đầu bài ấy là do cô Ngô Thị-Quyên khởi-ý xướng ra mà muốn nhờ các bậc thi-nhân làm-hộ, vì thế, cô có gửi một món tiền nhuận-bút, để tặng bài nào được giải nhất.

Trong cuộc làm thơ này thi-nhân 107 nhà, đầu-cảo non 200 bài, hội-đồng chúng tôi được cái hân-hạnh đọc thơ các ngài lấy làm vui mừng lắm. Chúng tôi định số điểm từ 1 đến 20 là cùng, nhưng điểm-duyệt xong rồi, trừ ra những bài bất-trung-cách như là ca và tập Kiều . . . thời không chấm đến, còn thì không

bài nào quá 13, từ 8 điểm đến 13 điểm thì có 10 bài mà đã bị một bài xuất-vận (vần truyền ghép với vần em) còn có chín bài mà thôi. Xét thế thời đủ biết nghề thơ cũng rất khó thay!

Chúng tôi không dám tự-mệnh là thi-nhân, nhưng cũng thường đọc thơ; mà xét trong cuộc thơ này thời cũng không bài nào lấy quá 13 điểm. Có lẽ vì thể thơ thù-tặng vẫn khó, mà đại-nghĩ về thơ thù-tặng lại khó nữa, cho nên ít có bài tuyệt-bút chăng?

Chúng tôi thiết-nghĩ rằng thể thơ ấy thì nên chọn bài nào trung-hậu mà đắc-thể. Trong chín bài nói trên kia: Nam-giới 6 bài, Nữ-giới 3 bài. Nữ-giới ngày nay mới đông người chen vai ở chốn văn-đàn, ta nên lấy biệt-tịch mà đãi, tưởng các bậc thi-nhân nam-giới cũng biểu-đồng-tình vậy. Còn về nam-giới thời chúng tôi xin có mấy lời bình-nghị để hầu các ngài: Bài thứ nhất thời thi-thể nghe được, nhưng cái ý nữ-lưu cảm ơn bà Trần-thị không được dồi-dào, tuy câu đệ-nhị có hai chữ « chị em », tưởng không thể cai-quát toàn-đề được, nếu trừ hai chữ ấy ra thời có thể gọi là bài thơ của nam-giới cảm ơn bà Trần-thị. Vả lại thơ làm theo cổ-thể như thế thời văn đắc-pháp, nhưng trích-cú ra thời e không được rắn-rỏi xứng với cổ-thể cho lắm; bài thứ nhì thời lời thơ đan-giản không được nồng-nàn đậm-đà, nhưng không có tì, và lại đủ ý nam-giới thay cho nữ-giới cảm ơn bà Trần-thị mà có hàm-ý thay lời cho cô QUYÊN nữa, hiềm vì thiếu ý nữ-giới Bắc-kỳ tạ một bà nữ-hiệp ở Nam-kỳ; bài thứ ba thời câu đệ-nhất còn non, câu đệ-nhị không xứng . . . . « bạc nghìn mua chuộc nghĩa non sông » . . . non sông có lẽ đâu rẻ lắm ư? Câu đệ-tam thời ba chữ cuối câu « trứng nước rồng » e không được luyện, còn mấy câu kia thời được; bài thứ tư thời hai câu đều có ý cảnh-tỉnh người đời, nhưng ý-khiếm-tiếp, câu đệ-tam và đệ-ngũ được, mấy câu kia e phiếm; bài thứ năm thời lời hơi chất-phác, nhưng được ý trung-hậu. Bài thứ sáu thời câu đệ-nhị không được rõ, câu tam tứ được, mấy câu dưới e phiếm.

Kết-quả cuộc chấm thơ, chúng tôi xin chia làm hai phần: nữ-giới theo thứ-tự nữ-giới; nam-giới theo thứ-tự nam-giới. Nữ-giới từ thứ nhất đến thứ ba; nam-giới từ thứ nhất đến thứ sáu. Ấy là chúng tôi bằng-cứ theo văn-hành-công-khí mà định thứ-tự như thế, còn việc thưởng món tiền nhuận-bút thế nào, thời sẽ do ông chủ-bút Nam-Phong đối với cô NGÔ THỊ-QUYÊN mà liệu-định.

Ba bài thơ của nữ-giới và sáu bài thơ của nam-giới, sẽ có đăng vào các báo và báo Nam-Phong. nhân về dịp chấm thơ, hội-đồng chúng tôi có mấy lời ý-kiến trình với các bạn làng thơ như sau này :

Thơ-văn là một thứ mĩ-nghệ, mà thứ mĩ-nghệ ấy có thể khiến cho người ta hàm-dưỡng-tính-tình được. Công-hiệu thơ-văn đối với tính-tình của người đời cũng như là âm-nhạc, âm-nhạc không thể bỏ được thời thơ-văn cũng không thể bỏ, mà thơ-văn lại cần phải theo cái tự-nhiên luật-điệu của mình. Thơ ca nước ta, lối văn lục-bát vẫn là nguyên-âm của nước ta phát-khởi ra từ câu hát ru em, chèo đò, hái dâu, chính là một điệu « quốc-phong » tự-nhiên vậy. Đến cụ HÀN-THUYÊN thu-thập từ-điệu của Tàu làm ra thơ chữ nôm, từ ấy ta mới có lối thơ nôm, nhưng ngày xưa thì lối thơ thất-ngôn hoặc tứ-tuyệt vẫn nhiều, còn lối trường-thiên cổ-thể có lẽ cận-đại đây mới thịnh. Ta tuy mô-phỏng theo từ-điệu Tàu mà thơ nôm của các cụ ta ngày xưa cũng vẫn nhiều bài thuyệt-bút không khác gì thơ Tàu vậy. Đại-phàm lối gì cũng thế, mô-phỏng lâu thời thành tự-nhiên, cho nên thuộc về lối làm thơ trường-thiên đoản-thiên, thất-ngôn, ngũ-ngôn, cổ-thể, cận-thể, của người nước ta làm ra bấy lâu nay, cũng có thể gọi là tự-nhiên luật-điệu của làng thơ Nam-Việt vậy.

Thơ các cụ ngày trước lắm bài phun châu nhả ngọc, thâm-trầm, lý-thú biết là dường nào. Như cách thơ tự-nhiên, lối thất-ngôn thời như bài tự-thuật của cụ Thượng-thư Trần Chỉ-Tín :

Tuổi tác nay đà ngoại sáu mươi,
Hơn ai chẳng dám dám thua ai,
Hai bàn tay trắng làm nên thế,
Một tâm lòng son ở với đời.
Lũy phúc mà đong lo cũng mệt,
Có duyên thời gặp dễ như chơi.
Xưa nay con tạo xoay-vần nhỉ,
Hết đó rồi đây cũng thảnh-thơi.

Lối ngũ-ngôn cổ-thể thì như bài ông thi-sĩ ở Bình-thuận tiễn người bạn về Quảng-nam :

Trái mù-u trên núi, chảy xuống cửa Phan-giang.
Ông đi về ngoài nớ, trong lòng lôi chẳng an.
Bao giờ ông trở vô, gặp nhau ở giữa đàng.
Nắm tay nói chuyện chơi, uống rượu cười nghênh-ngang.

Lối thơ điêu-khắc như bài thơ tả cảnh rằng : « *Ngọn nước chảy xuôi trời lật ngửa, mảnh trăng úp sấp đất nằm nghiêng.* » Câu ấy thật có kém gì câu thơ chữ Tầu rằng: « *Nguyệt minh thiên thượng hạ, phàm tần ngạn tây đông* ». Bài thơ đức Dực-tôn ngự-chế điếu một bà Phi có câu rằng : « *Đập cổ-kính ra tìm lấy bóng, xếp tàn-y lại để dành hơi* ». Thời câu thơ điêu-khắc mà chí-tình.

Gần đây như thơ cụ Yên-đỗ cùng các bậc danh-nhân khác cũng nhiều bài tuyệt-tác, chúng tôi không kể cho hết được. Oi! di-âm dư-vận của các bậc danh-thi ngày trước nay hãy còn văng-vẳng bên tai chúng ta vậy. Huống chi ngày nay là đương thịnh về văn quốc-ngữ, thơ ca đầy các tờ báo, ngâm vịnh khắp các hạng người, như thế thời cũng đáng cho là thời-đại cực-thịnh của làng văn-thi-giới vậy. Nhưng ngày xưa các cụ làm thơ hình như khó mà ngày nay các bậc văn-sĩ làm thơ cực dễ ; *ngâm thành ngũ cả tự, dụng phá nhất-sinh-tâm*, một câu thơ là một khối tâm-huyết, vì thế vẫn ít có thơ mà bậc thi-gia làm ra trong năm bảy mười bài, họa chăng chọn được năm ba bài để truyền-thế. Thơ ngày nay ngâm-vịnh đã dễ mà truyền-thế rất dễ, miễn thảo xong thời lai-cảo đăng báo ngay, hình như nhà làm thơ đã nhập-thần mà xuất-khẩu thành-chương, cho nên mới tiết những lời cẩm-tâm tú-khẩu của mình, không nỡ phó-thác cho bình-tương mỗ-bút. Thơ-văn ra đời rất dễ-dàng như thế, thì cái đại-giá tất phải rẻ hơn ngày xưa. Vì thế, xã-hội ngày nay thường lấy hai chữ « văn-sĩ » mà mỉa-mai các bạn làng thơ, lại còn nhiều người hiểu lầm lấy câu « rung-đùi » mà đổ vạ lây cho các cụ nữa. Vả-lại cao-sơn lưu-thủy ít ai tri-kỷ, thời đàn Bá-Nha cũng phải rứt dây, khúc hát dương-xuân khó tìm ở chốn tri-oa thập-bộ. Có lẽ vì thế mà ta muốn đọc một bài thơ-văn gì cho giải-muộn, cần phải ôn lại thơ-văn của các cụ ngày xưa.

Nhưng chúng tôi thiết-tưởng rằng không nên thấy thế mà vội chán nghề ngâm vịnh và không nên tìm lời mà bài-xích các nhà ngâm-vịnh, ta nên ái-ngại cho

nghề nghâm-vịnh ngày nay mà đem lòng thận-trọng vậy. Thơ văn là mĩ-thuật có một phần về quốc-túy mà chính là cái vẻ đẹp của quốc-văn ta. Khuyên đồng-nhân ta ai có chí về nghề ấy, cũng nên gia-công khảo-cứu và luyện-tập; nghĩa là ta không nên coi rẻ nghề làm thơ. Nếu ta có lòng thương quốc-văn, bồi-thực cho quốc - văn, thời phải gắng công cố sức mà không khiến cho một cái vẻ đẹp của quốc-văn kia phải bị thoái-hóa, vì cái vẻ đẹp ấy là các cụ ngày xưa đã mượn tranh nước người mà truyền-thần cho chúng ta làm gương, thế thời chúng ta nên chiếu theo gương ấy mà làm cho thêm xinh thêm đẹp vậy.

* * *

LỤC ĐẲNG CHÍN BÀI THƠ TRÚNG CÁCH, CHIA RA NAM GIỚI 6 BÀI, NỮ - GIỚI 3 BÀI

Nam-giới 6 bài

I

Cùng nòi Đồng-Lạc giống vàng da,
Chị em hai xứ như một nhà.
Đem tài sánh nghĩa, tài coi nhẹ,
Của ít lòng nhiều, ta giúp ta.
Giúp công khai-hóa buổi văn-minh,
Giúp tiền mở mang việc vệ-sinh.
Khua chuông giục-giã hồn say tỉnh,
Để cùng tỏ mặt hội đua tranh.
Nọ làng Phương-trung, tỉnh Hà-đông,
Kìa hội Khai-trí thành Thăng-long.
Tấm lòng phúc đẳng hà-sa ấy,
Ngàn thu bia đá còn ghi công.
Người Bắc người Nam cùng một dạ,
Bể ái nguồn ân khôn xiết tả.

Non sông còn đó nghĩa còn dài,
Mượn bút chép ghi lời cảm tạ.

THỔ-KHỐI NGUYỆT-LINH-TỬ

II

Đá cố chen vai gánh quả cầu,
Dẫu rằng phận gái cũng lo âu.
Trông mong người Việt theo đường
[mới,
Giúp đỡ con Hồng nối nghiệp sau.
Danh nghĩa vẹn toàn vì bụng tốt,
Hội làng vui vẻ cảm ơn sâu.
Dám xin thay mặt phường khăn yếm,
Muôn dặm chung tình gọi biết nhau.

Thị độc lãnh Chủ-sự au Ministère de l'intérieur

NGUYỄN-HỮU-HIỆT

III

Cũng giống vàng-da cũng má-hồng,
Bạc nghìn mua chuộc nghĩa non sông.
Giúp công dạy dỗ con nhà Việt,
Đỡ sức nâng niu trứng nước rồng.
Tỏ mặt anh-thư thiên-hạ biết,
Làm gương công-ích thế-gian trông.

Nước non xa cách lòng không cách,
Xin tạc ngàn năm một chữ đồng.

Huyện Hoàn-long, tổng Chung, thôn Thọ,
[xã Yên-thai, PHUNG-GIU

IV

Há phải như ai chỉ vụ-danh,
Nghĩa coi là trọng của là khinh.
Phương-trung Khai-trí đôi nền phúc,
Nhị-thủy Mê-giang một bến tình.
Son phấn cũng chen đường tiến-hóa,
Tiên rồng càng rạng vẻ văn-minh.
Treo tranh nữ-giới lồng gương sáng,
Đối với giời Nam bóng thọ-tinh.

17 phố hàng Thiếc

NGUYỄN-ĐÌNH-CỬU

V

Bắc Nam nòi giống có xa đâu,
Phúc đức như bà hẳn sống lâu.
Hộ xã Phương-trung treo nghĩa cả,
Giúp phần Khai-trí tạc ân sâu.
Hai nghìn bạc trắng chia đôi việc,
Một tấm lòng son xẻ đỡ nhau.

Thay mặt chị em người xứ Bắc,
Gọi là kỷ-niệm một vài câu.

Song-phượng, DƯƠNG-ĐÌNH-TIÊN
88, Thái-hà-ấp — Hà-Đông

VI

Ấy cũng môi-son cũng má-hồng,
Tiếng lừng ngoài Bắc khắp Nam [Trung.
Sẵn lòng yêu giống mong nòi khá,
Vì nghĩa đem tiền giúp việc công.
Há những tu-mi là khí-khái,
Mới hay cân-quắc cũng anh-hùng.
Làm gương cho khách soi kim cổ,
Công-đức như bà có hiếm không?

VŨ-TÍCH-CỐNG chez M. Hưng-ký, Hanoi

NỮ-GIỚI 3 BÀI :

I

Chị em Hồng-Lạc bạn thoa-quần,
Nghĩa trọng tài khinh có chị Trần.
Xẻ bạc xây chung nền tiến-đức,
Rắc vàng vun lấy cỗi sinh-nhân.
Dễ đâu khăn yếm lòng quân-tử,
Góp với râu mày nghĩa quốc-dân.

Bắc thơm lây cùng bạn gái,
Gió Nam mượn bút giãi niềm ân.

62, Rue de Hà-Trung, Hà-nội

NGUYỄN-THỊ-TUYỀN

II

Đem sức quần-thoa gánh nước non,
Hai nghìn bạc trắng một lòng son.
Nghìn thu Tiến-đức ân đầm-thấm.
Muôn dặm Phương-trung phúc vẹn tròn.
Tình gửi Mỵ-hà mây bát-ngát,
Danh treo Nùng-lĩnh đá chon-von.
Nhiệt-thành nữ-giới là ai đấy.
Còn núi Nam-sơn kỷ-niệm còn.

Đáp-cầu nữ-giáo-học Bảo-thoa

TRẦN THỊ-CHÂM

III

Bạc những hai nghìn há một đồng,
Của riêng đem cúng để tiêu chung.
Phường kia đã cảm bao nhiêu đức.
Hội nọ còn ghi một tấm lòng.
Con gái họ Trần hào lắm nhỉ!
Chị em xứ Bắc phục hay không?
Khen thay mà lại nên ơn lắm,
Bụng thảo thơm lây bạn má hồng.

Ngụ phố Yên-lâm, huyện Đông-triều, Hải-Dương

NGUYỄN THỊ-NHUNG

BÀI HÁT TIỄN-HÀNH

Nhân dịp Bản-chí chủ-bút Phạm Thượng-chi tiên-sinh tây - hành và Nguyễn Tiễn-đầu tiên-sinh nam-qui, đồng-liệt chư thân-hữu có nghĩ mấy bài hát nói để tiễn-hành, lục-đăng như sau này :

I

Thượng-chi tiên-sinh tây-hành

Ngồi mà đếm cổ-lai danh-sĩ, được mấy ông Tư-Mã Tử-Trường ? Gẫm xưa nay mầu kinh - thế văn-chương, có du - lịch sẽ nên giường mới lại. *Dục học Tử Trường văn-khí giả,* 欲學子長文氣者, *chỉ ưng tiên học Tử-Trường du* 只應先學子長遊, Huống ngày nay trên mặt địa-cầu, nào Kim-sơn tân-thế-giới, nào Thạch-phủ cổ-danh-đô, nào phồn-hoa nơi Ngũ-hải, nào hình-thắng đất Tam-châu, người tuệ-nhỡn đâu-đâu là học cả. Văn-vật *Paris* nay đứng đầu thiên-hạ, chúc cho ai nên phẩm-giá văn-chương. Trời Nam may có Tử-Trường.

Đồng-liệt kính tiễn

Tùng-vân kính thảo

II

Tiêu-đầu tiên-sinh nam-qui

Tối thị Tràng-an hành-lạc xứ, ngao-ngán thay kẻ ở người đi. Khách tao-đàn vừa tỏ mặt tương-tri, bứt-rứt nhẽ tương-ái tương-ly tương-phùng tương-tống ! *Hoàng-châu xuân-sắc hà lai mộng,* 皇州春色何來夢 *thanh-thế văn-chương biệt hữu-tình* 清世文章別有情. Còn lạ chi là giống tài-danh ? Vì hai chữ hào-hoa ngơ-ngẩn ! Khí Nam-hải chiêu-vân hồng-nhật cận, mầu Đông-đô xuân-thủy lục-ba bình. Nước non những nặng vì tình.

Đồng-liệt kính tiễn

Tùng-vân kính thảo

BÀI HÁT LƯU-GIẢN

Tiêu-đầu tiên-sinh nam-qui có lưu-giản hai bài luật-thi đã đăng bên phần chữ hán. Nay Bảu-chí dịch ra hai bài hát nói như sau này ;

I

Duyên đâu gặp gỡ làm chi tá, mừng cho tuân mà lại hồ cho thân. Con hải-âu bay lượn bấy nhiêu lâu, trải phong-vũ lại tới gần thiên-nhật. Lòng trung-thuận những mong bù đạo đất, lời ly-ưu may thấu đến tai trời. Trận mưa dào cành khô-mộc lại thêm tươi, lượng xuân rộng cho cỏ nội hoa hèn lên thượng-uyển. Ân nặng dồi-dào, tình riêng ngao-ngán, tâm-sự này xin ngỏ cùng ai. Còn non còn nước còn người.

II

Tám năm văn-mặc, chợt phen này xa cách đất Đông-đô. Ngọn nam-huân sớm đón chiều đưa, cười ai đó mến ai chăng đó ? *Mãn nhỡn yên-hoa thu Bắc-bộ,* 滿眼煙花收北部。 *tri tâm minh-nguyệt ký Tây-hồ.* 知心明月寄西湖。 Duyên bèo mây tan họp khách lảng thơ, lòng ưu-ái ai ai cùng một dạ. Nhị-thủy Hương-hà bắc nam đôi ngả, những ước-ao khơi tạc cho liền ; tháng ngày nhẩn cá đưa tin.

TÙNG-VÂN kính dịch

III

Tiễn phái-bộ trong hội Khai-trí Tây hành

Yêm-bác kỷ vì thiên-hạ sĩ, độc thập niên bất nhược nhất hào-du. Buổi giao-thông trên mặt địa-cầu, họp Đông-Á Tây-Âu làm một hội. Tài kinh-thế mỏ-mang trong trí giới, khéo đạt-quan thu lấy mối tinh-thần, dưởng tiến-đức bước lên dần, đạt mục-đích lại là phần khai-trí, vũ-trụ-nội giai ngô phận-sự, một bước chân mà vang vẻ nghìn thu, tứ-phương là chí trượng-phu.

CÁT-THÀNH kính tiễn.

CẦU ĐỒNG-Ý VÌ CÂU-ĐỐI HỘI KHAI-TRÍ

Gần đây Hội-đồng trị-sự hội Khai-trí Tiến-đức có ủy tôi đặt sáu đôi câu-đối để treo nhà Hội-quán của Hội ở phố hàng Trống Hà-nội. Tôi có nhờ các bậc văn-hữu đặt hộ, đã đặt được mấy câu như sau này. Nhưng tôi thiết-nghĩ rằng nhà hội K. T. T. Đ. là một nhà Hội-quán chung cả toàn-quốc, câu-đối nhà Hội có quan-hệ đến tinh-thần văn-học một nước mà nhất là có quan-hệ đến phần danh-dự của các bậc văn-nhân trong nước. Vì thế chúng tôi không dám tự-chuyên, xin tuyên-cáo cùng các ngài để trưng-cầu đồng-ý; nghĩa là thành-tâm mà cầu-cứu với các nhà văn-học trong nước hoặc người trong hội, người ngoài hội vì sự công-ích mà chỉ bảo riêng cho chúng tôi để chúng tôi tìm được câu xứng-đáng rồi sẽ trình Hội, chứ không dám bắt-chước cách treo giải huyền-thưởng mà đối với các ngài vậy.

Chúng tôi nghĩ được mấy câu, cũng lấy làm chưa vừa ý, hoặc có chữ còn sượng-sùng, hoặc có chữ hơi phiếm, nhưng vì sức đến đấy là cùng, xin các ngài phủ-chính, hoặc là chữa đổi lại thế nào, hoặc là đặt ra câu khác.

Vì hội cần-dùng câu-đối trong một kỳ-hạn hơi chóng, cho nên chúng tôi chỉ có thể đợi tin dạy bảo của các ngài kể từ ngày có lời tuyên-cáo này trở đi trong hạn một tháng mà thôi. Nếu trong hạn ấy mà các ngài không phủ-chính cho, thời bất-đắc-dĩ chúng tôi phải đem câu-đối mình đã đặt ra mà trình Hội, khi ấy lời bình-phẩm thế nào, xin các ngài nên chia một phần trách-nhiệm vậy.

Trước khi trình câu-đối xin lược-kể đại-ý đầu bài : mục-đích Hội là liên-lạc các hạng người trong ba kỳ và dung-hợp tình-ý của dân hai nước để mở-mang tri-thức, duy-trì đạo-đức. Nhà hội-quán ở Hà-nội là nhà Hội chánh, để làm cái cơ-quan của Hội-viên tập-hợp. Phong-cảnh nhà Hội ở phố hàng Trống là một chỗ

trung-tâm của đô-thị phồn-hoa, gần hồ Hoàn-kiếm và ở cạnh đền vua Lê; song câu-đối của Hội định làm ra câu-đối con hình lá sen quả bầu mảnh trúc v. v. cho nên đặt càng ngắn càng hay, ước câu thơ bảy chữ là vừa ; Hội định dùng câu-đối chữ nôm, chứ không dùng hán-văn, vì tiếng nôm là bản-âm của nước nhà.

Mấy câu-đối của chúng tôi lạm-nghĩ

1° Ba kỳ một hội, Trung, Nam, Bắc ;
Hai nước nghìn năm, ân, nghĩa, tình.

2° Nét vẽ lâu-đài, chuốc lấy mầu tinh-túy ;
Bức thêu sơn-thủy, treo giữa đất phồn-hoa.

3° Trí rắp những khai, nào sĩ, nào nông, nào công,
nào thương, qua cửa văn-minh vào cõi giác ;
Đức mong sao tiến, này quan, này dân, này tân,
này cựu, bắc thang thân-ái trỏ đường tu.

Mấy câu-đối tập-kiều

4° Trên dưới vì dân vì nước ;
Sẵn-sàng có đá có cây.

5° Rừng tía bụi hồng bát-ngát ;
Gió quang mây tạnh thảnh-thơi.

6° Còn nước, còn non, bốn phương phẳng-lặng ;
Đắc-trung đắc-hiếu, hai chữ dồi-dào.

7° Khi gió gác, khi trăng sân, trúc mai xum-họp ;
Có sơn-hồ, có cổ-thụ, ngày tháng thanh-nhàn.

Ấy là mấy câu của các nhà văn-hữu hợp-nghĩ.

NGUYỄN BÁ-TRÁC phụng-trình.

SỨ-HOA NHÀN-VỊNH (1)

(Dịch thơ triều Lê)

VIII

92. — Kim-lăng bát cảnh

Đất Kim-lăng này là từ đời nhà Tần nhà Hán cho đến đời Lục-triều vẫn khen rằng danh-thắng thứ nhất vùng Giang-nam, cảnh đẹp hãy còn di-tích lại nhiều lắm, tương-truyền có 16 cảnh, những người đề-vịnh xưa nay cũng nhiều, trong có tám cảnh thực đẹp, lượt qua xem có vịnh thơ cả.

I

Chung sơn long -bàn

(Núi Chung-sơn hình-thế như ổ rồng)

Về phía bắc ngoài thành năm dặm,
Có Chung-sơn một rặng cao-cao.
Gốc từ núi Nhiếp chạy vào,
Qua đông-bắc lại lộn vào tây-nam.
Đến Đại-giang Tam-giang thì chỉ,
Chạy vòng quanh như thế khúc rồng.
Um-thùm những trúc cùng thông,
Non lồng vẻ ngọc cây chung sắc vàng.
Hình-thế gọi long-bàn là đó,
Khổng-minh xưa đã họa dư-đồ.
Tương-truyền thắng-cảnh danh-[đó,
Xem xong ta đã có thơ lưu - đề.

Khí thiêng nghi-ngút khói trùng-trùng,
Ánh đỏ hình như khí ngọc xông.
Khúc dẫn quanh thành làn Nhị-thủy (2),
Thế vòng dải nước ngọn tam-phong (3).
Mây tuôn kẽ đá mầu xanh lộn,
Mưa rảy lưng cây sắc trắng lồng.
Dấu cũ trải bao nền đế bá,
Tương-truyền danh-thắng nhất Sơn-đông.

II

Thạch-thành hồ cứ

(Thành đá hiểm như hổ ngồi giữ thế)

Ngoài hai dặm gần nơi phủ-trị,
Có Thạch-thành hình-thế lạ thay !
Gốc từ Chung-lĩnh một dây,
Qua Lư-long-trấn phía tây chạy dài.
Khen tạo-hoá an-bài cũng lạ,
Kết thành hình một quả đá to.
Tôn-Quyền thủa trước vua Ngô,
Xây trên núi ấy thành to mấy trùng.
Lên đỉnh núi mà trông từng phía,
Dải Ngưu-sơn trong kẽ mắt mày.
Khổng-minh xưa đến núi này,
Chữ đề « *hổ-cứ* » đến nay hãy còn.
Đem tình giãi với núi non,
Người xưa cảnh cũ vẫn còn như in.

Ngũ-lăng ai tạc mấy trùng-phong ?
Núi nhấp-nhô cao đá chập-chồng.
Gió thổi hùng-phong hang chính-bắc,
Nanh nhe khí-thế ngọn triều-đông.
Thành xây đã quyết ba chia (4) vững,
Góc giữa còn tranh một mặt (4) hùng.
Hàm-cốc (5) chớ khoe hình-thắng vội,
Nơi này địa-lợi (6) oả nhân-công (7).

III

Yến-tử lâm-lưu

(Núi hình chim Yến sa xuống dòng sông)

Mặt tây-bắc gần nơi thành-phủ,
Yến-tử-sơn là núi hữu-danh.

---

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 48.
(2) Nhị-thủy = hai ngọn sông.
(3) Tam-phong = ba ngọn núi.
(4) Tôn-Quyền xưng hùng một phần ba phía đông.
(5) Nơi hiểm-yếu đời nhà Tần.
(6) Địa-lợi = thế đất có lợi tự-nhiên.
(7) Nhân-công = tay người dựng đặt ra.

Lư-long một góc chia ngành,
Đến Quan-âm-lĩnh đột ngay một bầu.
Thủy khuất-khúc dòng theo đá nổi,
Trông hình như yến lộn sang sông.
Đầu non bóng rợp ngàn thông,
Trên có miếu mặt trông sang chùa.
Đình Dương-thủy mập-mờ sau trước,
Bến Điếu-cơ ngọn nước vơi đầy.
Chân trời góc bể là đây,
Xem xong ta lại vịnh ngay một bài.

Lư-long một dải núi làn-làn.
Đá lặn lòng sông nước chứa-chan.
Lưỡi bến thừa-trào (1) phun sóng ngược,
Cánh bằng tầm-thủy (2) phá dòng ngang.
Lông (3) tùng mây phủ nền thiền-viện (4),
Cốt đá rêu mờ bãi điếu-can (5),
Dạo bước lên đình Vân-thủy ngắm,
Bên trời hàng nhạn lúc nam-hoàn (6).

IV

Tràng-giang thiên-tạm

(Con sông dài như trời ngăn địa giới)

Bốn mươi dặm phía thành tây-bắc,
Dải tràng-giang trông thực dài ghê.
Nguồn từ Dân-lĩnh chạy về,
Hợp cùng Hán-Dự đi về đông-nam.
Quanh tây-bắc qua làn sông toả,
Đến đông-lưu rót cả một dòng.
Trông ra sông nước mông-mênh,
Chia đôi nam bắc như hình trời ngăn.
Ngụy Văn-đế xưa phân địa-hiểm,
Con sông này thiên-tạm gọi tên.
Trong khi sóng cả quay thuyền,
Trông theo dòng nước ta liền có thơ.

Trời ngăn nam-bắc dải tràng-lưu,
Rốn chứa Giang Hoài nước trắng phau.
Chôn sắt chẳng cần trăng lưới (7) rộng,
Ném roi (8) chi ngại đứt dòng sâu.
Dọc ngang trời đất không kim-cổ,
Cúi ngửa kiền khôn mấy bể dâu.
Một lá thuyền lan khi lợi-thiệp (9),
Gió trăng rạng tỏ một làn thâu.

V

Bạch-lộ bức-triều

(Cái hồ hình con cò ngăn mặt sóng)

Cách tám dặm phía nam thành-phủ,
Có một hồ Bạch-lộ thật to.
Vòng quanh nước sáu dặm dư,
Chảy theo hai dải chia từ Lộ-châu.
Trên dòng nước thượng-lưu lập [chẹn,
Từ xưa truyền thiên-hiểm là đây.
Thưởng-tâm Bạch-lộ hai đình,
Tuy rầy đổ nát còn hình dấu xưa.
Thuyền một lá chèo thưa sóng nhẹ,
Trông bốn bên như thể bầu trời.
Cắm sào đỗ bến thảnh-thơi,
Hứng-tình có vịnh một bài thi ca.

Dòng đi quanh quất biết bao là,
Chồi sậy mầm lau bóng mập mờ.
Hai dải ngăn in đê liễu-thụ (10),
Ba đèo bóng lộn sóng đào-hoa (11).
Đàn cò thấp-thoáng con cao thấp,
Mà ếch om thòm tiếng-ỷ a.
Cảnh cũ khó tìm người hỏi chuyện,
Cánh buồm thơ-thẩn bãi bình-sa.

VI

Tần-hoài thu-phiếm

(Sông Tần-hoài mùa thu người ta hay chở thuyền dong mát)

Phía đông-nam quanh thành một [dải,
Nước thao-thảo trăm phái chảy vào.

---

(1) Thừa-trào = theo dòng nước.
(2) Tầm-thủy = dải đất bỏ xuống nước.
(3) Lá thông nhỏ như tóc.
(4) Thiền-viện = cảnh chùa.
(5) Điếu-can = chỗ ngồi câu cá.
(6) Nam-hoàn = nhạn thấy rét thì bay về nam.
(7) Trăng lưới sắt để phòng-bị thuyền giặc đi qua.
(8) Khi ông Bồ-Kiên nhà Tần sang đánh Tấn, qua sông Tràng-giang có dương thanh-thế nói rằng ném roi đứt được dòng sông.
(9) Lợi-thiệp là tiện sang sông.
(10) Hai bên đê trồng liễu.
(11) Sóng lộn như hoa đào.

Gần bên có bến sông Đào,
Hoàn-Y-thổi sáo mời chào Vương-Huy.
Bảy hai dịp cầu kia cao thấp,
Từ Tần-hoàng xây đắp năm xưa.
Đình-đài thấp-thoáng bên hồ,
Thuyền bè xan-xát nhấp-nhô cánh buồm.
Người chơi dạo chiều hôm như mắc,
Nước suối reo róc-rách thâu ngày.
Bắc-triều phong-vị là đây,
Hứng tình ta có vịnh ngay một bài :

Bóng trăng vằng-vặc nước thao-thao,
Thưởng-cảnh du-nhân rộn tiếng chào.
Tối dạo cầu hồng (1) bờ bến Thủy,
Sớm nghe cung địch (2) khúc sông Đào.
Bóng lầu thấp-thoáng đầu dây chạo,
Tiếng thác lưng-chừng ngọn gió cao.
Một vẻ đình-đài trông chẳng chán,
Rõ-ràng phong-vị chốn thiên-triều (3).

VII

Đông-sơn thắng - thự

(Nơi cảnh đẹp ở núi Đông-sơn)

Tây nam thành ba mươi dặm lẻ,
Núi Ngọc-sơn một vẻ trông xinh.
Cối-kê quả núi liền thành,
Là nơi ông Tạ phóng-tình ngày xưa.
Khi cùng cụ Đỗ đánh cờ,
Khi thì giắt đĩ thần-thơ lưng đèo.
Rừng trúc hoá thông reo cửa thự,
Núi Bát-âm trăng rủ tứ-vi.
Ngắm trông phong-cảnh cũng kỳ,
Ta liền ngẫu-vịnh ca - thi một bài.

Khen ai khéo chọn bãi quan-hà,
Tứ phía mông-mênh cõi mắt xa.
Vạn-thụ lưng đèo hình cổ-mộc,
Bát-âm quanh thự vẻ sinh-ca.
Cờ chưa đổi cuộc trên rêu đá,
Đĩ muốn trêu người dưới bóng hoa.
Thấp-thoáng đầu thành vầng nguyệt-bạch,
Còn ngờ Tạ Đỗ mới hồi xa (4).

VIII

Báo-ân cổ-tự

(Chùa Báo-ân đời xưa)

Phía nam thành có chùa cổ-tự,
Tên Báo-ân hai chữ rành-rành.
Tôn-Quyền khi trước lập thành,
Là nơi cổ-tự một thành Giang-nam.
Khéo xếp đặt trước am sau điện,
Tượng trên tòa ẩn-hiện trăm pho.
Chín tầng mây nhấp-nhô ngọn tháp,
Cầu sau đền trăm nhịp bắc ngang.
Trông ra mọi vẻ trang-hoàng,
Thuyền vừa quay mũi ta liền vịnh thơ.

Tuyết ngọc long-lanh tựa vẻ băng,
Lương-đài Tấn-uyển (5) phải đây chăng.
Lầu in bóng liễu dòng yên-thủy.
Tháp lần tầng mây ngọn hỏa-đăng.
Quả-kiếp soi cùng gương tuệ-nhỡn,
Siêu-sinh (6) thổi nhẹ bóng từ-hàng.
Hương hoa bát-ngát mùi Thiền-vị,
Một mảnh trần-tâm rửa sạch lâng.

93.— Ngắm cảnh sông Đào-nguyên

Chỗ này tức là hạ - ngạn trung-nguyên, về phía tả sông Hoàng-hà, từ con sông nhánh của sông Hoàng - hà, đi qua huyện Thanh-hà, Đào - nguyên mấy huyện ấy rồi chảy tuột đi, chỗ này trông chỉ những bình-đê ; không có cây cối gì cả, chỉ có một bãi cát chạy dài, không có mấy dân-thôn ở cả.

Thuyền đi tới đấy, bấy giờ vừa gặp Trung - thu, ngài trên thuyền ngắm cảnh rồi vịnh một bài.

Len-lỏi dòng khe cảnh vắng teo,
Vũ-lăng trước mặt ngợ thôn Đào (8).
In hàng nhạn-ảnh làn thup bằng,

---

(1) Nhịp cầu của vua Tần-hoàng xây lên.
(2) Tiếng sáo của ông Hoàn-Y thổi mời ông Vương-Huy.
(3) Thiên-triều = nơi cung điện nhà vua.
(4) Ông Tạ-An và ông Đỗ-Tử-Huyền lên núi đánh cờ, đến tối quay xe về.
(5) Đền nước Lương, Vườn nước Tấn, hai cảnh rất đẹp.
(6) Khỏi nơi địa-ngục.
(8) Thôn Đào là cõi tiên ở.

Gác mái ngư-ông giấc ngủ khèo.
Cát phẳng nước xa còi phố muộn,
Gió cao trăng nhạt khói sông chiều.
Tấm lòng lữ-thứ cùng ai tá,
Ngồi tựa trên mui ngắm cõi sào.

94.— Đề miếu ông Thục Tiên-chúa

Thục Tiên - chúa tức là ông Lưu-Bị về đời Tam-quốc. Bấy giờ thuyền theo dọc sông, trông lên trên bờ có miếu thờ, mới dừng chân lại lên yết-miếu rồi có đề một bài.

Ngất trời miếu-mạo bóng nguy-nga,
Còn tưởng uy-nghi lúc Hán-gia.
Vũ-trụ thu về đồ tóm một (1),
Giang-sơn như vẽ vạc chia ba (2).
Lối về Đông-tỉnh con đường trước,
Buổi hội Tây-xuyên lúc bấy giờ.
Tiền-định có trời thôi đề giận,
Một bầu quét sạch bụi can-qua (3).

95. — Đến cầu dĩ-kiều nhớ ông Trương-Lương

Cầu này cách cửa sông Hạ-bì mười dặm, tức là chỗ ông Trương-Lương ẩn ở đấy ngày xưa. Khi ông đi gì dong mát, có gặp một ông cụ tên là Hoàng - Thạch - phủ - công cho mấy quyển sách, rồi sau ông Trương-Lương ra giúp nhà Hán, thành được nghiệp đế, rồi lại theo ông Sích-Tòng-tử lên tiên.

Khi thuyền đi đến Dĩ-kiều, ta sực nghĩ đến ông Trương Tử-Phòng. có vịnh một bài.

Đường Sạn gió bay khói bụi lừng,
Lối vào tiên-cảnh mát lưng-lưng.
Chân dung (4) như vẽ trên hòn đá,
Tản-bộ (5) còn ngờ dưới bóng trăng.
Truyền bát (6) chốn này đâu dáng tá,
Tòng-du (7) người cũ phải đây chăng.
Trên cầu giục khách người qua lại,
Một dải trần-tâm quét sạch lâng.

96. — Nhàn-vịnh cảnh sông Nghi

Thuyền đến cửa Hà-áp thì đậu lại, Cửa sông này hai bờ có núi cao, giữa dòng có thác, lại có cửa mở cho nước ra vào được, đến kỳ nước to, cánh cửa mở rộng, thì nước dâng cao đến vài thước, ầm-ầm rội xuống như thác chảy lưng trời, thuyền đi qua phải có độ 100 tên phu hết sức reo hò kéo lên, thì thuyền mới đi qua được, nhiều khi kéo đến nỗi đứt cả dây neo thuyền. Bấy giờ đậu thuyền lại, để chờ chiều nước, ngảnh ra tứ-phía, thấy hương sen ngào-ngạt, cây ngô-đồng lá rụng tả-tơi. Đương khi sóng vỗ tung - hoành, nhìn xem phong - cảnh ngâm thành mấy câu.

Cửa Áp nơi này rất hiểm-nan,
Quanh-co trùng-thủy lại trùng-san (8).
Nhấp-nhô sen nở hoa phơi ngọc,
Lác-đác ngô bay lá rụng vàng.
Thác rội lưng trời khi cánh mở,
Thuyền neo ngọn nước tiếng hò vang.
Bình-sinh đã vững lòng trung-tín (9),
Theo cánh buồm xuôi dịp-dịp khoan.

97. — Đi đến huyện Bái ngẫu-vịnh

Huyện Bái là chốn quê vua Hán Cao-tổ, khi vua Cao-tổ hàn-vi còn làm đình-trưởng thì vẫn ở đấy, sau khởi-binh đánh dẹp năm năm trời rồi lấy được cả thiên-hạ mới làm vua.

Thuyền qua đấy, ngẫu vịnh một bài :

---

(1) Địa-đồ nhất-thống ở đời nhà Tiền-Hán.
(2) Bấy giờ ông Lưu-Bị có một phần-ba thiên-hạ.
(3) Can qua là mộc và giáo ; trong khi đánh nhau bụi mù trời.
(4) Chân-dung là hình người.
(5) Tản-bộ là đi chơi giong.
(6) Sách truyền đạo.
(7) Tòng-du là theo tiên đi chơi đâu mất.
(8) Trùng-thủy, trùng-san là nhiều ngòi nhiều núi.
(9) Cổ-nhân có câu rằng : bình-sinh mà ẩn ở trung-tín, thì bấy giờ cần gì sự phong-ba.

Bái-thành hình-thế thật kỳ-quan!
Đông giáp Tề Yên bắc giáp Hàn.
Hai dải sông ngân dòng Tứ-thủy,
Một hàng núi ngọc ngọn Châu-san.
Dấu làng thang-mộc (1) hương còn ngát,
Cục đất chung-linh (2) khí chửa san.
Trời đất khéo xây nền đế-bá,
Cơ-đồ nghiệp Hán bốn trăm hơn.

98. — Mùa thu ngắm cảnh đất Sơn-đông

Khi thuyền vào địa-giới tỉnh Sơn-đông, trông ra một cõi đất ruộng, làng xóm tít mù xa, mắt trông không thấy, ruộng nương thì trồng những lúa mì, lúa chiêm, vừng, đậu, v.v., cây cối thì những hòe, liễu, tòng, bách; vùng ấy rét lắm, các dân-thôn thì làm một kiểu nhà rất lạ, như xây vuông bốn mặt, dưới lát nền gạch, trên không nồi nóc, xây gạch bịt kín. cao độ 15 trượng, trông hình như cái tháp vuông trên không có ngọn.

Thuyền qua đấy nhân cảnh thu nên có vịnh một bài.

Dải đất xa trông ngút một phương,
Đường vào Ngô Sở chốn bình-dương.
Tầng non khói phủ tầng mây biếc,
Bãi lúa bông phơi bãi cát vàng.
Nùng đạm tranh treo sương điểm lá,
Thấp cao ngọc rủ tuyết in tường.
Xanh xanh một rặng chân trời đứng,
Tùng bách xuyên mây liễu rủ đường

99. — Đề miếu thày Trọng-Do

Miếu này ở trên sông Tứ nước Lỗ, về vùng đức thánh Khổng dạy học.

Thày Trọng-Do là học-trò bậc cao của đức thánh, tính nóng-nảy cương-trực, lòng trung-tín thẳng-thắn, thờ cha mẹ rất hiếu, thờ vua rất trung, làm quan chính-sự thật giỏi, khi mất có miếu thờ ở đấy. khi thuyền đi qua, ngài lên xem miếu rồi đề một bài.

Chon-von một miếu ngất tầng mây,
Núi Đại sông Vân (3) khí tốt đầy.
Vàng đá (4) nửa lời non núi nặng,
Vua cha một bụng quỉ thần (5) hay.
Tài khoe nghìn cỗ (6) không nhường bạn,
Chí hỏi ba quân (7) muốn thử thày.
Trời đất không cùng nay lại trước,
Nghìn năm nghi ngút khói hương bay.

100. — Vịnh cảnh thu dọc đường

Về mùa thu, thuyền tự tỉnh Giang-nam tiến-hành, xuôi dò sông Giang sang sông Hoài, qua sông Hà vào bể, buồm theo ngọn gió, sóng vỗ lần sông, mênh-mông sông nước tuyệt vời, trông ra góc bể chân trời xa xa. Bèn khiến dừng thuyền, ngắm cảnh thu, biết bao thu-dạ thu-thanh, thu-sơn thu-thủy, mới giục nên thu-hoài thu-cảm thu-tứ thu-tình mà ngâm nên một bài.

Non sông như giục tứ bồi-hồi,
Trời bể xa xa chốn giốc nhai (8).
Chầy gạo cách bờ reo tiếng nặng,
Dịp xênh hòa gió dẫn canh dài
Đèn khêu lãnh-ý (9) thu hơn nửa,
Cửa rọi bàu-quang (10) nguyệt chửa phai.
Câu phú Âu-dương (11) ngâm cảnh sớm,
Mái đầu sương đã điểm hoa mai (12).

---

(1) Chốn quê nhà vua, chỉ lấy tiền thuế để chi về việc tắm gội.
(2) Kiểu đất tốt.
(3) Núi Đại sông Vân ở về địa-phận nước Lỗ.
(4) Một lời nói bền như vàng đá.
(5) Trời đất cũng cảm cách lòng hiếu-trung.
(6) Nói có tài giúp nước lớn
(7) Nói có tài giỏi về việc trận mạc.
(8) Nơi góc bể chân trời.
(9) Tiết thu sắp lạnh trời.
(10) Bóng trăng.
(11) Ông Âu-Dương có làm bài phú thu-thanh.
(12) Nói sương xuống trắng đầu.

101. — Tức-cảnh thành Sơn-đông

Thành Sơn-đông này tức là thành nước Lỗ đời xưa, là nơi sinh ra đức thánh Khổng. Thành này non sông đẹp-đẽ, chung-dục khí anh-linh, đất rộng dân giàu, người thuần thói tốt, trông như hãy còn phảng - phất có cảnh-tượng thánh - hiền đời xưa, những quang-cảnh không thể thuật hết được.

Nhân những cảnh trông thấy mà tức-cảnh một bài.

Non xanh nước biếc cảnh thêm ưa,
Chân bước lưng-chừng dạ ngẩn-ngơ.
Quang-cảnh triều nay nhân-vật mới,
Chung linh dấu cũ thánh hiền xưa.
Song khai mắt liễu lừa chiều khách,
Đạp phẳng vàng hòe ngựa chạy thơ.
Êm-ả chiều trời thu tháng chín,
Lên cao bái-vọng bóng dương (1) mờ.

102. — Trong đường Lâm-thanh

Theo con sông chảnh đi hơn 300 dặm, đến đoạn Lâm-thanh, chỗ này hai bên bờ toàn núi cả, giữa có một lạch nước nhỏ, thường hay cạn luôn, có đặt cửa để nước đi lại, làng ở quanh quất như vòng dế. Mỗi năm cứ đến mùa thu nước cạn, người giữ cửa áp, trước mấy ngày phải đóng cửa cống lại, đợi khi thuyền đến mới mở cửa cho nước chảy, hiện bấy giờ có mấy người chực sẵn ở cửa áp để kéo dây, thì thuyền mới đi qua được, chỗ này thuyền đi nguy-hiểm lắm, nên tục truyền vẫn có câu rằng : « Không sợ đường Kinh-bắc xa, chỉ lo nước trong ngoài cạn », tức là chỗ này. Khi thuyền vừa đến đấy thì bóng đã xế chiều, trông phong-cảnh có vịnh một bài.

Núi ngậm vầng ô gác mái tây,
Cờ mao phấy-phẩy gió nam bay.
Một vùng thôn-dã làn sương phủ,
Bốn mặt thành-sơn bóng nước lay.
Thu khóa cửa hang trăng khép mở,
Nước khan khe lạch cát vơi đầy.
Giang-sơn thu nhật trong ngòi bút,
Gang tấc thần-kinh (2) sắp tới đây.

103. — Đậu thuyền ở thành Lâm-thanh

Thành này cũng là một nơi thắng-cảnh, trên đường thì ngựa xe rộn-rịp, dưới sông thì thuyền bè ngổn-ngang, bên bờ có bến tuần - quan, là chốn quân quan canh gác, có cắm một lá cờ to đề bốn chữ : « *Du-quốc thông-thương* » nghĩa là bến các nước thông-thương, và lại nhà nào ở ngoài cửa cũng có xây hai cái cột đồng-trụ cao, treo cái khánh to, khi đánh vào thì kêu hay lắm, lại nước sông ấy suốt tứ-thời bao giờ cũng ấm, người ở đấy hay lấy nước ấy tắm gội, gọi là đường hương-thủy, vậy mới vịnh rằng :

Dưới bến thuyền bè khắp ngổn-ngang,
Khói mây nùng đạm nước mênh-mang.
Buồm theo bóng nhật bay nghìn lá,
Nước ngậm hơi sương tỏa một làn.
Vọng gác sang canh hồi trống nhặt,
Bên chùa gọi tối tiếng chuông khoan.
Biết bao quang-cảnh tầm con mắt,
Thực chốn sơn-xuyên một đại-quan (3).

104. — Đề miếu Tam-nghĩa

Miếu này ở trên thành Hán, tức là châu Thanh về đất nước Tề hồi xưa, đời nhà Hán gọi là huyện Bình-nguyên, ông Lưu Huyền-Đức xưa làm quan Úy ở huyện ấy, nay dựng làm đền, trong đền ấy có đắp tượng ba ông : Lưu-Bị, Quan - Công và Trương - Phi đánh Đốc-bưu ngày xưa ; vào yết miếu rồi đề rằng :

Trên miếu uy-nghi tưởng đỏ ngòn,
Khói hương nghi-ngút lẫn vàng son.
Tỏ cùng trời đất lòng sau trước,
Nặng với non sông nghĩa khuất còn.

(1) Đạo đức Khổng-tử ví như bóng mặt trời mùa thu.
(2) Thần-kinh tức là Yên-kinh nhà Minh.
(3) Đại-quan là chỗ phong cảnh đẹp lắm.

Tơi tả vườn đào xuân đã lão,
Phất-phơ cành liễu dáng còn non.
Vua tôi bè bạn gương kim cổ,
Dấu cũ nghìn thu đá chửa mòn.

105. Tức-cảnh thành Thiên-tân

Thành này lập tại sông Tam-hà, dưới có thuyền bè cầu cống, là chỗ vọng-canh cuả tuần-quan. Đường thủy đường bộ giao-thông, người buôn bán từ đường bể đi lại, kẻ mua người bán, đông đúc suốt ngày, người đông vật thịnh, từ đấy đến Yên-kinh đi qua vịnh Trương-gia-đài 270 dặm.

Theo cửa Tam-hà một ngọn vào,
Thuyền bè xan-xát tiếng xôn-xao.
Cầu Lư ngang bến sông như lụa,
Gịp phấn theo dòng nước tựa sao.
Lũ-lượt chàng Ngưu trên trỏ giắt,
Dập-dìu ả Chức dưới ngâm chao
Hỏi ai là gã Quân-Bình (1) đấy,
Chỉ nẻo cho nhau biết bến vào.

106. — Trông tuyết trời

Khi thuyền đi đến sau thôn Trà, bấy giờ trời đông tháng giá, gió thổi sương pha, suốt đêm mưa tuyết lạnh-lùng, chim rừng ẩn tiếng, mây lồng bóng cao, buồn-bã thay cái đêm đông, nhân vịnh một bài.

Tuông khí hàn-quang mảnh mảnh rơi,
Lộn mênh thiên-địa vẻ tơi-bời.
Núi non một dải in mầu nước,
Hoa cỏ muôn cây nhuộm sắc trời.
Mây núi quét trong không bóng vết,
Chim rừng xào-xạc vắng tăm hơi.
Bốn bề cảnh sắc như tô mới.
Muốn điểm nên tranh khó vẽ vời.

107. — Sớm ngủ dậy ở toà hội-đồng

Bấy giờ trọ ở quán Yên-đài một đêm, chờ đến mai vào chầu, phần thì lạ cảnh lạ nhà, phần thì vâng mệnh quân-vương, khắc-khoải suốt năm canh không ngủ được, trông ra trời đã rạng sáng, mới ngẫu-vịnh rằng.

Khắc khoải thâu đêm mộng chẳng thành,
Đỉnh đầu bóng nguyệt gác chênh-chênh.
Lưng tường gió thổi lòng chăn rét,
Cửa sổ trăng lùa mặt ghế xanh.
Giọt lậu khua tai chiều khó ngủ,
Tù-và rối ruột lúc tan canh.
Thức đêm mới biết đêm dài nhỉ,
Giãi với phong sương một tấc thành.

108. — Sớm ngày đợi ở cửa Ngọ-môn

Độ vào đầu trống canh năm, mang lòng thành-cẩn đối với khí tinh-minh, dời bước đến chốn tây-lang ngoài cửa Ngọ-môn, để đợi đến sáng rõ rồi vào chầu cống, trong khi chờ đợi có ngẫu-vịnh rằng.

Thấm-thoắt đồng-hồ giọt trọng khinh,
Lưng trời đỉnh-liệu bốc tinh-quỳnh.
Bóng tường cao ánh lầu Nam-miếu,
Chuôi đầu quay theo nước Bắc-thành.
Thấp-thoáng đèn trời nơi chín bệ,
Vần-vơ hồn phách lúc năm canh.
Tù-và chợt thấy ngoài thành giục,
Vội-vã xu-xương chốn điện-đình.

109. — Ở nhà Kim-đài gặp tết Nguyên-đán

Khi ngài đã vào chầu vua Tàu rồi, lại ra trọ nhà Kim-đài ở quán Yên-kinh, để đợi mệnh vua Tàu, rồi trở về nước Nam, bấy giờ gặp vào tết Nguyên-đán, nhân đối cảnh mà vịnh rằng.

Năm đến ngày dương lại tháng dương,
Xuân vừa ba chục cảnh thiều-quang.
Tinh-thần sổ-điểm lưng bầu rượu,
Phẩm-vị thơm-tho một nén hương.
Mưa móc êm-đềm ơn vũ-lộ,
Áo xiêm rực-rỡ hộ y-thường.
Trời nam xa ngó nghìn muôn dặm,
Khí tía hồng-vân rực một phương.

---

(1) Xưa có người ở trên bể trông thấy một chiếc thuyền nổi lênh-đênh, mới cưỡi lên, rồi trôi đến một nơi bến nước, chỉ thấy có một người đàn bà ngâm sợi và một người con trai giắt trâu, mới hỏi người thày bói là Nghiêm Quân-Bình là nơi nào, thì Quân-Bình trỏ bảo rằng : đây là sông Thiên-hà, người ngâm sợi là vị sao Chức-nữ, người giắt trâu là vị sao Khiên-ngưu trên trời

110. — Vịnh sáng mồng một tết

Mồng một tết, dậy sớm nghĩ đến nước nhà, động lòng thương - nhớ, có vịnh một bài.

Gió đông phấy-phẩy ngọn cờ bay,
Xuân tới đông qua sứ-mệnh chầy.
Cảnh tết sớm này hơn sớm trước,
Chiều trời năm ngoái kém năm nay.
Tấm lòng cố-quốc khi ngồi đứng,
Chiếc gối tha-hương giấc tỉnh say.
Thơ vẫn rượu đầy tình chẳng hết,
Lượn-lờ đàn yến diễu làn mây.

111. — Thuật hoài khi trọ ở Yên-kinh

Khi còn ở lại Yên-kinh chưa được mệnh về, có thuật-hoài một bài :

Ba thu ròng-rã dặm xa khơi,
Tháng lại năm qua cảnh lạ người.
Đất khách chi-chi trong bóng nhật,
Khí thơm ấm-áp một bầu trời.
Chiều người xuân hiến dư trăm vẻ,
Mến khách chim ca đủ mọi lời.
Ước được chỉ-nam (1) xe một cỗ,
Tha hồ giong-ruổi bước thanh thơi.

112. — Bài hồi - trình

Khi được mệnh vua Tàu hạ - chỉ cho về nước nhà, bấy giờ đương tiết xuân, vào lạy ta vua Tàu, chào mừng các quan, biết bao nhiêu tấm lòng hớn-hở, tấc dạ vui-mừng, khi dựng cờ sứ-tiết lên đường, trông về cố-quốc, tưởng chừng như bước một bước đến nhà, trong khi ấy có ngâm một bài.

Then trời rộng mở chín lần mây.
Sứ tiết lui từ bệ ngọc nay.
Quen mặt chào nẻo hoa nhả sắc,
Đưa chân hớn-hở liễu giương mày.
Buồm treo ngọn sóng thuyền xa đợi.
Gió thét cung đường ngựa muốn bay.
Áo đượm mùi hương hơi đượm rượu,
Một đoàn hòa-khí mát bây-bây.

Hết

Lương-ngọc Vũ Bích dịch

TRUYỆN KIỀU GỌT

(*Dùng chữ truyện* Kiều *mà rút lại mỗi câu bốn chữ, bốn câu hai vần ; cộng 284 câu*)

Gẫm duyên kỳ-ngộ,
Tác-hợp cơ trời.
Làm gương cho khách,
Đề bia muôn đời.

Rủi may âu cũng,
Ghét bỏ gì nhau.
Nhẹ-nhàng nợ trước,
Tương-phùng kiếp sau.

Có nhà viên-ngoại,
Vốn dòng nho-gia.
Một trai con thứ,
Hai ả tố-nga.

Đủ mùi ca-ngâm,
Nổi danh tài-sắc.
Phú-quí ai bì,
Phong-lưu rất mực.

Vân xem trang-trọng
Nét ngài nở-nang.
Kiều càng sắc-xảo,
Ngọc nói đoan-trang.

Lần xem phong-cảnh,
Trong tiết Thanh-minh.
Ngổn-ngang gò đống,
Nô-nức yến anh.

(1) Xe có kim chỉ về hướng nam, xưa ông Chu-công chế ra để tiễn sứ An-nam.

Đạm-tiên nàng ấy,
Nằm dất bên đường.
Xót người mệnh bạc,
Ở dưới suối vàng.

Đời người đến thế,
Trông thấy càng thương
Tần-ngần dạo gót,
Gặp gỡ giữa đường.

Họ Kim tên Trọng,
Phong-nhã hào-hoa.
Khách dà xuống ngựa,
Kiều nép dưới hoa.

Xuân-lan thu-cúc,
Quốc-sắc thiên-tài.
Cùng nhau trông mặt,
Ra tình đeo-đai.

Sinh thì dạo gót,
Nàng mới kíp dời.
Tựa ngồi bên triện,
Nhường có bóng người.

Thấy một tiểu-kiều,
Vâng trình hội-chủ.
Mặt người vô-duyên,
Đoạn-tràng là số.

Cứ trong mộng-triệu,
Xiết nỗi kinh hoàng!
Vâng lời khuyên-giải,
Thật ý lo-lường.

Bông liễu bay ngang,
Con oanh học nói.
Là thói hữu-tình,
Đố ai gỡ mối.

Nỗi nàng canh-cánh,
Gác bóng chênh-chênh.
Ngổn-ngang trăm mối,
Duyên nợ ba-sinh.

Lòng thơ lai-láng,
Riêng những bàn-hoàn.
Mây Tần khóa kín,
Lam-kiều lần sang.

Buồng không bỏ vắng,
Du-học hỏi thuê.
May thay giải-cấu,
Liệu nẻo di về.

Tường đông lay động,
Bóng người thướt-tha.
Lần theo trường gấm,
Nhác thấy kim-thoa.

Kiều còn ngơ-ngẩn,
Sinh ý đợi-chờ.
Chẳng duyên chưa dễ,
Lên tiếng xa đưa.

Nào của mấy mươi,
Tiện đây xin một.
Nhìn mặt thêm tươi,
Dừng chân gạn chút.

Lòng xuân phơi-phới,
Sóng tình xiêu-xiêu.
Rầy lần mai lữa,
Nhớ ít tưởng nhiều.

Đinh-ninh hai miệng,
Đã phỉ mười nguyền.
Mặn-mà nét bút,
Dìu-dặt tay tiên.

Một lời gắn-bó,
Trong cuộc truy-hoan.
Kiều từ dạo gót,
Sinh về bộ-tang.

Nặng nguyền non sông,
Nỗi nhà tang-tóc.
Xót liễu vì hoa,
Gìn vàng giữ ngọc.

Nỗi ông vất - vả,
Gặp lúc lưu-ly.
Gớm tay thêu dệt,
Hết lời thị-phi.

Hỏi ra mới biết,
Buộc vào tự-nhiên.
Dạy rằng cứ phép,
Chẳng qua vì tiền.

Phần căm nỗi khách,
Thêm tức nỗi nhà.
Hãy cho đề thiếp,
Tìm đường cứu cha.

Vả gì một đoá,
Quyết đền ba xuân.
Nỗi niềm tâm-sự,
Ngỏ với băng-nhân.

Có mụ Tú-bà,
Mái ngoài họ Mã
Được mối bán buôn,
Giả danh hầu-hạ.

Dạy văn dạy vũ,
Cân sắc cân tài.
Mối rằng giá đáng,
Ai mất tiền hoài.

Tiền lưng đã có,
Thay đen khó gì ?
Nỗi nhà báo-đáp,
Thương người lưu-ly.

Chửa ráo chén vàng,
Đã đành phận bạc.
Đau nỗi biệt-ly,
Cảm lòng lưu-lạc.

Hoa dầu rã cánh,
Cầm đã bén dây.
Ối Kim-lang hỡi!
Mượn Thúy-Vân thay.

Nỗi riêng riêng những,
Lạc bước bước ra.
Hoài công nắng giữ,
Bao quản mưa sa.

Sen vàng đằng-đẵng,
Mây bạc xa-xa.
Thương tình con trẻ,
Riêng giận trời già.

Hoa vào thuyền lái,
Tiền bén tay phàm.
Thì vin cành quít,
Chót đã giúng chàm.

Tiếc thay giá trắng,
Lại gặp hồi đen.
Khác mầu kẻ quí,
Sá nghĩa phận hèn.

Đêm thâu đằng-đẵng,
Tủi phận bời-bời.
Đã toan trốn nợ,
Dễ bay đường trời.

Liệu lời khuyên-giải,
Tính cuộc vuông tròn.
Xót thân liễu yếu,
Đợi ngày đào non.

Dạy cho má phấn,
Đưa đến lầu hồng.
Bốn bề xuân khoá,
Bát-ngát xa trông.

Nhớ cảnh gia-hương,
Bóng dâu đã xế.
Biết nỗi nước này,
Nhị đào đã bẻ.

Góc trời thăm-thẳm,
Nội cỏ rầu-rầu.
Còn vầng trăng bạc,
Rủ bức rèm châu.

Mặt mo dâu đã,
Mướp đắng một phường.
Còn tiên *tích-việt*,
Đã rẽ dây cương.

Trăng già độc-địa,
Hoa khéo rã dầy.
Bắt phong-trần phải,
Những nghề-nghiệp hay.

Liễu chán hoa chê,
Ong qua bướm lại.
Một giấc mơ-màng,
Nửa đời nếm trải.

Số còn nặng nghiệp,
Trao lại Thúc-sinh.
Giá đành trong nguyệt,
Cam bề tiểu-tinh.

Trên có nhà thông,
Xá gì liễu ngõ.
Mặt bạc kiếm đường,
Lầu xanh lại bỏ.

Thưa rằng chút phận,
Có lẽ cầm lòng.
Bất-bình nổi trận,
Thân vào cửa công.

Qùi trước sân hoa,
Trông lên mặt sắt.
Búa rìu cũng cam,
Trúc-côn ra sức.

Rằng nàng chút phận,
Nhờ lượng người thương.
Mượn mầu son phấn,
Cũng mạch thư-hương.

Nghe lời vừa ý,
Hẳn có thế thì.
Mộc-già hãy thử,
Câu thần nối thi.

Khen tài nhà ngọc,
Đáng giá nghìn vàng.
Than ôi tài sắc,
Đẹp tầy Thôi Trương.

Thôi đừng trác dữ,
Nên mua lấy tài.
Quan trên nhầm xuống,
Ông cũng êm tai.

Liệu bài mở cửa,
Vâng dạy trước sân.
Hoa soi ngọn đuốc,
Ngày lại thêm xuân.

Vừa mừng được chốn,
Này nỗi chủ-trương.
Vì bằng thú thật,
Trước phải liệu đường.

In chàng liệu kíp,
Phận thiếp dã đành,
Một mình lưỡng-lự,
Chiếc bóng năm canh.

Dưỡng sinh đôi nợ,
Khi dã da mồi.
Tóc mây một ước,
Đã chấm ngang vai.

Lòng này ai tỏ?
Thân đến thế này!
Lửa hương biết có,
Vuông tròn mà hay.

Phải tay vợ cả,
Chọn mặt gia-nhân.
Tơ tằm rứt ruột,
Dây thắm buộc chân.

Khuyền Ưng hai đứa,
Đào lý một cành.
Chia loan rẽ thúy,
Lấy yến làm oanh.

Chàng về xem ý,
Chửa dám rỉ răng.
Trạnh niềm nhớ cảnh,
Bước lần dặm băng.

Vách mưa rã-rời,
Gio tàn một đống.
Thúc-ông giọt dài,
Kiều-nhi phận mỏng.

Chiêu hồn thiết vị,
Cao tay thông-huyền.
Minh dương đôi ngả,
Đồng cốt quàng xiên.

Yên ngựa thẳng giong,
Mẹo lừa đã mắc.
Phải ngậm bồ-hòn.
Như nung gan sắt.

Chàng Thúc mà thương,
Tiểu-thư lại giở.
Buộc vào tôi ngươi,
Làm ra con ở.

Chửa xong cuộc rượu,
Lại ép cung đàn.
Giọt dài giọt ngắn,
Như khóc như than.

Rắp đem mệnh bạc,
Đến trước phật-đường.
Cạn dòng lá thắm,
Giọt nước cành dương.

Nàng từ lánh gót,
Sinh mới lẻn ra.
Xụt-xùi giở nỗi,
Trò-truyện lân-la.

Đang khi bất-ý,
Nói trót đứng ra.
Thật tang bắt được,
Liệu chừng nhủ qua.

Lửa tâm càng nồng,
Máu ghen ai cũng.
Cành ngọn tiêu hao,
Tóc tơ bất động.

Chước đâu có chước,
Tình mới rõ tình.
Nghĩ đi nghĩ lại,
Tính quẩn tính quanh.

Ở đây tai vách,
Rón bước ngọn tường.
Chùa đâu trông thấy,
Sư trưởng liền thương.

Dạy đem pháp-bảo,
Mọi đồ kim-ngân.
Cùng nhau nương cửa,
Cho nàng chứa chân.

Phải điều cầu phật,
Có người tinh-ma.
Chuông vàng khánh bạc,
Kẻ cắp bà già.

Giác-Duyên nghe nói,
Nàng mới giãi lòng.
Phận hèn may rủi,
Nhờ lượng bao-dong.

Gửi thân được chốn,
Chắp cánh cao bay.
Cũng liều nhắm mắt,
Thôi đã mắc tay.

Tấm son gột-rửa,
Ngày bạc lân-la.
Chém cha cái số,
Cũng tổ bợm già.

Cũng liều má phấn,
Vào chốn bụi hồng.
Vì ta khăng-khít,
Lắm nỗi lạ-lùng.

Tài sắc mực này,
Phong-trần kiếp đã.
Tiếc mình làm chi,
Lấy thân mà giả.

Chim lồng khôn nhẽ,
Cá nước duyên ưa.
Đội trời đạp đất,
Tên Hải họ Từ.

Gồm hai văn-vũ,
Là đấng anh-hùng.
Phỉ nguyền sánh phượng,
Được thấy mây rồng.

Nửa năm hương lửa,
Một chén quan-hà.
Từ-công lên ngựa,
Kiều giở trướng hoa.

Gửi áng mây Hàng,
Xiết bao kể nỗi.
Chửa chút đền ơn,
Rằng con biết tội.

Tưởng người dưới nguyệt,
Thôi đã phũ-phàng.
Thì còn em đó,
Chẳng thẹn với chàng.

Đêm ngày luống những.
Ngơ-ngẩn biết gì.
Mái ngoài đã thấy,
Rước chầu vu-qui.

Hai bên thái-nữ,
Mười vạn tướng-quân.
Trúc-ti nổi trước,
Tinh-kỳ rợp sân.

Nghĩ mình vinh-hiển
Kể sự hàn-vi.
Đường kia nỗi nọ,
Các tích mọi kỳ.

Nghiêm quân chọn tướng,
Xuống lệnh ra uy.
Bắt về Vô-tích,
Đạo vào Lâm-chi.

Mấy người vì nghĩa,
Báo đáp ơn tình.
Mấy người bạc ác,
Nhờ cậy uy-linh.

Công tư hai lẽ.
Ơn oán rạch-ròi.
Trước sau trọn vẹn,
Báo-phục vừa rồi.

Năm năm trời bể,
Một cõi biên-thùy.
Triều-đình riêng một,
Công hầu mà chi !

Có quan Tổng-đốc,
Biết Từ anh-hùng.
Biện dâng một lễ,
Lập sẵn chước dùng.

Hồ-công ám-hiệu,
Từ đã thu binh.
Bỗng quân chỉ ngọn,
Một phút tan-tành.

Thiên-hạ trông vào,
Anh-hùng đứng giữa.
Bốn bề xôn-xao,
Nửa phần khiếp sợ.

Ngặp-ngặp mặt nhìn,
Thôi thôi thiếp đã.
Đầm-đầm châu sa.
Tà-tà bóng ngả.

Khóc than khôn xiết,
Biến thảm lạ điều.
Tiếng Kiều nghe lọt,
Anh-hùng cũng xiêu

Nàng vào trong quân,
Hồ-công thấy mặt.
Con én lạc đàn,
Bắt chim bưng mắt

Bắt nàng thị-yến,
Hỏi đến ngón đàn.
Mặn nồng một vẻ,
Cay đắng trăm đường.

Thưa rằng bạc-phận,
Còn mảnh hồng-quần.
Rộng thương cỏ nội,
Được thấy gốc phần.

Má hồng quen thói,
Yếm thắm dễ loà.
Tỉnh ra mới biết,
Trông vào một ta.

Là vẻ cân đai
Phải người trăng gió.
Như thói người ta,
Nghìn năm ai có.

Quyết ngay biện-bạch,
Gỡ mối tơ mành.
Một lời quyết hẳn,
Xẻ gánh chung-tình.

Chiếc lá bơ-vơ,
Cành hoa đem bán.
Đến thế thì thôi,
Nghĩ đời mà ngán !

Chồng chung hồ dễ,
Vợ khắp người ta.
Lòng nào còn tưởng,
Mặt khuất chẳng thà.

Trông gương mặt dầy,
Nghĩ mình phận mỏng.
Rằng sông Tiền-đường,
Nhớ lời thần-mộng.

Bể sâu sóng cả,
Đất thấp trời cao.
Nửa vầng trăng khuyết,
Một giọt mưa dào.

Còn nhiều nợ lắm,
Chửa rứt hương thề.
Trạc-Tuyền nghe tiếng,
Giác-Duyên ngồi kề.

Nỗi chàng Kim-Trọng,
Giở đến kim-hoàn.
Bước vào chốn cũ,
Nghe tin rõ-ràng.

Gặp cơn va gió,
Ông mắc tụng-đình.
Đề lời thề hải,
Nàng mới hạ-tình.

Những là oan khổ,
Kể-lể sau xưa.
Vì ai rụng cải,
Càng rầu như dưa.

Hỏi biết sự duyên,
Gieo mình vật-vã.
Chút nghĩa cũ-càng,
Duyên Vân sớm dã.

Một ngày duyên ta,
Nghìn vàng thân ấy.
Nhớ đến bao giờ,
Tìm đâu cho thấy.

Xuyến vàng đôi chiếc,
Mảy trắng một mầu.
Cánh hồng bay bổng,
Tăm cá biết đâu?

Đổi thay nhạn cá,
Gặp hội tràng văn.
Với chàng Vương-Quan,
Cũng chiếm bảng-xuân.

Năm mảy thấy chiếu,
Hai nhà phó-quan.
Cùng nhau theo gót,
Cũng lại tìm nàng.

Nghe tường ngành ngọn,
Lập một đàn-tràng.
Nghìn thu bạc-mệnh,
Ấy mồ hồng-nhan.

Hương còn thơm nức,
Hồn theo chốn nào.
Tình-cờ chẳng hẹn,
Giác-Duyên tìm vào.

Nỗi nàng tai-nạn,
Sư mới dạy qua.
Ở đây cửa phật,
Sao bỗng làm ma.

Xin tìm cho thấy,
Gần kề chẳng xa.
Dưới hoa sẽ gặng,
Sen vàng bước ra.

Nhìn xem đủ mặt,
Mừng-rỡ trăm bề.
Khấu đầu lạy trước,
Dang tay ra về.

Tiệc hoa vội mở,
Chén cúc giở say.
Nàng càng thổn-thức,
Vân mới giãi-bày

Hai bên gặp-gỡ,
Muôn sự tại trời.
Nhờ cha giả nghĩa,
Cậy em thay lời.

Cũng là phận cải,
Gọi là duyên sau.
Cũng là máu chảy,
Ấy là ơn sâu.

Mười-lăm năm ấy,
Còn một chút này.
Gẫm âu duyên ấy,
Bây giờ là đây.

Gương vỡ lại lành,
Trăng thề còn đó,
Má đào thêm xuân,
Hoa đèn càng tỏ.

Nàng vội gạt đi,
Lời xưa đã lỗi.
Phận bạc như vôi,
Duyên em dầu nổi.

Âu đành quả-kiếp,
Chút phận hoa rơi.
Khéo thay mặt dạn,
Đã bia miệng cười.

Sinh rằng riêng tưởng,
Từ thủa tương-tri.
Còn nhiều ân-ái,
Xét tấm tình si.

Kể đà thiều-não,
Biết đã mấy mươi.
Dầu đâu giải-kết,
Cũng giữ lấy lời.

Thiếp từ ngộ-biến,
Phải khi tòng-quyền.
Cát lầm ngọc trắng,
Bùn lại nhuộm đen.

Đã xong thân thế,
Chẳng hổ mình sao.
Đá vàng sao nỡ,
Trần-cấu dự vào.

Chàng rằng khéo nói,
Nhớ những bao giờ.
Dẫu mòn bia đá,
Dám rời lòng tơ.

Đã không duyên trước,
Còn thấy nhau đây.
Thì xin chút ước,
Vả tiếng một ngày.

Cười rằng tri-kỷ,
Vàng biết lòng chàng.
Mấy lời tâm-phúc,
Mà gửi can-tràng.

Huệ-lan thơm nức,
Mai trúc xum vầy.

Nạn xưa quét sạch,
Nay sao vui vầy.

Xuân huyên tuổi hạc,
Gia-thất duyên-hài.
Hiếu tình vẹn cả,
Phúc lộc gồm hai.

Có khi vui chuyện,
Chén rượu cuộc cờ.
Có khi vắng vẻ,
Nét vẽ câu thơ.

Tài này sắc ấy,
Một vẻ một ưa.
Khát-khao đã thỏa.
Mặn-mà hơn xưa.

Cơ trời dâu bể,
Con tạo xoay vần.
Bi hoan mấy nỗi,
Kíp chầy một lần.

Gẫm xem cho kỹ,
Đừng lấy làm chơi.
Đã mang lấy nghiệp,
Mà cậy chi tài,

Cảo thơm lần giở,
Bút hoa vẽ-vời.
Tuy rằng vui chữ,
Thôi chớ dài lời.

Lời quê nhặt nối,
Gọi là để sau.
Sự muôn năm cũ,
Nên vài bốn câu.

Lại-trì Cử-nhân HÀ MAI-KHÔI
(Thái-bình)

(NGUYỄN KHẮC-MẠI sao lục)

VĂN-HỌC-SỬ NƯỚC TÀU (1)

THIÊN THỨ I

Thời-đại mới phôi-thai

Lời tổng-thuật. — Từ đời cổ đến nay, văn-học nước Tàu biến-thiên nhiều lắm, song xét những sách làm ra, đại-để cũng không qua cái phạm-vi sách lục-kinh và những sách chư-tử bách-gia về đời Chu đời Tần Vì như sông lớn mênh-mông, đều phát-nguyên từ bề Tinh-tú; thiên-sơn liên-lạc, cùng khởi-mạch từ núi Côn-luân; cho nên từ đời Phục-Hi, Thần-Nông đến đời Chu, Tần, chính là thuộc về thời-đại phôi-thai ra văn-học nước Tàu vậy.

Chương thứ I

sách lục-kinh thứ-tự làm ra

TIẾT THỨ 1

Mới đặt ra chữ Tàu. — Cổ-giả chưa có chữ, thời sao có văn-học được, cho nên họ Nhân-hoàng trị-vì chỉ biết dùng cái chính lấy dây thắt nút để làm dấu. Đến đời họ Phục-Hi, mới cúi xét ngửa xem trong cõi trời đất, vạch ra tám quẻ là : *Kiền Khôn Khảm Ly Trấn Đoài Cấn Tốn*, đó tức là chữ tượng-hình rất đơn-giản ở về thời bấy giờ. Đồng-thời ấy lại có họ Sử-hoàng trông thấy con linh-qui mình đội họa-đồ, mai đỏ chữ xanh, nhân cảm-giác mà làm ra chữ. Đến đời vua Hoàng-đế thời có Sử-quan là Thương-Hiệt 倉頡 mới chế ra sáu phép viết, thời mới đủ các bộ chữ để dùng. Sáu phép viết : 1º tượng-hình như chữ *nhật* 日, *nguyệt* 月 (2); 2º chỉ-sự như chữ *thượng* 上, *hạ* 下 (3); 3º hội-ý như chữ *võ* 武, *tin* 信 (4); 4º hình-thanh như chữ *giang* 江, *hà* 河 (5); 5º chuyển-chú như là chữ *khả* 可, *phả* 叵 (6); 6º giả-tá như chữ *linh* 令, *trường* 長 (7).

TIẾT THỨ 2

Mới bắt đầu dùng chữ để biên-chép. — Đời cổ-giả lấy dây thắt nút hay là khắc vào gỗ để ghi nhớ việc ma thôi, nên cần phải dùng chữ để làm cái dấu ghi nhớ, vua Hoàng-đế trước nhất đặt ra Sử-quan, lấy ông Thương-Hiệt làm quan Tả-sử, ông Thư-Tụng 沮誦 làm quan Hữu-sử. Khi bấy giờ thể-lệ biên-chép có 3 thể.

1º là thể kỷ-niên — Tức là sách *trúc-thư kỷ-niên* (8), đời vẫn còn truyền lại. Sách ấy chép bắt đầu từ đời vua Hoàng-đế, cứ theo hàng năm mà biên-chép cũng giản-lược lắm, lối chép sử biên-niên đời sau là lạm-tràng ra từ đó.

2º là thế-thế-bản — Sách này cũng chép bắt đầu từ đời vua Hoàng-đế, ghi chép thế-hệ các đời đế-vương và các bậc đại-thần, lối chép *phổ-điệp sử-biểu* đời sau là lạm-tràng ra từ đó.

3º là kinh Thư — Ông Khổng-tử san kinh Thư, ngắt lấy từ đời Đường đời

---

(1) Dịch theo quyển Trung-quốc văn-học sử của ông Vương Mộng-Tăng 王夢曾.

(2) Chữ nhật nguyệt là tượng-hình mặt trời mặt trăng.

(3) Chữ thượng là trỏ người ở trên, chữ hạ là trỏ người ở dưới, là trỏ cho rõ việc ra vậy.

(4) Chữ võ 武 là ngụ-ý *chỉ qua* 止戈, là cấm-chỉ việc binh-qua mới gọi là võ, chữ tin là ngụ-ý *nhân ngôn*, 人言 nghĩa là người nói phải cho tin.

(5) Chữ giang hà 江河 có hình ba chấm thủy là nước.

(6) Chữ khả 可 chuyển cái nét sổ lên trên là chữ phả 叵, đó là chuyển-chú.

(7) Giả-tá như là mượn chữ *lịnh* vòng bình-thanh ra chữ *lịnh*, mượn chữ *trường* vòng thượng-thanh là *trưởng*.

(8) Sách chép bằng mảnh tre, cứ theo thứ tự hàng năm mà chép qua mọi việc.

Ngu trở xuống, thế thời biết kinh Thư không phải chép bắt đầu tự đời Đường Ngu. Xét cái thể sách cũng giống như thể ông Thương - Hiệt ông Thư-Tụng chép ra, chính là quan Tả-sử ghi chép lời nói, quan Hữu-sử ghi chép sự hành-động, duy có đời Đường Ngu biên-chép lại càng rõ ràng đủ hơn, xem như hai thiên *Điền* ba thiên *Mô*, chép đủ cả thủy-chung một đời vua, đời sau những thể sách kỷ-chuyện, thể sách ký-sự đều là lạm-tràng ra từ đó. Vua Vũ làm ra thiên *Vũ-cống* 禹貢 đó là lạm-tràng ra sách *địa-lý-chí* đời sau, mà kinh Thư tức là một kinh trong sáu kinh vậy. Khi ấy lại có ông Bá-Ích làm ra *Sơn-hải-kinh*, sách *Di-vực-chí* đời sau cũng lạm-tràng ra từ đó.

TIẾT THỨ 3

Mới phát-nhận ra lối vận-văn. — Lối ca-dao phát ra từ trước khi chửa có chữ, bởi vì tính-tình người ta hứng-thích thời tự-nhiên lưu-lộ phát ra, cho nên cổ-sử có chép rằng dân về đời Cát-thiên-thị thường gõ dịp chân để hát tám khúc hát. Đến thời vua Nghiêu thì có ca *Khang-cù*, ca *Kích-nhưỡng*. Thời vua Thuấn thì có ca *Khánh-vân*, ca *Nam-phong*, ca *Minh-lương hỉ-khỉ*. Đời nhà Hạ thời có lời *ngạn*, đời nhà Thương thời có thể *tụng*, âm-tiết đã hơi hòa-hài. Đến đời nhà Chu chuộng văn, dân bình con gái đều biết âu-ca, hễ động hát lên là hợp vào luật - lã. Vì thế quan Thái - sử mới nhặt các câu hát ở chốn dân - gian khắp các nước gọi là thơ *quốc-phong*; những bài nào tự triều-đình nhà vua làm ra gọi là thể thơ *Nhã* thơ *Tụng*, đều đem hiệp vào quản-huyền để hát. Đến đức Khổng phu-tử mới sau sửa lại để những bài có thể làm khuyến-giới được gọi là kinh Thi, đó tức là một kinh trong sáu kinh vậy.

TIẾT THỨ 4

Phát nguyên ra văn lý-luận.—Triết-học nước Tàu phân-phái ra rất nhiều, lời lý-luận của nhà nho cũng chia làm hai phái :

1° là triết-học kinh Dịch. — Khởi-thủy từ ông Phục-Hi vạch ra tám quẻ, rồi gấp trùng lên thành ra 64 quẻ, bao-hàm cả tinh-lý trời đất muôn vật.

2° là triết-học về tâm - tính. — Khởi-thủy từ một lời nói « *Doãn-chấp quyết-trung* 允執厥中 » của vua Nghiêu truyền-thụ cho vua Thuấn.

Từ đấy về sau, vua Thuấn, lại suy diễn cái câu : « *Doãn-chấp quyết-trung* ấy ra, phát-minh thêm cái lẽ tâm-truyền gồm trong 16 chữ rằng « *Nhân-tâm duy-nguy, đạo-tâm duy-vi, duy-tinh duy-nhất doãn chấp quyết - trung* 人心惟危道心惟微惟精惟一允執厥中 ». Vua Thang đời nhà Thương lại nhận cái thuyết đạo-tâm mà phát-minh ra bảo rằng : « Sinh-dân vốn có thường-tính », Từ đó cái lẽ triết-học về tâm-tính lại càng sướng-phát mãi ra.

Sau đời vua Phục-Hi lại có ông Thần-Nông làm sách ra để suy-diễn Dịch-lý gọi là sách *Liên-sơn* 連山, vì ông Thần-Nông cũng có hiệu xưng là Liên-sơn-thị. Vua Hoàng-đế cũng có sách diễn ra gọi là sách *Qui-tàng* 歸藏, vì vua Hoàng-đế cũng có hiệu xưng là Qui- tàng - thị. Nguyên là sau vua Phục-Hi mà suy-diễn Dịch-lý thời có cái thuyết *Bát-sách* 八索, bài tựa ở kinh Thư bảo đó là thuyết *bát-quái*, gọi là *bát-sách* nghĩa là tìm xét cho rõ nghĩa ra. Còn như sách *Liên - sơn* sách *Qui-tàng*, cũng là hai thứ sách để suy-diễn Dịch-lý, nay hai sách ấy mất cả rồi. Duy có quan Tây-bá nhà Chu tên là Xương đương lúc cuối đời nhà Thương có làm ra *quái-từ* gọi là sách *Chu-dịch*; Con ông Xương là Chu-công Dán mới làm *hào-từ* để cho cùng lẽ biến-hóa, bản kinh Dịch ấy bây giờ hãy còn truyền, cũng là một kinh trong sáu kinh, ấy văn lý-luận là manh-nha ra từ đó, mà văn kinh-huấn cũng thác-thủy ra từ đó vậy.

TIẾT THỨ 5

Khởi-thủy ra văn điển-chế.— Sách ghi chép các điển-chế thời nhà Hạ có thiên *Tiểu - chính* 小正, nhà Thương có thiên *Vương-chế* 王制, đến nhà Chu mới thực là hoàn-mĩ. Ông Chu-công Dán là một bậc văn-hào đời ấy, mới biên-tập sách *Chu-lễ* 周禮 kể thường cả liêu-thuộc chức-chưởng sáu quan ; lại thêm bớt mà ghi chép những lễ quan, hôn, tang, tế, triều, sinh, xạ, hưởng của các đời trước mà làm ra sách *Nghi-lễ* 儀禮, phàm phép lớn một đời vua, điển-cố trong một triều, phân ra điều-lý rõ ràng, gồm đủ cả việc lớn việc nhỏ. Những sách *sử-chí, thông-điển, thông-khảo* đời sau, đều bắt-chước ở đó ; đến đức Khổng phu-tử san-đính lại, cũng để làm một kinh trong sáu kinh vậy.

TIẾT THỨ 6

Văn ký-tái tiến-bộ. —Sách sử lúc đời Chu-sơ như sách Chu-thư cũng theo như kinh Thư, biên-chép ra thể Thế bản, thể Kỷ-niên cũng phỏng như đời-cổ-tích. Từ trung-thế trở về sau, sử-quan mất cả chức-thủ, người sĩ-phu ở chốn thảo-dã mới khởi lên mà cầm cái quyền tái-bút, nên trong sử-học-giới tiến-bộ nhất là có hai đặc-sắc như sau này :

1° Kinh Xuân - thu. — Đương đời nhà Chu, các nước vương nước hầu đều có chép sử Xuân-thu riêng, nhưng cũng giản-lược đại-khái như là thể kỷ-niên. Đức Khổng phu-tử tên là Khâu 邱 tên tự là Trọng-Ni 仲尼, người nước Lỗ, có đạo-học mà không được gặp thời, bèn nhân sử nước Lỗ mà làm ra sách Xuân-thu, cứ chép việc hệ theo dưới ngày, ngày hệ theo dưới tháng, tháng hệ theo dưới mùa, mùa hệ theo dưới năm, so với thể kỷ-niên chỉ chép năm mà thôi, thời thể Xuân-thu biên-niên này lại có phần tường hơn. Và lại nhân trong câu văn có ngụ lời bao-biếm, thực là tị-tổ làm phép cho các nhà đời sau chép sử, văn-chương giản mà rõ, chính mà kỹ, thiên-cổ có một, cũng là một kinh trong sáu kinh vậy.

2° Sách Tả-truyện. — Ông Tả Khâu-Minh 左邱明 nhân sách Xuân-thu mà làm ra truyện, rộng chép cả các sự-thực để chứng-minh cho rõ, không những là giải nghĩa kinh mà thôi, trong bài văn tự-sự đoán-án tường-lược đều có phép tắc, thực là khai-mào trước cho sách Hán - sử. Còn như lời văn - chương mĩ - lệ, thung-dung uỷ-khúc, lời nói không bách-thiết, mà ý-tứ sâu xa, cũng đủ cao sánh với thiên-cổ. Còn những bộ sách Quốc-ngữ chỉ chép nhặt những điều dị-văn, cùng là bộ Chiến-quốc-sách, đều không thể vi được với pho Tả-truyện.

Chương thứ II

chư-tử bách-gia

Tổng-thuật. — Cổ-giả ai làm ra sách đều không ký rõ tên, có ký rõ ra nữa thời chỉ có phái quí-tộc. Từ đời nhà Chu suy đi rồi, sử-quan mất cả chức-thủ, bách-gia khởi lên như ong, bởi vì đã thoát cái giám-buộc chuyên-chế của phái quí-tộc, mà chửa mắc phải cái cơ-mi chuyên-chế của các đấng quân-chủ, nên các nhà văn-nhân học-sĩ, đều xuất tâm-tư tài-lực, đua nhau tranh-kỳ giốc-thắng làm ra sách vở, bởi thế trình-độ văn-học bèn tiến bộ mất lên, sẽ chia ra từng tiết thuật như sau này :

TIẾT THỨ 7

Văn-học nhà nho. — Trực-tiếp văn-học từ đời thượng-cổ mà nghiên-cứu cho thống-nhất lại. là tự đức Khổng phu-tử sáng-thủy ra. Ngài đi chu-lưu các nước không được gặp thời, bèn trở về tu-đính sáu kinh, tập-hợp cả văn-học đại-thành từ đời thượng-cổ, ngoài kinh Xuân-thu ra ngài có làm

ra sách *Hiếu-kinh*, sách *Luận-ngữ*, làm bài tán sách *Chu-dịnh*, đó là ngài sở-trường về văn luận-lý. Ngài lại làm ra bài ca *Qui-sơn*, bài ca *Hoạch-lân*, đó là ngài sở-trường về vận-văn. Song ngài vẫn thiên-trọng về văn luận-lý, cho nên học-trò ngài là Tăng-Xâm có làm ra sách *Đại-học*, cháu ngài là Tử-tư có làm ra sách *Trung-dung*, cũng đều sở-trường về văn luận-lý cả, gián-tiếp đến học-trò ông Tử-Tư là ông Mạnh-tử cũng thế. Ông Mạnh-tử tên là Kha 軻, tên tự là Tử-Dư 子輿 người nước Châu, làm ra sách *Mạnh-tử* bảy thiên. Đồng-thời ấy lại có Tuân-Khanh 荀卿 cũng sở-trường về văn luận-lý. Nói tóm lại các nhà nho-học thiếu mất cái tư-tưởng cao-xa, cho nên lời văn phần nhiều là bình-thực, duy có ông Mạnh-tử thời lời văn nghị-luận phát-dương, hùng-kỳ tuấn-vĩ, trác-tuyệt hơn cả một đời, tuy là phái nho-học mà lại có khí tung-hoành, song lời nói ước mà ý thâm, không có làm những lời văn khắc-hoạch, nên khác với lũ họ Tô họ Trương là phái tung-hoành vậy.

Tiết thứ 8

Văn học về phái đạo-gia. — Phái đạo-gia khởi-thủy từ ông Lão-tử. Lão-tử họ Lý 李 tên là Nhĩ 耳, tên tự là Bá-dương 伯陽, tên thụy là Đam 聃, người huyện Khổ nước Sở, làm quan Trụ-hạ-sử nhà Chu, đức Khổng phu-tử thường đến theo ông ấy hỏi lễ. Nhưng học-thuật tư-tưởng ông ấy cùng với đức Khổng-tử trái khác hẳn, văn-từ thời giản-ước giống như văn Luận-ngữ, song đương thời ấy văn-chương còn có khí-vị lục-kinh, không có đua chuộng về đường phóng-túng. Đến sau những người theo về học Lão-tử như là Liệt-tử, Trang-Chu văn-chương mới phóng-túng mãi ra. Văn Liệt-tử thời khí hòa mà văn hoãn giống như văn Tuân-tử; văn Trang-tử thời khí tung-hoành mà văn biến-hóa giống như văn Mạnh-tử. Văn nho-gia đến văn Mạnh-tử là cực-phẩm; văn đạo-gia đến văn Trang-tử là cực-phẩm. Song văn nho-gia với đạo-gia hai nhà thực là khác nhau: Văn Mạnh-tử thời cảnh-bạt linh-động biến-hóa; văn Trang-tử lại thêm cái khí phiếu-diêu. văn Mạnh-tử thời thể tất mọi vật mà tinh-vi, văn Trang-tử lại thêm cái ý quái-đản. Chỉ có văn kinh Nam-hoa thời phóng-túng xương-cuồng mà vẫn theo về dòng đại-phương, cho nên kẻ học-giả thường thích-đọc.

Tiết thứ 9

Văn-học phái pháp-gia. — Phái pháp-gia khởi-thủy ra tự Quản-Trọng. Quản-Trọng bàn chính-trị chuyên chuộng pháp-luật, nhưng vẫn không thoát-ly được lễ, cho nên nói rằng: « Trên có giữ pháp-độ thời sáu thân mới cố-kết; tứ-duy (1) có khai-trương thời lịnh vua mới thi-hành được ». Lời văn tuy là chuộng bình-dị gần hợp lẽ, song cách đời cổ chửa xa mấy, nên nhiều chỗ hãy còn gian-sáp khó đọc. Kịp đến Thân Bất-Hại, Thương-Ưởng, Hàn-Phi khởi lên, mới làm ra văn thâm-khắc chu-chí, thuần là văn phái Pháp-gia, mà văn Hàn-Phi lại càng khúc-tận sự-tình, phát-lộ phong-mang, song văn cứng-cỏi có phép-tắc, thực là làm quan-miện cho văn phái pháp-gia.

Tiết thứ 10

Văn-học phái tung-hoành. — Đương lúc đời Xuân-thu, các nước tranh-hành, sứ-giả đi lại giao-thiệp luôn-luân, nên phải chuộng từ-lịnh, sùng thiệt-biện, mới khai ra cái mối tung-hoành từ đó. Đến đời Chiến-quốc, ông Quỉ-Cốc lại phát-minh ra cái thuyết sủy-

(1) Tứ duy là: Lễ, nghĩa, Liêm, sỉ.

ma bãi-hạp (1), Tô-Tần Trương-Nghi theo học, nên cái thuật tung-hoành lại càng phát-minh thêm mãi ra. Song lối văn thời hay thiên về một đàng, chớ không nói chiết-trung, thả ra thời dễ làm điên-đảo cả trắng đen, rối-loạn cả tai-mắt người ta được, cũng là một điều sở-trường.

TIẾT THỨ 11

Văn-học của chư-tử. — Văn của phái Mặc-gia thời chất-phác; văn của phái binh-danh, phái binh-gia, phái tạp-gia thời tế-toái; văn của phái nông-gia thời thô-bỉ. Song binh-gia như Tôn-tử 孫子 tạp-gia như Lã-lãm 呂覽, thời văn nhiều chỗ thiết-lý thỏa-đáng, không kể đại-thể cứ kể từng thiên từng đoạn ra thời lắm chỗ đời sau cũng không thể kịp được

TIẾT THỨ 12

Văn-học của các nhà từ-phú. — Văn-học-giới nước Tàu lại mở ra một kỷ-nguyên mới nữa là các nhà từ-phú Văn lục-kinh với văn chư-tử chỉ là luận-lý mà thôi, văn từ-phú thời mới thượng-từ. Sau khi lối văn từ-phú khởi lên thời từ đời Tần đời Hán trở về sau, văn-học-giới thành ra hai phái lớn là: Phái thượng-từ với phái thương-lý. Sáng-thủy ra lối văn thượng-từ là tự ông Khuất-Bình 屈平 người nước Sở. Đức Khổng phu-tử san kinh Thi không kịp đến nước Sở, song hai thiên Chu-nam Thiệu-nam cũng chép được nhiều bài thơ về phía nam sông Giang sông Hán, xem thế thì biết văn-hoá về phía Kinh-nam chấn-hưng cũng đã lâu. Khuất-Bình tên tự là Nguyên 原, gặp đời vua Sở Hoài-vương, mắc phải tiếng gièm pha. bèn âm-thầm nghĩ-ngợi làm ra hai mươi nhăm thiên Ly-tao 離騷 khơi nguồn ra lối cổ-thi mà mở ra một môn-khác, gọi là lối văn Sở-từ. Vì ông Bình gặp phải cảnh khốn-cùng, cho nên thanh âm nhiều bài uất-ức than-thở, song dẫn-dụ phúng-thác, điểm-nhiễm thanh tao, ở trong cảnh phiền-loạn rối bời, mà tả được cái ý khẩn-khoản phi-chắc, thực là nối được cái di-âm ba trăm thiên, mà làm tị-tổ cho các nhà từ-phú. Học trò ông Bình là Tống-Ngọc bèn bắt-chước lời từ mà làm lối phú, nức tiếng đương-thời, thực nhiều bài kiệt-tác, như là bài Cửu-biện 九辨 bài Chiêu-hồn 招魂 chép ở tập Sở-từ, và những bài Địch-phú 笛賦, Phúng-phú 諷賦, Vũ-phú 舞賦, Điếu-phú 釣賦, phú Cao-đường 高唐, phú Thần-nữ 神女, phú Đại-ngôn Tiểu-ngôn 大言小言 thời lại càng phát-dương diễm-lệ, theo lối đại-phương, thực mở đường trước cho các nhà học-giả đời Hán. Bởi vì lối từ là bản tự Khuất-Nguyên, mà lối phú là tổ từ Tống Ngọc, cho nên khen là *Nguyên Ngọc*. Đồng-thời ấy lại có ông Tuân Khanh 荀卿 người nước Triệu, cũng vì giận thời-thế mà làm ra năm bài phú, song văn-từ chất-phác, đọ với Nguyên Ngọc kém xa.

TIẾT THỨ 13

Thi ca biến-thể. — Cổ-thi ba trăm thiên, đó là lối thơ tứ-ngôn, giản hoặc có bài không thể là không phải thể thơ. Tự đời Xuân-thu trở về sau, lối thơ tứ-ngôn suy dần đi, ở về phương Nam thời biến ra lối từ-phú; ở về phương Bắc thời biến ra lối thơ thất-ngôn. như là bài ca *Ninh Thích chăn trâu*, bài ca *Khổng-tử lâm-hà*, bài ca *Hoạch-lân*, bài tháo *Thủy-tiên* của ông Bá-Nha, bài ca Dịch-thủy của ông Kinh Kha. Đến như bài trường-thiên Thành-tướng của ông Tuân-Khanh, thời lại đủ cả tam-ngôn, tứ ngôn, thất-ngôn cùng sen lại làm thành một thể văn, lối nhạc-phủ tân-thanh là lạm-tràng ra từ đó.

(1) Suỷ-ma bãi-hạp nghĩa là suy-xét tô-mô mập-mờ khép mở, làm cho người ta mắc phải mẹo.

TIẾT THỨ 14

Văn-tự thống-nhất. — Từ Sử-quan là Thương Hiệt làm ra chữ, mãi đến đời Hạ, Thương, Chu, chữ vẫn không theo một khuôn, viết vẫn không đồng một lối, hình-biến thể-khác, không biết đâu mà kể được. Đến vua Tuyên - vương nhà Chu có quan Thái-sử tên là Lựu 籀 đặt ra chữ mười lăm thiên, thêm bớt chữ cổ, gọi là lối Lữu-thư 籀書, hay gọi lối chữ ấy là lối Sử-thiên 史篇 Song đức Khổng-tử chép sáu kinh vẫn dùng lối chữ cổ. Đến đời Chiến-quốc rối-loạn, tiếng nói khác thanh, chữ viết khác hình, nhà Tần dấy lên kiêm-tính cả thiên-hạ, Thừa - tướng Lý Tư mới tâu xin thống-nhất lại, vì thế Lý Tư 李斯 mới đổi lối chữ Sử-thiên là lối đại-triện 大篆 của quan Sử-Lựu ra làm lối *tiểu-triện* 小篆. Trình mạc 程邈 lại thêm bớt lối đại-tiểu-triện vuông tròn làm ra 3000 chữ, vua Tần Thủy-hoàng gọi là lối chữ *lệ* 隸. Từ đấy lối chữ đại-tiểu *triện* thời dùng để viết sách, lối chữ *lệ* thời để dùng trong chốn công-phủ. Ngoại lối trên đó lại còn lối chữ *khắc* để khắc làm dấu, lối chữ *trùng-thư* để viết vào cờ phan, lối chữ *in* để khắc vào dấu ngọc-tỉ, lối chữ *thự* để dùng khi đề-thự, lối chữ *thủ* để viết vào dòng giáo, ấy là tám thể chữ, từ bấy giờ thiên-hạ mới được đồng-văn.

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

(*Còn nữa*)

THỔ-ĐỊA NHÂN-DÂN XỨ BẮC-KỲ

II

Cứ như những nông-nỗi khó-khăn trong bài trước, mà phải tự lấy làm lo-ngại rằng : Thôi thời tuyệt-nhiên không thể tìm được lấy phương-chước nào phá đổ được bảy tám bức tường lũy, như trên đã nói, nó bao-bọc giam-cầm bọn thiếu-niên, không sao giải-phóng ra ngoài cái chốn u-âm dốt-nát, mà ngỏ thấy ánh sáng học-thức thông-minh ; ngại nhất là không lấy gì mà thực-hành được thiện-chính trong đạo cải-lương của Nhà-nước mới ban-phát cho, vì chính đạo cải-lương ấy cái mục-đích thứ nhất cũng cốt mưu cho dân được học-tập làm đầu. Nhưng cũng may mà tự-nhiên tìm được mấy cái phương-pháp sẽ kể sau đây, xin đem cống-hiến quốc-dân, may mà có được thành-hiệu, cũng là nhờ trên thì quí Chính-phủ nhân-từ soi tới, dưới trông các quan cầm quyền chính-trị chăm nom, dưới nữa đến hội-đồng trị-sự trong dân có tài-cán, có lương-tâm gia-công đốc-thúc mới được.

Nhưng hãy xét xem những nơi muốn đặt các phương-pháp ấy và hiện nay khuyết-điểm là những thế nào ?

Cái khuyết-điểm thứ nhất là tại người mình ham-mê cái nghề làm ruộng cấy lúa linh-tinh, nhà một vài mẫu, nhà và ba sào, nhà năm bảy miếng mà hóa ra mỗi một mẫu ruộng lại chiếm - cứ mất một sào đất để làm sân, làm nhà, chuồng trâu, chuồng lợn; mà mỗi sào đất ấy cứ như dưới kia đã kê-cứu, thì đem trồng cây trồng rau, sẽ lợi gấp năm gấp mười một sào ruộng cấy lúa ở đồng ; vả đàng này thì lúc nào cũng trông nom làm-lụng được, mà chắc-chắn thành-thơi ; cho cả đến ruộng hiện cấy lúa ở ngoài đồng, giá đem đổ cao lên thành thổ, trồng cây trồng rau, thì cũng lợi gấp năm gấp mười cấy lúa (dưới kia sẽ nói tường).

(1) Xem *Nam.Phong* từ số 55.

Cái khuyết-điểm thứ hai, là người mình không biết trồng biết xén, duy không phải trách rằng không biết cách trồng cách xén theo học cách-trí như lối Âu-tây, mà là không biết trồng hai lớp cây (cây cao-đẳng ở trên, cây trung-đẳng hay là hạ-đẳng ở dưới) như vườn của người Tây vẫn trồng. Mà muốn thế thì phải cắt ngọn cây cao-đẳng cho khỏi bị gió lay hỏng gốc, đổ cây, gẫy cành; cắt ngọn cây trung-đẳng cho vừa tầm ở dưới cây cao, và lúc hái không phải vin, thì không hỏng gốc gẫy cành, mà lại được chóng nẩy nở. Nói tóm lại thì vườn của người mình bao giờ cũng chỉ trồng được một thứ cây hoặc cao hoặc thấp, thành ra mất hẳn một từng lợi. Lại còn mất một từng nữa, là trên những cây trung-đẳng hạ-đẳng yếu ớt, không nhờ được cây cao-đẳng che chở cho, cũng như trong một xã-hội phải có bậc thượng-lưu che-chở đỡ-đần cho hai bậc trung, hạ làm ăn vậy. Cho nên người Tây vô-luận rằng đường, ngõ, ruộng, vườn đều trồng lớp cây cao lớn cả, thì một là nó giữ được nước mầu khỏi bị nắng cướp mất đi, mà những cây ở dưới được sống lâu xanh tốt; hai là giúp cho người đi đường không phải dùng ô nón phí tiền; người làm ruộng tiện đấy làm-lụng nghỉ-ngơi ăn-uống, khỏi phải đi lại tổn-hại thân-thể thì-giờ; ba là lợi của chính những cây ấy nữa. Đó là mới kể những cái lợi về vật-chất; còn lợi về tinh-thần không cần phải kể ra, ai ai cũng biết. Cứ như thế thì cần gì mà phải lắm ruộng nhiều đất mới giàu-thịnh văn-minh.

Đến như người mình thì đã mất bao nhiêu mối lợi vừa kể ở trên, lại bạ đâu cũng nhét cái giống tre, hóp vào, làm cho cây cối hỏng hết; đã nghiệm ra rằng: giống tre, hóp nó kín chân như một bức tường, ngăn-cản không cho ánh nắng soi vào, thay đổi không-khí, làm cho mọi thứ cây cối yếu-ớt, mọi loài động-vật sinh bệnh-tật; không những thế, lại bởi cái lá nó ráp, hễ gặp gió là cọ-xát vào nhau, thành tiếng ghê-trợn, các cây ở bên hình như sợ-hãi không dám nẩy nở ra, còn cây nào ở chỗ xa cũng lướt ra bên, như có ý sợ chạy. Ấy thế mà người mình đua nhau mà trồng, mà nhận là thứ cây thượng-lưu cũng có lẽ, tưởng có hại không? Tổng-chi cũng bởi đã sẵn có cái tính lười-biếng thân-thể tinh-thần mà trồng nó, vì không phải bận-bịu tưới bón gì kia mà.

Nay đã biết mọi điều khuyết-điểm như thế rồi; vậy tìm các phương-phát để mà sinh-lợi cho các hương-thôn, tức là mấy cách sau này:

1° — *Trồng xoan để làm nhà.* — Xoan là một thứ mau lớn nhất, gỗ lại tốt, mà quả với lá nó lại có nhiều chất thán-dưỡng cho nên nóng, dùng để vun bón các thứ cây khác tốt lắm; vì vậy các ông đồn-điền qui-quốc không sót vườn cà-phê nào là không trồng cái giống xoan, phần để che cho người làm, phần để che bón cho cây cà-phê. Vậy nay người mình cũng nên trồng cho nhiều, mà không cứ đường, ngõ, ruộng, vườn đều nên trồng cả; rồi kíp phá bỏ giống tre hóp đi, vì tre hóp mười phần, đến tám phần để làm nhà, còn hai phần để tạp-dụng, vậy nên phá bỏ tám phần kia đi mà trồng xoan vào, để làm nhà; mà nên làm nhà ngói, vì chỉ phải mua có một chất vôi, còn gạch, ngói thì sẵn đất, sẵn rạ, sẵn rơm đem nặn mà nung tiện lắm. Việc này nên lấy các xã thuộc tỉnh Bắc-ninh, phủ Từ-sơn, như Hà-khê, Thiết-úng vân vân mà làm gương; vào những làng ấy không thấy có một túp nhà gianh nào cả, mà hỏi ra cũng không giàu có gì; mỗi nhà chỉ có 2, 3 đồng bạc mà làm nổi được nếp nhà ngói; đối với các nơi, làm một nếp nhà tre nhà gỗ, cũng phải đến năm, bảy chục, một chăm đồng bạc là thường, vả hằng

năm phải chịu cái hại mưa gió bất-thường, chi-phí chữa lợp, mỗi năm một cái nhà năm gian cũng phí mất 5, 6 đồng bạc; mà nhà ngói của người ta thì mấy năm không phí mất một đồng nào, ăn ở lại sạch sẽ sung-sướng. Ôi! một đàng làm túp nhà tre nhà gỗ tốn kể hàng chục hàng trăm, mà một đàng làm nếp nhà ngói tốn có hai ba đồng bạc, mới nghe tưởng rằng nói mê nói mộng, hay là phép thánh phép thần! nhưng chẳng qua là ở sức người, mà là sức đồng-tâm cộng-tác đấy thôi; bởi vì trong mỗi làng ấy có một sở công-tác chung, hằng năm cứ gọi mỗi nhà đóng 2, 3 đồng bạc, rồi nung gạch mua vôi, làm nhà xếp sẵn, hễ trong làng có đôi tân-hôn nào riêng bếp, thì ra xin hàng xã ban-cấp cho một tòa nhà, được lệnh chuẩn-y, là ra khuân-vác, lại được lĩnh một món tiền công về làm. Quí hóa thay! những làng như thế ví bằng chịu khó quét sạch những cái ngạnh-vật tục-lệ phiền-toái đi, mà gieo hạt cải-lương tân-chính vào, thì ắt là mọc mạnh!

2° — *Trồng cây bông-gạo, mà dùng và bán.* — Thứ bông-gạo này xưa nay ta không lưu-ý đến mà trồng, hiện có ít nhiều, cũng là tự-nhiên mà mọc, rồi cũng bỏ rụng bỏ rơi hoài phí, vì không biết cái lợi của nó thế nào. Vậy nay phải cần chỉ rõ cách trồng mới được: trồng nó rất dễ, dù cành dù hột cũng mọc lên đều, trên các cây trung-đẳng hạ-đẳng có thể trồng được từ 8 đến 10 cây trong một sào (360^{m^2}); thông-tính mỗi vụ mỗi cây được 2 kilo bông, mỗi kilo giá độ 0 $ 25 thì mỗi sào được từ 4 $ đến 5 $. Như thế thì có phải rằng trồng nguyên một giống nó đã lợi gấp 3, 4 lần cấy lúa rồi không? Vả bán xuất-cảng lại nhẹ gấp trăm nghìn lần lúa gạo. Nên khuyên quốc-dân trồng lấy cái lợi ấy kẻo hoài!

3° — *Trồng dâu, nuôi tằm.* — Việc này người mình cũng vẫn thường làm, nhưng làm ít lắm, vẫn biết rằng lợi, nhưng vì trông thấy làm nó phải bận-bựu trí-não chân-tay luôn, nên ít người muốn làm. Chứ làm nghề này có lợi thứ nhất; như mỗi một sào đất trồng dâu bán lá thì một năm cũng được từ 20 $ đến 30 $; để lá mà nuôi lấy tằm thì được từ 30 $ đến 40 $ tiền kén; vậy ra mỗi một sào đất trồng dâu bằng một mẫu cấy lúa, mà nuôi lấy tằm thì bằng một mẫu năm sào. Nay nên khuyến-khích cho các miền có đất tốt như miền dưới và những chỗ ở lưu-vực các sông miền trên trồng lấy cho nhiều, thì chẳng bao lâu mà dân mình no ấm vậy.

4° — *Nên trồng chè tươi.* — Hiện nay miền trên cũng đã trồng nhiều, nhưng tưởng nên trồng nhiều nữa để bán xuất-cảng, có muốn bán xuất-cảng thì phải bỏ cái lười-biếng cẩu-thả đi, mà chế lấy một thứ chè lá chè nụ cho tinh-hoa, mới có giá-trị. Bây giờ còn làm cẩu-thả mà mỗi sào cả lá và nụ, mỗi năm cũng được đến 10$, thế là được lợi gấp mười những ruộng cấy lúa miền trên. Sau nữa sự trồng chè và cả trồng dâu trên kia cũng vậy, muốn cho người ta cái vẻ thanh-tân yểu-điệu giống-giạc cao-kỳ, nhân đó sinh ra giống nòi tốt đẹp; vì làm lụng ở dưới bóng rườm-rà, đua cao nghẽn thẳng; vả lại có việc làm luôn, cũng là một cách tu-luyện, mà là tu-luyện ở cả một giáo-đường vũ-trụ mênh-mông, cực-kỳ hùng-tráng!

5° — *Trồng bông gai đay.* — Những thức này hiện nay miền dưới vẫn trồng, nhưng mà còn ít, vì trong nước chưa có nhà máy chế-tạo tinh-lương như là các nước, phàm phục-sức còn dùng hầu hết của ngoài, ấy thế mà trồng cũng vẫn có lợi. Thông-tính mỗi năm mỗi mẫu: bông được 40 $; gai được 45 $; đay được 40 $;

nước rằng trong nước tự-chế lấy đồ mặc tinh-vi thì cái lợi so với bây giờ, sẽ được gia-bội đó.

Tuy-nhiên bản-xứ ngày nay đã xuất-hiện ra công-ty chế hóa-học-chất, thì đã trông thấy đầu-mối hi-vọng rồi ; cũng nên khuyến-khích nhân-dân, nhất là dân ở miền trên nên trồng mấy thức này cho nhiều, không thể để như ngày nay miền ấy cứ nhắm mắt đi theo thói quen lười-biếng mà trồng cực lắm cái giống thầu-dầu, là một thứ sản-vật ngày nay trong nước lợi-dụng mỗi ngày mỗi ít ; mà giống này không chịu được nắng, cho nên trồng không có lợi. Cứ cái kết-quả tôi đã trông thấy hằng năm, thì mỗi mẫu mỗi vụ, lấy số trung bình thì được có 15 nồi (miền trên gọi là nồi, cũng như miền dưới gọi là một thúng) mỗi nồi đứng giá 1 $ thì ra mỗi mẫu được có 15 $, ít-ỏi quá, đem chiết công đi thì không còn lợi lấy chút đỉnh, nhưng cũng cam-tâm, vì người mình vô-luận trồng cấy thức gì cũng chỉ có một cái mục-đích « lấy công làm lãi » mà thôi ; chứ không có cái quan-niệm lấy trí lấy đức làm lãi như người. Ấy nông, công sở-dĩ không được phát-đạt, cũng vì có cái căn-tính cam-tâm tự-túc mà ra cả.

Ngoài những thức cây đã kể trên đó ; nên trồng thuần-nhất mà nhiều, còn thì nên trồng những thứ phức-tạp mà hiện đã trồng để dùng để ăn như các thứ gỗ các thứ rau, cây ăn quả ăn hột, ăn củ, ăn lá, cũng nên trồng cho nhiều lên, chứ hiện nay cũng còn ít lắm, vì bởi người mình vẫn yên-trí rằng trong gầm trời, duy có gạo là bổ-ích hơn cả, mà ăn đầy vào, chứ nào có biết gạo mình thiếu hết các chất bổ-ích yếu-cần, ăn vào chỉ được cái bộ làm nô-lệ vác bụng thôi. Nay nên trồng nhiều các thứ quả, các thứ đậu, các thức rau mà ăn, cho giống nòi thêm khởi-sắc.

6° — *Chăn nuôi gia-súc.* — Đây nói « chăm-nuôi » gia-súc, chứ không phải nói « chăm-nuôi » như thể-thức Thái-tây, vì muốn thế thì phải theo sau cái học mới được, vả bây giờ hãy còn vùi chặt ở cái chế-độ gia-đình sinh-hoạt, chứ chưa mấy người có cái óc bao-quát lấy cả xã-hội, mà bảo rằng tổ-chức chăn-nuôi.

Trước đây người mình bị cái việc làm ruộng cấy lúa nó giam-hãm, nó bắt-buộc mọi nghề mọi nghiệp phải hầu-hạ quanh năm, cho đến cái sự nuôi trâu nuôi lợn cũng đành hi-sinh cho nó nốt, mà còn sót người nào cũng quay ra hầu-hạ con trâu, con lợn quanh năm, bỏ cả học - hành nghề-nghiệp ; nuôi trâu thì mục-đích để cày bừa, nuôi lợn thì tôn-chỉ để phân-bón, chứ kỳ-thực nuôi lợn ăn thịt bao giờ cũng lỗ vốn tốn công, chỉ trừ ra nuôi lợn nái là có lợi, thì lại không phải là nghề phổ-thông. Tính ra một con lợn nuôi để bán thịt, lúc mua giống độ 1$, thì 12 tháng cũng chỉ bán được 20$ là cực-điểm ; tính đồ-đồng mỗi tháng cho ăn hết 1 $ 50, thì mười hai tháng hết 18 $, cộng với 1$ vốn, thành 19 $, rồi mỗi ngày ít ra cũng để một giờ vào việc cho ăn thì một năm 360 giờ, hãy gọi là 36 công, mỗi công hãy gọi ít là 0$ 20, cộng thành 7$ 20. Hợp cộng lại là 26 $ 20. Thế có phải rằng mỗi con lợn lỗ mất 6 $ 20 không? Tưởng chẳng phải bảo, các tư-gia cũng nên bỏ cái nghề nuôi lợn bán thịt ấy đi ; có muốn nuôi thì nuôi lợn nái, vì phải cho ăn có ít mà được nhiều lợi bán giống lợn con. Còn cái nghề nuôi lợn bán thịt thì nên để riêng cho những nhà làm hàng xáo (xay thóc bán gạo) chuyên nuôi, vì sẵn nhiều cám không phải bỏ tiền mua, mà tiện nuôi được nhiều, cũng một công cho ăn mà thôi, Còn thì chỉ nên nuôi : ngỗng, thỏ, vịt, gà mới có lợi, vì nó năng sinh nở, lại biết kiếm ăn

thêm, sau nữa không phải nấu nướng bèo khoai, lúc cho ăn chỉ một nháy là xong, không thành công-nhật. Vậy khuyên ai nấy nên nuôi các giống này cho nhiều, hoặc có nhân nhiều mà hạ-giá, thì nên để mà ăn thịt ăn trứng để bổ-khuyết cho các chất bổ khiếm-khuyết của cơm, chứ cơm ăn đã vô-bổ, lại ăn nhiều thịt lợn, sinh độc sinh trệ người ra thôi đó.

. . .

Nhưng mà nếu muốn cho nhân-dân khuynh-hướng về mấy nghề ích-lợi kể trên, thì xin Nhà-nước trước hết cải-lương « thổ-địa » cho đã; duy không phải là cải-lương theo cách-trí hóa-học như là bảo cách trồng, cách bón, cách nuôi vân vân, vì muốn nuôi như thế, thì phải nuôi bón cái óc trước đã; đây hãy xin cải-lương mặt đất cho cao, thấp khác hẳn bây giờ thôi. Muốn thế thì chỉ phải xin Nhà-nước cải-lương thuế-ngạch cho, rồi tự-khắc nhân-dân sẽ đua nhau mà thay-đổi mặt đất cho khác bây giờ, nghĩa là đào chỗ nọ bỏ chỗ kia, mục-đích là thay đổi ruộng, ao ra vườn đất, trồng cây cối cho nhiều. Sự cải-lương ngạch thuế này xin cũng làm tương-tự như kỳ hội-đồng Tư-vấn năm ngoái, mà quan Thống-sứ Bắc-kỳ ta đã khởi-nghị (điền, mỗi mẫu hạng nhất 1 $ 80; hạng nhì 1 $ 50; hạng ba 1 $ 20; hạng tư 1 $ 00; hạng năm 0 $ 80. Thổ, mỗi mẫu: hạng nhất 2 $ 20; hạng nhì 1 $ 00; hạng ba 0 $ 50; hạng tư 0 $ 20); lại xin bỏ cái điều-luật « bao điền vi thổ » đi cho.

Nay dân-cư với ao-vũng ở trong làng xin đánh mỗi mẫu 1. p. 80, bằng giá thuế nhất-đẳng-điền mới nghị như đã kể ở trên kia, vì ngày trước đánh thuế mỗi mẫu có 0 p. 30 mà nhân-dân coi thường vườn đất cứ bỏ cỏ dại mọc lan, với trồng quàng tre hóp, ao bờ thì để bèo khoai, nước dơ bùn hầu, truyền-bá các chứng các bệnh cho người, vì các côn-trùng độc-khí. Lại khuyên nhân-dân nên đào những chỗ ruộng thấp quá, cấy lúa ập-ụa, lên chỗ đã cao mà làm vườn trồng, nhà ở, cũng là khoáng-trương cái giếng bằng tre, mà lâu nay nhân-dân chen-chúc; những chỗ đồ cao lên thành vườn đất ấy thì xin cũng đánh thuế 1 p. 80 một mẫu, vào hạng nhất-đẳng-điền mới dự-bàn. Lại xin dân nào cũng vậy, nên theo cái tỉ-lệ thuế-ngạch các hạng điền, thổ bây giờ làm chuẩn-đích, mà đánh vào hai hạng (1 p. 80 với 1 p. 50) hạng 1 p. 80 là thổ, mà hạng 1 p. 50 là điền; còn một hạng thuế nhất-hạng-thổ 2 p. 20 với tứ-hạng thổ 0 p. 20 có muốn để nguyên cũng được; bởi xem như trước kia tuy Nhà-nước đặt ra ba hạng điền, bốn hạng thổ, mà tất cả toàn-kỳ dân nào cũng san-bổ nhất-luật hơn là thuế đinh trước đây chưa san. Nay làm như thế là để nhân-dân được tự-do thuận-tiện mà thay đổi ao ruộng hóa ra đất vườn đó; nhất là ao, đánh cao lên thế, thì dân mới chịu lấp đi.

Sở-nhân lúc thay đổi mặt đất thế này, muốn xin Nhà-nước cho phép các làng, mỗi làng bỏ tiền ra mua lấy một khoảng ruộng rộng rãi, rồi đào những chỗ trũng quá, mà đồ cao lên làm chỗ nghĩa-địa, để vị-trí người chết cho hẳn-hoi, kẻo để như ngày nay trông thấy mà xót ruột đau lòng, vì người mình nhẫn-tâm đầy-đọa cái hài-cốt thiêng-liêng của người chết rất là tàn-tệ: mỗi làng để hỗn-hoẻn một vài bãi tha ma chật-chội, rồi phải nhét bậy nhét bạ vào những đầu đường góc ruộng linh-tinh; phần thì cắt cỏ chăn trâu, phần thì đường đi lối lại, phần thì cày cấy phân dơ, lại lắm kẻ tham-tâm vạc bờ cuốc góc mà mỗi ngày sai-lạc mãi đi. Thế mới biết dân này lạ thật, bao nhiêu những điều hiển-nhiên xác-thực ở đời thì nhất-thiết bỏ đi, rồi đâm mê-tin những điều hư-vô mộng-ảo, nỡ đem đầy-đọa cái

hài-cốt thiêng-liêng của tiền-nhân, rồi đi mê-tín cái tục phong-thủy, dại biết bao chừa! Nhưng mà ngày nay cái đám sương mù phong-thủy, đã gặp tia sáng văn-minh phá tan hầu hết; vậy xin thực-hành cái phương-sách này cũng là phải lúc đó.

Tuy mỗi làng lập một nghĩa-địa như thế, tốn nhiều ruộng đất, nhưng đã có cách làm cho sổ thu-nhập của Nhà-nước không đến nỗi sút kém đi, mà lại có phần tăng lên hơn nữa; cách ấy là cái cách sau khi thay đổi mặt đất rồi, thế nào cũng phải một lần đo đạc lại phân-minh, rồi đánh thuế rõ cao lên một thể. Tôi nói thế chắc nhiều người phản-đối với cái ý-kiến ấy mà bảo rằng: đánh thuế nặng quá thì nhân-dân tất sinh nghèo đói; vậy thử hỏi: ngày xưa mỗi mẫu phải đóng mười đồng tiền với một bát gạo, thì sao nước nhà không giàu thịnh đi? Thiết tưởng ở đời kinh-tế phát-đạt, thực-nghiệp mở-mang này, phi dùng cái lương-pháp trọng-thuế, thì nhà-nước không văn-minh tiến-hóa, mà nhân-dân không chăm-chỉ suy-nghĩ làm ăn đâu.

Sau hết còn một sự cũng đáng nên mừng, là những chỗ trũng đào đắp lên các chỗ cao thì sẽ thành đầm-vũng ở ngoài đồng làm nơi thả cá, cá ấy có hàm chất mỡ chất vôi, là hai chất yếu-cần để mà bổ-khuyết cho cơm gạo của ta thiếu hai chất ấy.

.·.

Trước thế-kỷ thứ hai mươi này, các dân-tộc ở Đông-phương ta đến nỗi nghèo hèn như thế, xét ra chỉ bởi có một cái nguyên-nhân lớn nhất, là cái nguyên-nhân độc-trọng các nghề canh-bá thực-phẩm như gạo, ngô, khoai vân vân, mà nhãng bỏ cái nghề canh-thực các phẩm-liệu để chế-tạo các vật như của Âu-tây. Vì thực-phẩm không có biến-hóa được, nên có thể gọi là «của chết», chết rồi biến mất đi; mà chế-tạo-phẩm thì càng biến-hóa càng có giá-trị, nên có thể gọi là «của sống» sống rồi lại sinh-sản ra. Cứ xem như người mình cày cấy ngày xưa. — cả ngày nay cũng vậy. — muốn làm giàu thì chỉ có cách chứa vào kho, cho vay lãi nặng, với lại bán lấy bạc mà vùi cho sâu; thành thử cái số lợi bán gạo xuất-cảng mười phần thì chín phần chui xuống dưới đất, thật hại cho nước vô-cùng; nhưng đó là con đường nhà nông tất phải đi qua, chứ ta cũng đừng nên trách là tàn-nhẫn. Ta lại thử xem các nước Âu-tây chăm trồng chế-tạo-phẩm thì làm cho xã-hội tiến-hóa là những thế nào? Chế-tạo các vật tất mong tiêu-thụ nhiều, có tiêu-thụ mới sinh ra buôn-bán, buôn bán lại sinh ra cư-tụ giao-thông, có cư-tụ giao-thông mới sinh tình thân-ái, và về vật-chất thì mới năng sửa-sang mặt đất cho mỗi ngày một tốt đẹp mãi ra. Mà trái lại, giao-thông càng rộng, thì tiêu-thụ chế-tạo-vật càng nhiều, chế-tạo-vật càng mạnh tiêu-thụ bao nhiêu, tức là sự nhu-yếu càng nhiều, mà một sự nhu-yếu này lại đẻ ra trăm nghìn con nhu-yếu khác, các con ấy lại mỗi ngày một tinh-khôn mãi lên, một đông-đúc mãi lên; thì chế-tạo-vật cũng phải mỗi ngày một tinh-khôn mãi lên một đông-đúc mãi lên; càng tinh-khôn đông-đúc lên bao nhiêu, thì lại phải tìm cách cho sinh-sản mau lấy cái phẩm-liệu để mà chế-tạo cho vừa; cứ từ cái nguyên-nhân này nẩy ra trăm nghìn cái nguyên-nhân khác; mà nẩy ra rậm-rạp bum-tùm thành một cái rừng tư-tưởng, rồi cái rừng tư-tưởng ấy mới khai-hoa kết-quả, tức là nẩy ra các khoa-học nghệ-thuật ngày nay làm cho xã-hội Âu tây đã đến bậc văn-minh cực-điểm.

Bởi thấy hai bên lợi hại xa cách nhau như vậy, cho nên cái vấn-đề này tôi cực-lực cổ-động khuyến-khích

nhân-dân nên khuynh-hướng về cái nghề canh-thực chế-tạo phẩm-liệu, mà đề-chế cái nghề cấy lúa của mình, nhưng không phải là đề-chế hẳn, nghĩa là cũng còn bao nhiêu là ruộng cấy lúa kia. Tôi sở-dĩ đối với cái nghề cấy lúa của ta sinh ra ác-cảm, là thấy nó không những làm hại về đường lý-tài, đường chủng-tộc, đường xã-hội như trên đã nói mà thôi ; nó lại còn làm hại nhiều bề cho dân-chính với dân-phong, mà thành ra cũng hại về đường lý-tài, đường chủng-tộc, đường xã-hội nữa, khác nào cái loài trùng-độc kia, đã vào nhờ da-thịt máu-mủ người ta mà sinh-hoạt, rồi lại được thể vật lại người ta đến nỗi bỏ mình. Sau này tôi xin bày-tỏ về hương-chính hương-tục sẽ đem ra hết cho đồng-bào xem, biết mà liệu-trị.

Nam Cổ : TRẦN DUY-NHẤT

TÙNG - ĐÀM

I

Tại sao người tài-tử ta hay sinh yểu-đoản mà người tài-tử tây thì lại thọ-trường?

Người tài-tử dứng về phương-diện mĩ-thuật, như những văn-gia thi-sĩ, diệu-kỹ danh-ca, nghĩa là những người có tài đặc-biệt với người thường, hình như hóa-công đã đặc-phú cho như vậy; nhưng sao đã cho mà lại ghen, thành thử buông ra tay nọ lại rút về tay kia, thật là bất-công bất-chính, còn ra nghĩa-lý gì. Song xét kỹ ra thì không phải thế, vì cái lý chỉ có một mà thôi, cái lý đã chỉ có một, thì dù Đông dù Tây, cùng chịu một cái lý thế, cớ sao người tài-tử ta yểu-đoản, mà người tài-tử tây lại thọ-trường ? Là bởi người tài-tử ta tự mình lại buộc lấy mình, nghĩa là bị cảm-mạo về văn thơ ca nhạc của chính mình đào-tạo ra, rồi lại tự đem giấn mình vào. Tựu-trung cũng bởi người mình không chịu tập-luyện thể-thao với tại nằm co viết chứ, ngồi khọm-đọc văn, làm cho huyết-mạch ngưng-trệ, cốt-tiết sai-thù, mà hóa ra đau yếu, nhưng cái đó lại là thông-tính của nho-gia, thì sao nhất-luật nho-gia lại không yểu-chiết, lắm người tóc bạc răng long cũng còn lạo-đảo trường ốc, mà lạo-đảo trường-ốc như thế, cũng vì không bẻm mép thơ-văn, chứ tư-tưởng không phải là thấp kém. Vậy thì những người tài-tử sở-nhân yểu-đoản thực bởi thi văn ca nhạc truyền-nhiễm vào người. Này như những khi ta đọc ta nghe câu thơ, đoạn phú, điệu hát, cung đàn của ta, mà ai ai cũng công-nhận là có đặc-sắc nhất, thì thấy nỉ-non réo rắt, khiến cho dùi rung cồ đảo, mà quả tim thì đứng dừng hẳn lại, các mạch máu đọng như tuyết, giá như băng; trong óc thì vù-vù tắt-mắt như một ổ kiến đương bò, chân tay thì rời rã, con mắt thì lờ đờ, có khi nước mắt chạy quanh, hay là hạt châu rơi xuống; những lúc như thế tức là nó ngất bộ hô-hấp, bộ thần-kinh, bộ vận-động đi một lúc, rồi nhật-tích nguyệt-lũy, chồng-chất những cái đoạn chết cỏn con ấy, cũng đủ làm cho bộ óc quả tim chết dần đi, ít ra thì chia tư, trung-bình thì chia ba, quá lắm thì chia đôi mất một phần người đấy ; nếu chưa chết thì trong cái thời-gian sinh-hoạt cũng bị xanh-xao ẻo-lả, buồn-bã âu-sầu. Mà trái lại thì bị thi văn ca nhạc nó biến mất linh-hồn chân-chính ra tà-tâm bạo-hạnh, run-rủi ra làm

những việc điên-cuồng xuần-động vân vân. Gần đây trong khoảng và bốn mươi năm xuất-hiện ra lắm câu ca điệu hạc cực-kỳ áo-não u-sầu lẳng-lơ tục-tưỡi, trừ-phi yểu-đoản mất đời người, cũng lại tiêu-ma mất nhân-tính, nghĩ đến vừa cảm vừa thương!

Không kể những người tài-tử phải chịu một cái thảm-trạng như đã nói trên kia; còn thời nhất-ban xã-hội cũng chịu ảnh-hưởng của cái thi văn ca nhạc ấy, mà người nào mặt mày cũng ủ-rũ, hình dáng cũng tả-tơi. Tổng-chi ai nấy cũng đều mất hẳn cái tính vui vẻ làm người.

Nay muốn giảm bớt hay là muốn khỏi hẳn những cái ác-chứng như đã giải rõ trên kia, tưởng không gì bằng lấy văn-thơ ca-nhạc của Pháp-quốc, Âu-tây mà điều-trị. Tuy-nhiên, về phương-diện ca-nhạc hùng-hồn của Đại-Pháp thì không thể dịch ra tiếng ta mà còn giữ được cái điệu-cách hùng-hồn ấy; ta có thể tuy không biết một tiếng Tây nào nhưng nghe nó cũng giọng-giả rập-rờn linh-lung dũng-dược, thấy long cả đất, động cả trời; có lẽ đến loài mộc-thạch vô-tri cũng đến cảm-động được, huống chi là người? Duy về phương-diện thi-văn thì đã có các nhà tây-học tinh-thâm, dịch thuật cho chúng ta đọc và nghe; nhưng mà cùng một cái văn dịch ấy, vị-tất đã có người cho là có giá-trị có tài-năng; vì muốn hiểu thì trước hết phải là người cựu-học và phải thông-tỏ các điều phiền-phức ở đời văn-minh phong-phú này; sau nữa phải là người đa-tình đa-tứ, nhiều mắt nhiều tai, mới hiểu-thấu được những cái ái-tình cao-thượng hào-hoa phong-nhã của Âu-tây mà nhất là của Đại-Pháp bây giờ.

Nếu ta đã có cái óc ấy mắt ấy tai ấy, mà ta đem một bài văn-dịch rào ra mà xem mà đọc, thì ta sẽ thấy tự-nhiên khoan-khoái trong lòng sáng sủa con mắt, lúc bấy giờ quả tim như muốn hay ra, trong tâm-thất như mở rộng hết sức để thu-hấp lấy cái không-khí vô-hình trong văn-chương triết-lý, đem đi khắp các mạch máu rồi bắn lên bộ thần-kinh, biến báo cho bộ vận-động, tự-nhiên sướng nẩy người lên, đứng phắt dậy, có khi phải chạy đi mấy bước mới có thể chịu-đựng nổi cái hùng-khí cái ý-cao của văn-chương. Nhưng mà những người như bọn cựu-nho chúng ta nếu muốn chứng-nghiệm như thế, thì trước khi đem văn ra đọc ra xem, phải kính cẩn nghiêm-trang gấp mấy mươi là đọc bộ « Thanh-thán Tây-sương ký » mới được. Mong rằng quốc-dân ta mau đọc mau hiểu cái tinh-thần thể-cách của Pháp-văn, thì rồi ra tha-hồ vui vẻ mạnh mẽ thọ-trường, sánh kịp người vậy. Mong lắm thay!

II

Sự mê-tín bởi đâu sinh ra?

Từ khi trong nước có dư-luận đến nay, trong các Tạp-chí báo-chương, không mấy ngày mấy tháng là không chỉ-trích cái tục mê-tín, khu-trừ cái tục mê-tín, mà mê-tín cũng không biết sợ biết chừa biết chốn biết tránh là nghĩa làm sao? Hay là có lẽ chỉ công-kích với bọn kỳ-binh (nghĩa là quân bồ-nhìn) của mê-tín đấy thôi, còn chính quân mê-tín có lẽ chui-rúc xuống chiến-hào cả, không dùng cách nào đánh bật những hào-hố của mê-tín lên, sập những hào-hố của mê-tín xuống, thì khó lòng khu-trục ra ngoài bờ-cõi nước này.

Vậy thì đây có lẽ chính là đã đánh bật hào-hố của mê-tín lên, trông thấy chỗ quân mê-tín đóng, còn sự đánh-đuổi quân mê-tín đi, thì để qui-công cho đồng-nhân thu-phục, chứ độc-lực ư bút-chiến này không sao địch nổi.

Chỗ chiến - hào của quân mê-tín đông chính là ở văn-chương ca-nhạc, tức là dịp sai điệu trống tiếng hát cung đàn của lũ cung-văn bọn phù-thủy vậy. Này như bọn ta là người có nghị-lực có học-vấn mà đến những chỗ bọn kia bày vẽ ra mà lợi-dụng, thì có khi nghe thấy họ sai họ hát cũng hơi có chút xiêu lòng ; huống chi bọn đàn-bà nông-nổi, bọn vô-học u-mê, đời nào đã khỏi mê-ly, mà bay hồn bạt vía, bị cái tà-lực thần - uy nó ám ảnh vào, tự-nhiên lạo-đảo hồ-hét quát - tháo rập - rờn, xác tuy xác người mà hồn thì hồn ma, ma là cái ma ở trống ở đàn ở sai ở hát, chứ không phải thật có ma nào ; nhưng mấy người suy-xét đến mà biết thực-hư, nói ra thì bảo quá lời, chứ thật thấy lắm người có học-thức có kinh-luân mà cũng mắc vào vòng mê-tín đó, trách gì bọn kia. Mà thật, nhân-tâm ai lại tự-nhiên muốn bêu riếu bêu rờm mà thiệt người hại của làm gì.

Nay muốn khu-trục được bọn mê-tín đi thì không gì bằng khu-trục ngay cái bọn làm thầy mê-tín là cung-văn phù-thủy đã. Nhưng mà Nhà-nước Bảo-hộ lại giữ cái thái-độ cao-nghiêm, không muốn can-thiệp đến phong-tục của người mình, thì làm thế nào. Vậy hì dù hô-hét thế nào, mê-tín có lẽ vẫn hoàn là mê-tín đó, lo thay !

TRẦN PHÁT-ĐOAN

III

Quốc-dân ta cần phải có một tập phổ-thông nguyệt-báo

Tôi xem bài bàn về vận-mệnh quốc-văn trong kỳ báo Nam-Phong số 52, của ông Trần Duy-Nhất, có lòng sốt-sắng muốn xin Nhà-nước cho phép bán các Tạp-chí Tân-văn có công-lao có giá-trị cho các làng ; ông không nói rõ, nhưng xem đấy cũng hiểu ý ông muốn xin bán Nam-Phong tạp-chí và Trung-Bắc tân-văn rồi. Ý-kiến ấy không phải là không chính-đáng, nhưng ông nghĩ xa mà không biết nghĩ gần, hay là cái lòng sốt-sắng của ông về thế-sự nhân-tình ngày nay nó làm thiên-lệch ý-kiến của ông đi chăng? chứ ông há lại không biết rằng tạp-chí Nam-Phong này bao giờ cũng giữ một cái mục-đích cao-thượng về tinh-thần lẽ nào lại vì chút lợi vật-chất mà mong bán cho khắp bàn-dân? Mà Trung-Bắc tân-Văn là một tờ « nhật-báo » chỉ tiện cho « cá-nhân » mua xem, và đặc-cách cho ít làng to, đã có lệnh buộc phải cải-lương rồi, vả đó cũng là một cách thi-hành tạm, chứ sau này những làng luân-thứ cải-lương, cũng không tất-nhiên phải mua nhật-báo như thế, vì không lẽ mỗi kỳ hội-đồng thường-nguyệt, đem cả non ba chục tờ báo mà đọc cho hết mọi người nghe suốt cả ngày? Có chăng thì chỉ những người hương-chức muốn rộng tri-thức, nhiều kinh-lịch nên mua mà xem thì mới tiện. Gia-dĩ văn-lý trong các Tạp-chí Tân-văn bây giờ đã giồi-giào bóng-bẩy có điều không được thích-hợp cho cái tư-chất tầm-thường mộc-mạc của khắp bàn dân nữa rồi, tức như báo Nam-Phong, tưởng không phải là người học-thức tinh-thông cả tân lẫn cựu, thì chắc là không xem nổi, không cảm-giác được những tư-tưởng thâm-trầm bác-tạp, ẩn núp ở trong đám rừng văn-chương u-âm quảng-bác bây giờ. Các báo ngày nay là có thể ví như là ba hạng cao trên xe hỏa, không thể cho những người mang xách những quang, những thúng, những bồ những bịch vào ngồi, vả lại cũng không lấy đâu tiền của mà đua đòi thế được ; ắt là còn phải xúm-xít rộn-rịp đi vào một sốc hạng tư, nhưng tưởng trong cái một sốc láo-nháo lúc-nhúc ấy, lại phải ân-cần ủy-lạo, bảo-ban xếp-đặt, chỗ

lên chỗ xuống, chỗ đứng chỗ ngồi cho có trật-tự có kỷ-cương mới được, vì số lợi thu-nhập lại được gấp trăm gấp nghìn ba hạng cao-sang ở trên ; mà xếp-đặt cho có kỷ-luật như thế, cũng là tập-luyện cho đủ tư-cách, đủ tài-lực để dần dần ngồi được ở ba hạng trên, thì số thu-nhập sau lại được nghìn phần gia-bội đó. Ấy cái thiển-kiến của tôi muốn xin tổ-chức một tập nguyệt-báo cho quốc dân chính là ý thế ; văn-lý trong tập báo ấy cần thế nào cho rạch-ròi giản-giỏi, in sâu vẽ đậm cho hết thảy những người tầm-thường mộc-mạc đều nghe thủng mà làm ; mục - đích đem phát cho dân những kho đồ ăn giống đựng, của mặc đồ làm ; chứ chưa cần phải lập cho những thư-viện, kịch-trường, công xưởng, thương-trường, văn-đàn, thi-xã gì cho lắm, mà ra rối trí mê thần đám người nhất-sinh chưa bước ra khỏi cửa. Lại nhân dịp cải-lương hương-tục hương-chính này cần phải đem lời-lẽ cảm-kích mà lung-lạc khai phá cái đống óc hoang-vu cũ-kỹ để gieo-rắc thứ hạt giống tốt-đẹp của quan Thủ-hiến bản-xứ mới ban-bố thi-hành ; đến lúc gieo-rắc rồi cũng còn phải tưới-bón giữ-gìn mới mong khai-hoa kết-quả được.

Nhưng ý tôi không phải là muốn xin tổ-chức lấy một tập nguyệt-báo mới đâu, chỉ nin Nhà-nước mở rộng ngay tập «Quốc-ngữ công-báo» bây giờ mà đặt thêm vào các cách sinh-nhai buổi mới, đạo cải-lương hiện-thời, cho các hương-thôn, cứ mỗi kỳ hội-đồng thường-nguyệt phải một người tuyên-độc cho mọi người nghe, hay luân-chuyển chuyền nhau lấy về mà đọc ; cũng như ngày nào có tập «Nam-Việt công-báo» mục đích cũng làm tương-đương như thế, thì xem ra có ảnh-hưởng lắm, mà bấy giờ chữ quốc-ngữ lại chưa mấy người chịu học kia.

Nếu mở rộng công-báo như thế thì lại làm lợi cho Nhà-nước nhiều ; như hiện nay công-báo đồng-niên có 0 p.90 thì sau này xin định giá là 3 p.00, cũng không thấm-thía vào đâu, có lẽ không bằng một cánh tờ khai việc vặt hằng ngày đó. Còn việc biên-tập các bài, thì hoặc dùng người trong chính-giới báo-giới, hoặc người trong xã-hội rất am-hiểu phong-tục dân-tình, nhưng cũng phải có học phổ-thông ít nhiều mới được.

Mong rằng Nhà-nước thể-tất mà thi-hành cho.

MAI TẤT-TOAN

Cách - ngôn

1) Thân không tu mà chỉ nơm-nớp sợ về tiếng khen chê, học không cố mà chỉ ngay-ngáy lo về đường vinh nhục, đó là cái thông-bệnh của kẻ học-giả.

Lã Khôn

2) Nhà thịnh hay suy cốt ở lễ nghĩa, chớ không phải là ở giàu sang nghèo hèn. Nếu quí đến bậc khanh-tướng, giàu ví bằng Sùng Khải, mà trong nhà không có lễ nghĩa, thời nhà tất suy sút. Nếu rỏ cơm bầu nước, áo rách dải đức, mà người có lễ nghĩa, thời nhà ấy tất hưng-vượng.

Lục Cửu-Uyên

3) Người sĩ-quân-tử ba ngày không xem đến sách, thời trong bụng cũng quên nhãng mất cả nghĩa-lý, soi gương thời thấy mặt mũi mình đáng ghét, đối với người nói chuyện cũng vô-vị

Hoàng Đình-Kiên

TIỂU-THUYẾT CỔ

LĨNH-NAM DẬT-SỬ (1)

嶺南逸史

VII

HỒI THỨ VIII

Núi Đông-dã, Lý công-chúa khởi [thế công.
Bến La-bàng Phù tiên-phong bị bại [trận.

Gia-Cát Đồng từ khi sai người cầm thư đến núi Gia-quế, lại liền sai người đi thám-thính, được ít lâu thời người thám-thính trở về báo tin rằng : Lý công-chúa đã định mồng ba tháng chín khởi tất cả thủy-lục đại-binh kéo đến đánh. Gia-Cát Đồng được tin ấy bèn sai ti-tướng là Hà Can đem 1000 quân cung nỏ đến bên khe Long-quá đàng sau núi Vân-lãm mai-phục ở trong đám cỏ gianh rậm-rạp, dặn rằng hễ gặp tiền-quân hay hậu-quân cũng chớ phát-động, chỉ đợi cho Lý công-chúa đến nơi, nhận cho rõ mà phát nỏ ra, hễ bắn chết được Lý công-chúa cắt lấy đầu đem nộp, thời là được công-đầu. Lại sai Thạch Thung - Cữu ở núi Vân-lãm đem một vạn quân đóng đồn trong núi Gia-cô để phòng ứng-cứu. Phân-phát đâu đấy thời Gia-Cát Đồng cùng Mai Anh ngồi trong trại để đợi tin. Chẳng bao lâu tên ti-tướng Hà Can đem một cái thủ-cấp người con gái máu mê đầm đìa về dâng công. Gia-Cát Đồng nhận xem kỹ càng rồi lắc đầu mà rằng :

— Đây không phải là thủ-cấp Lý công-chúa, ta nghe Lý công-chúa là người thiên-tư quốc-sắc, thuyệt-mĩ vô-song, sao cái thủ-cấp này diện-mạo tầm-thường, vị tất đã phải.

Hà Can lại đem cái áo hồng-cẩm cái mũ kim-quan dâng lên mà cãi rằng :

— Xem như cái mũ áo này thời sao gọi là giả được.

Gia-Cát Đồng xem rồi, ngồi yên lặng ngẫm nghĩ một hồi, thời thấy bại-quân tơi-bời chạy về báo rằng: Lý công-chúa đã kéo quân đến, binh-cường tướng-dũng không thể nào đương được, đã sát-phá tiến vào núi Đông-dã rồi. Gia-Cát Đồng nói :

— Nay quân kia đã thâm-nhập, ta không ra đối trận với y không được, ngày mai tôi xin xuống núi ra trận, hư thực thế nào thời sẽ biết.

Mai Anh nói :

— Quân-sư nói phải lắm !

Ngày hôm sau, Gia-Cát Đồng đem chư dũng-tướng là: Mã Thủ, Trần Tàn, Đồng Miêu-Công, Tống Kim - Cương, Thạch Thung - Cữu chia ra từng đội quân xuống núi dàn trận, dưới cửa cờ mở ra thời thấy Gia-Cát Đồng đội khăn lượt cầm quạt lông, ngồi trên xe bốn bánh đẩy ra, sai người gọi to lên rằng:

— Xin mời Công-chúa ra nói chuyện.

Cửa trận bên kia mở ra thấy một toán nữ-binh áo xanh xiêm đỏ, mộc tròn dao găm, rước ra một vị Lý công-chúa, cưỡi ngựa ngân-tung bạch-mã, mặc áo hồng-cẩm chiến-bào, mũ kim-quan gài đuôi trĩ, trang-điểm như một vị thiên-tiên, ra trước trận tiền. Gia-Cát Đồng trông thấy vội vàng giơ tay lên mà rằng :

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 48.

Công-chúa ở về phía Đông, chúa tôi ở về phía Nam, giá có trâu ngựa lồng cũng không chạy sang đến nơi; chẳng hay công-chúa cớ sao lại đem binh xâm-phạm tới bờ cõi chúng tôi làm vậy?

Lý công-chúa bấy giờ đứng dựng mày ngài, giơ tay trỏ vào mặt Gia-Cát Đồng mà mắng rằng :

— Nhà ngươi có con gái gả cho người ta, phải để cho người ta thuận tình chứ. Hoàng Phùng-Ngọc là chồng tao không muốn lấy con tặc-tì nhà mày, thời mày phải buông-tha ra chứ; mày sao dám gia cho trọng-hình, giam vào tù-ngục, như thế thực là lừa đảo phụ-bạc người ta; mày phải mau mau đem chồng tao trả lại cho tao, thời muôn-sự yên cả. Nếu nói nửa lời : « *không-trả* », thời ta làm cho đồ-đảng quân giặc nhà mày chết không có chỗ chôn thây đó!

Gia-Cát Đồng nói :

— Thế ra Phùng-Ngọc đã từng cưới lấy công-chúa rồi, Chúa tôi không được biết; vì y ngang ngược quá, nên mới bỏ giam vào ngục, không may hôm trước đã chết mất rồi, còn làm sao được nữa.

Lý công-chúa nghe nói cả giận, ngảnh lại bảo chư-tướng rằng :

— Ai đó ra bắt lấy tên tặc-nô kia cho ta, để báo-cừu cho Hoàng-lang mới được!

Phù Ly nghe tiếng dạ dạ nhảy xổ ra chực bắt Gia-Cát Đồng. Sau lưng Gia-Cát Đồng tiếng nhạc ngựa loong-coong, một tướng nhảy ra thét to lên rằng :

— Hãy khoan, có Trần Tân ở đây!

Nói rồi Trần Tân xông ra nghênh-địch, hai người đánh nhau đến hơn mười hợp, Phù Ly tức giận hăng lên đâm một ngọn thương trúng vào Trần Tân ngã lăn xuống ngựa. Gia-Cát Đồng cả kinh, kịp vẫy quân tả-hữu xông lên. Lý công-chúa thấy đôi bên đã giáp-trận xô-xát, bèn cầm thương hô lên, binh tướng đều xông tràn ra cả, giao-chiến xô-xát một hồi; song quân tướng nhà họ Lý thấy đều tức-giận hăng hái, dũng-mãnh dị-thường. Phó-tướng nhà họ Mai là Mã Thủ lại phải Phùng Lực-Mộc chém cho một đao ngã lăn xuống ngựa. Gia-Cát Đồng vội vàng phải hồi chiêng thu quân. Lý công-chúa thúc dồn binh mã đuổi theo đến thẳng chân núi Thiên-mã.

Gia-Cát Đồng chạy về đến sơn-trại, chị em Mai Anh ra đón vào trong trại, hỏi thăm tin-tức Lý công-chúa thế nào. Gia-Cát Đồng cười mà rằng :

— Thực là phải mắc họ đánh cháo thật!

Mai tiểu-thư vội hỏi rằng :

— Lý công-chúa không chết, bây giờ làm thế nào?

Gia-Cát Đồng cười mà rằng :

— Kế ấy dẫu phải họ khám-phá, để tôi lại thi một kế nhỏ này nữa, họ dẫu mã-cường quân-tráng, có sợ chi, tôi chắc rằng chỉ lần này là thành-công hẳn!

Mai Anh hỏi :

— Chẳng hay quân-sư định mưu kế ra thế nào?

Gia-Cát Đồng ghé tai sẽ nói như thế .... có thần-diệu không? Mai Anh nói :

— Diệu-kế của quân-sư dẫu Tôn-Võ cũng không kịp được!

Bèn gọi chư tướng vào đều ghé tai dặn bảo mưu kế, rồi cho đi theo lệnh mà làm. Lại sai người đi dụ quân man mèo ở núi Đại-hám trao cho kế cẩm-nang dặn phải theo kế ấy mà làm.

Người sau có mấy câu trách Gia-Cát Đồng rằng :

« Gia-Cát Đồng tông, mưu kế cũng đồng »,
« Song một tà một chính, đồng mà chẳng [đồng ».

Nói về Lý công-chúa dẫu thắng được một trận, trở về trong trại, răn bảo tướng sĩ rằng :

— Nay quân ta đã vào mãi nơi trọng-địa, đêm hôm phải lưu-ý đề-phòng, không nên cậy rằng mới được một trận mà đã kiêu-căng không phòng-bị.

Chư-tướng đều vâng lời phục là phải cả. Đến ngày hôm sau. Lý công chúa đem chư tướng kéo đến áp-sát núi Thiên-mã, giương-oai diệu-võ xông lên trên núi khiêu-chiến. Song chỉ thấy trên núi im-lặng như tờ, cửa ải đóng chặt, tha-hồ cho quân-lính ngoài chửi mắng, ở trong họ cũng mặc kệ. Công-chúa bèn chỉ-huy quân-sĩ lên núi đánh xông vào cửa ải. Sực đâu nghe thấy một tiếng nổ toang, ở trên ải đem gỗ đá bắn xuống như mưa. Khi ấy quân-sĩ muốn tháo lui nhưng đã bị-thương nhiều lắm. Công-chúa dẫu trong bụng nóng nẩy muốn đánh xông vào, song không làm thế nào được ; Trông ra mặt trời đã xế về phương tây, lại nghe thấy có một tiếng súng nổ, có một cánh quân tự phương đông kéo xông lại. Lý công-chúa vội vàng phải đem quân lui xuống đồng bằng, bày ra trận-thế, trận-cước đều dàn quân thiện-xạ. Đối trận thấy có một tướng đầu đội đâu-mâu sắt, mình mặc giáp-dầu đen, chân đập ngựa ô-truy, tay cầm côn hắc-thiết, người đen như bắc-sát thần tướng, thét to lên một tiếng mà rằng :

— Đồ lọ sành kia mày đã có tai có mỏ gì, mà dám đến đây khoe-khoang làm vậy ?

Bên trận này Mã Tán nổi giận thét lên rằng :

— Tướng kia đừng có nói khoác mồm, phải xưng danh ra cho ta biết.

Tướng ấy nói to lên rằng :

— Ta đây là Đại-hám-sơn đại-vương Thiết Lão-Hổ đây ! Mày là người nào mà dám hỏi tao làm vậy ?

Mã Tán nổi giận mà rằng :

— Ta là Gia-quế-sơn tướng-quân Mã Tán đây ! Sao lại không dám hỏi quân giặc mặt đen xì kia vậy !

Nói rồi liền cầm đôi roi xông sang đánh. Thiết Lão-Hổ cũng hầm-hầm cầm côn xông ra nghênh-địch, đánh nhau hơn trăm-hợp, không phân thắng-phụ ; quân-sĩ đôi bên trận đều lấy làm kinh. Lý công-chúa thấy Mã Tán đánh không đổ được Lão-Hổ, bèn sai Hứa Ngọc-Anh lẻn ra đàng trước trận, giương cung bắn ra một tên, trúng ngay vào cái kính yếm-tâm giữa bụng Lão-Hổ, đánh tách một tiếng vỡ tan ra. Lão-Hổ vội vàng quay ngựa chạy. Mã Tán thúc quân đuổi theo, chợt thấy trong núi Thiên-mã trống đánh người reo, Lý công-chúa thấy mặt trời đã xế về tây, sợ phải quân giặc đánh úp, liền bồi chiêng thu quân về trại nghỉ ngơi. Chừng độ trống canh hai, trông thấy núi Đại-hám lửa sáng rực trời, tiếng trống rậy đất, quân-sĩ thất-kinh trở dậy, đều kéo ra mặt đông đề phòng-ngữ, không đề-phòng chi đến mặt tây, chợt đâu có một cánh quân lẳng-lặng đi ngầm đến, rúc còi xông vào phá trại bên hữu. Phùng Lực-Mộc đem quân liều chết mà cự-chiến, đến trống canh năm quân giặc mới lui. Quân-sĩ suốt đêm không được trợp mắt lúc nào.

Ngày hôm sau, Lý công-chúa lại đem quân đến núi Thiên-mã khiêu-chiến, trong trại núi Thiên-mã cứ yên lặng không chịu ra, đến gần độ giờ mùi giờ thân chợt nghe thấy tiếng pháo nổ, có một cánh quân tự phương tây xông lại. Lý công-chúa liền sai Phù-Ly ra cự-địch đánh nhau xô-xát một hồi, thời toán quân ấy phải tháo lui. Lý công-chúa cũng thu quân lại không theo, trở về trong trại. Chừng độ trống canh hai, lại thấy về phía tây lửa sáng rực trời, tiếng reo như sấm. Lý công-chúa dặn bảo quân-

sĩ không được vọng-động, đều cầm nỏ canh giữ trại cho vững. Quân-sĩ chỉ lấy tên nỏ bắn ra, một lát thấy có một cánh - quân tự phía đông đánh xông vào không được ; trống canh năm lại tháo lui. Quân tướng nhà họ Lý phải quân giặc làm náo-động như thế luôn năm sáu đêm, quân-sĩ mỏi mệt cả. Lý công-chúa dặn bảo rằng :

— Hôm nay hãy nghỉ một ngày không xuất-quân chi vội.

Nói chưa rứt lời, nghe tiếng pháo nổ, thời thấy chúa núi Thiên-mã là Mai Anh đến trước trại khiêu-chiến. Lý công-chúa cả giận, mở cửa thành ra đánh. Mai Anh ngồi trên mình ngựa chắp tay mà rằng :

— Tôi với công-chúa cùng là người giống Dao-man cả, chẳng hay cớ sao công-chúa lại đem quân phạm tới bờ cõi tôi làm vậy.

Công-chúa không trả lời, liền cầm thương trỏ ra đâm. Mai Anh kịp đỡ được, hai bên giao-chiến đến một trăm mười hợp, hai người đều tinh-thần hăng-hái, trở vào trong trận đổi ngựa lại ra giao-chiến đến 50 hợp. Mai Anh bèn kéo rẽ ngọn kích quay ngựa chạy lui. Công-chúa sợ mắc phải mẹo, dừng ngựa lại không theo, thu binh về trại, chợt nghe báo thủy-quân phải Gia-Cát Đồng dụng tên Côn-lôn-nô đâm thủng cả thuyền, quân-sĩ phải kéo lên bờ, lại gặp phục-binh trên bờ đâm trỏ ra, vây kín Triệu-Tín lại. Công-chúa kịp sai Mã-Tán đến ứng-cứu. Chợt lại nghe báo Mã-Cách vận lương đến núi Vân-lãm cũng phải giặc vây cướp mất cả lương-thảo. Công - chúa cả kinh, kịp sai Bàn Ma-La đem binh đi ứng-cứu. Ma-La đi đến núi Vân-lãm quả thấy Mã Cách đang bị Thạch Thung-Cữu hãm ở trong vòng vây. Ma-La hết sức xông pha đánh giết, cứu được Mã Cách ra, đi chửa được và dặm đường chợt thấy tên ti-tướng giữ ở khe Long-quá đem mấy tên binh mã tàn-bại ở bên khe núi chạy ra nói rằng :

— Thưa tướng-quân, đường đi lên không qua được nữa, cửa hang đã phải Đồng Miêu-Công cướp mất, đem gỗ đá lấp chẹn cả đi rồi.

Ma-La cả kinh, quay ngựa theo con đường trong núi Giá-cô mà đi, đi đến chỗ sơn-đình, thời đã bị Tống Kim-Cương đào một cái hào sâu chặn ngang, thả chông gai tật-lê chặn giữ và tiệt-đoạn cả các con đường ngách con. Ma-La bảo Mã Cách rằng :

— Bây giờ phải liều chết mà đánh phá cho được Kim - Cương, để mở đường cứu lấy công-chúa mới được.

Mã Cách nói.

— Tướng quân nói phải đó !

Bèn thúc quân reo ầm lên xông đến nhổ chông tật-lê, song phải tên nỏ bắn xuống như mưa, xông lên mấy lần đều bị bắn lại phải lui lại, vả đường núi gập-ghềnh, xông-đột không được, hai người không tài giở phép nào được, chỉ sai người đi khắp các nơi do thám ngách đường đi.

Khi ấy Lý công-chúa đương ngồi ở trong quân-trướng, nghĩ cũng kinh-hoảng, chợt thấy Mã-Tán cứu được Triệu Tín và đem được ít nhiều quân-mã tàn-bại trở về, vào bẩm rằng :

— Kịp xin công-chúa mau mau nhổ trại lui về Nam-giang, rồi sẽ nghĩ mưu liệu tính ; tôi nghe ngoài cửa hang Sơn-đình đều bị ngặc lấp cả rồi, nếu còn trậm trễ, sợ lui ra không thoát được!

Công-chúa cả kinh mà rằng :

— Nay đường cái đã bị tắc lấp hết cả, thời biết đi đàng nào mà ra cho được.

Dưới trướng có Bả - tổng Hoàng Kiều-Thăng bẩm lên rằng :

— Xin công-chúa chớ ngại, dầu các đường nhỏ kia đi ra không được

nữa. Song đi đường núi Đông-dã thời rất rộng, rồi quanh ra núi Kha-mộc cách cửa bể La-bàng chỉ độ 50 dặm mà thôi, vả lại đường sá bằng phẳng dễ đi, chỉ có chỗ núi Bài-sơn, núi Đại-tiễn thời đường hơi hẹp; song đã đến núi Đại-tiễn, cách cửa sông cũng không xa nữa.

Công-chúa nghe nói cũng tin lời y làm phải, bèn sai Triệu Tín, Phùng Lực-Mộc làm tiên-phong, đem Hoàng Kiều-Thăng làm hướng-đạo, còn mình thời tự đem trung-quân; Phù Ly, Mã Tán thời đi đoạn-hậu; bèn hư-trương tình-kỳ sẽ rút quân mà tiến đi; lìa bỏ đất Tử-chương, qua tới núi Đông-dã, núi Kha-mộc, sắp tới núi Nha-cốc, chợt nghe tiếng súng nổ bốn mặt phục binh đổ ra, mặt trước thời Thạch Trung-Cửu; mặt sau thời Thiết Lão-Hổ, bổ vây kín Lý công-chúa vào trong vòng vây. Công-chúa cả kinh, đem nữ-binh tiêu chết mà đánh, song hễ công-chúa đi sang phía đông, thời binh tướng nhà họ Mai đều đổ xô cả về phía đông; đi sang phía tây thời cũng đổ xô cả về phía tây; đánh nhau được ít lâu, trời gần tối sầm, thấy ở trên núi Dã-ông có một ngọn đèn lóe sáng đỏ lòe cứ chính-chiếu vào công-chúa hễ ở đông thời chiếu về đông; tây thời chiếu về tây. Nữ-tướng Hứa Ngọc-Anh khóc mà rằng:

— Thưa công-chúa, bây giờ phải liều bỏ một mạng tôi, thời công-chúa mới ra được thoát

Công-chúa hỏi:

— Chẳng hay sao vậy?

Hứa Ngọc-Anh thưa:

— Tôi xem ngọn đèn lóe trên kia cứ chiếu theo vào công-chúa, thời xin công-chúa phải cởi áo hoàng-bào đưa cho tôi mặc, đợi đến sớm ngày tôi xin đem cờ hiệu của công-chúa tiến quân lên trước, để cho quân tướng nó xúm lại vây bọc tôi, bấy giờ công-chúa sẽ thừa thế mà đánh xông ra thời được.

Công-chúa khóc mà rằng:

— Thôi, trước đã hại mất Dương Phiên-Phiên, nay sao lại nỡ bỏ ngươi vào đất chết, chết thời đành cùng chết cả mà thôi!

Ngọc-Anh nói:

— Thân tôi chết cũng chẳng đủ tiếc làm chi, chớ như công-chúa, trên còn có lão-mẫu, dưới còn có binh-tướng, đều trông cậy vào một mình công-chúa cả, công-chúa sao không tự-trọng lấy thân mình? Vả tôi chết thời công-chúa may còn thoát được; nếu công-chúa chết thời tôi có hay khỏi chết được không?

Người hầu tả-hữu đều đồng-thanh nói:

— Thưa công-chúa, Hứa cô-nương nói chí phải!

Công-chúa nhất-định không nghe. Ngọc-Anh sấn vào giơ tay lên đầu công-chúa lột lấy mũ kim-quan, cởi lấy áo hồng-cẩm mặc ngay vào mình mình. Công-chúa rỏ nước mắt mà rằng:

— Em ta trung nghĩa thế này, xin để cho chị vái tạ em một lạy.

Nói rồi, liền xuống ngựa, hai người thi-lễ giao-bái xong, công-chúa hỏi các nữ-binh rằng:

— Chẳng hay ai dám theo Hứa cô-nương cùng đi nào?

Chúng nữ-binh đồng-thanh mà rằng:

— Lũ chúng con xin tình-nguyện đi theo cả!

Ngọc-Anh nói:

— Phải phân ra ba trăm nữ-binh theo hộ-vệ công-chúa; còn thời đều cho theo tôi tiến lên trước.

Công-chúa gật đầu, phân ra 10,000 nữ-binh cho theo Hứa Ngọc-Anh. Khi

trời mới rạng đông, Ngọc-Anh rấn mình đi trước nữ-binh theo về đàng núi Kha-mộc đánh xông ra. Các binh tướng nhà họ Mai trông thấy người con gái mặc áo hồng-bào xung-đột đánh ra bèn reo ầm lên kéo đổ xô lại vây bọc. Bọn nữ-binh ấy đã cầm chắc cái chết cứ múa dao mà tiến lên, đều một người đánh nổi trăm người, sát-tán được quân-sĩ của Mai Anh đều đông tây tan rã. Thiết Lão-Hổ khi ấy không tài nào ngăn trở lại được. Mặt sau Mã Tán, Phù Ly vừa đi đến núi Kha-mộc, phải quân Lão-Hổ đánh chặn lại, đàng sau Mai Anh cũng vừa kéo binh đến liền vây kín hai tướng lại. Hai tướng cố sức đánh không tài nào ra thoát. Sớm ngày hôm sau. Mai Anh sai đem cung nỏ bắn chĩa vào, hai người đương hoảng sợ, chợt thấy quân Lão Hổ tơi bời tan chạy, biết rằng có cứu-binh kéo đến, hai tướng bèn hết-sức xông đột, đánh tháo ra ngoài vòng vây, gặp thấy Hứa Ngọc-Anh đầy mặt máu mê, Mã Tán vội vàng hỏi rằng :

— Công-chúa ta ở đâu ?

Ngọc Anh nói :

— Chẳng hay công-chúa đã ra thoát được chưa ? Tướng - quân mau mau xông lên trước, bảo-hộ lấy công-chúa, để mặc tôi giữ gìn đám hậu-quân.

Mã Tán nghe nói liền vung roi sắt xông lên đến cửa núi Đại - tiến, thời thấy binh mã xung-xinh, hết sức đánh không thể ra được, chợt nghe thấy tiếng reo ầm ầm, quân-sĩ nhà họ Mai chạy tán-loạn sa cả xuống khe nước. Mã Tán ngửng lên xem thời là Triệu Tín, Phùng Lực-Mộc hai người đang đánh xông vào, bốn tướng gặp nhau, Mã Tán liền hỏi :

— Chẳng hay công-chúa ta chạy lạc đâu ?

Triệu Tín nói :

— Hôm qua hai chúng tôi nghe tin công-chúa bị vây, phải kíp trở binh lại cứu, bấy giờ trời đã tối không dám tiến lên nữa. Sớm hôm nay xông-đột đến cửa núi, may gặp công-chúa tự trong đánh tháo ra, hai chúng tôi đón lấy bảo-hộ công-chúa đưa về cửa sông Nam-giang, liền Đường Hồ đón lấy công-chúa đưa qua sang sông rồi. Công-chúa lại lo chư-tướng không ra được nên lại sai hai chúng tôi trở lại ứng-cứu.

Mã Tán cả mừng, vội vàng chạy ra khỏi cửa núi, ngảnh lại không trông thấy Phùng Lực-Mộc. Phù Lý nói :

— Mã tướng-quân trở lại cứu chúng ta, nay lại lạc mất Phùng tướng-quân còn mặt mũi nào trông thấy công-chúa nữa !

Ba tướng liền quay trở lại xông-đột đi tìm. Khi bấy giờ Lực - Mộc đang phải Thạch Thung-Cữu đánh chẹn lại, mà về mặt đàng sau thời Hứa Ngọc-Anh mình đã bị nhiều vết thương nát cả ra, chống- hỏi không lại được nữa, bèn cầm gươm tự-vẫn mà chết. Lão-Hổ bấy giờ không ai lan - trở nữa, bèn thả quân ra đánh giết tràn đi, vây hãm Lực-Mộc vào trong vòng vây. Đương lúc giao-chiến, tên nỏ đâu vụt bắn ra tin vào giữa bụng, Lực-Mộc kêu lên một tiếng to ngã xuống ngựa mà thác.

Triệu, Mã và Phù Ly ba tướng đánh xông vào trong vòng vây, tìm không thấy Lực Mộc, gặp quân bộ-hạ Lực-Mộc, hỏi ra mới biết là chết rồi, ba tướng lại đánh xông ra. Không ngờ Gia - Cát Đồng đã đánh cướp mất chiến-thuyền của Triệu Tín, đem binh tự vịnh Chín - chín, xông lên núi Đại-tiến, sai quân-sĩ cướp lấy những súng cò máy, súng cửu - long, chông gai tật - lê, hạt nổ bằng thiếc, và quả yên -cần, đạn hỏa - pháo, khuân cả lên núi Đại-tiến, rồi cứ thuận luồng gió phóng xuống, khói lửa mù-mịt, bén vào ngòi súng nổ rầm trời, bắn tin phải Phù Ly tan ra như cám. Hai tướng cả kinh, đương lúc nguy-cấp trông lên trên núi thấy quân-sĩ chạy

tán-loạn tơi bời, có một tướng đuổi theo Vạn Nhân-Địch thét lên rằng :

— Phải giết cho hết quân giặc này đi mới được.

Mã Tán nhận kỹ ra là Bàn Ma-La. Nguyên Ma-La cùng với Mã Cách tìm được hai người hướng-dẫn đi qua núi Đại-tiến rồi quanh đến Tử-chướng để ứng-tiếp công-chúa, khi vừa đến sau núi, nghe tiếng súng nổ rầm trời liền sai người đi do thám. Người thám về nói có bọn binh tướng nhà đương bị vây. Ma-La kíp xông lên ứng-cứu. Khi ấy Gia-Cát Đồng đương ở trên núi sai bắn súng ném đá xuống, không có đề-phòng gì cả. Ma-La đem binh sực đến, Gia-Cát Đồng vội vàng bỏ chạy. Vạn Nhân-Địch xông ra đối-địch, Ma-La tức khí hăng-hái đánh đuổi Vạn Nhân-Địch không chống lại được phải vòng chân núi mà chạy, gặp ngay Mã Tán vung đôi roi lên đánh Vạn Nhân-Địch chết quay ra dưới ngựa. Thiết Lão-Hổ, Thạch Thung-Cữu hò reo chạy tới ứng-cứu ; chư-tướng nhà họ Lý không dám mải-miết đánh nhau nữa, phải hợp binh lại đánh tháo ra cửa La-bàng, lui đến Nam-giang rồi vượt qua bể, bảo-hộ công-chúa tới châu Đức-khánh, tạm đóng dinh trại nghỉ lại, chư tướng vào yết-kiến bẩm rằng :

Phù, Phùng hai tướng đều tử-trận ở cửa sông La-bàng.

Công-chúa khóc òa lên mà rằng:

— Ta đã không hay báo-cừu cho Hoàng-lang, mà lại thiệt mất đại-tướng của ta, hại mất quân-sĩ của ta, còn mặt mũi nào về trông thấy các phụ-lão trong sơn-trại nữa!

Nói rồi, liền rút gươm toan tự-vẫn. Tả hữu vội vàng ngăn giữ lại, chư-tướng bước lên khuyên giải. Bàn Ma-La rút tên vạch xuống đất kêu lên rằng :

— Công-chúa mà muốn chết, thời tất cả chúng tôi cũng đành chết cả mà thôi !

Nói rồi liền rút gươm ra toan đâm cổ. Mã-Tán giật lấy gươm mà rằng :

— Tướng-quân sao lại thế, bây giờ chúng ta nên đồng - tâm hiệp - lực để báo cừu, sao lại cam tự-vẫn chết ở chốn ngòi-lạch này vậy ?

Ma-La nói :

— Tức thay! Không nuốt sống được quân giặc này để giải lo cho công-chúa, thời sống làm chi nữa.

Ma-La nói rồi, khóc nức nở. Chư tướng cũng khóc mà rằng :

— Bàn tướng-quân ơi ! nếu tướng-quân mà như thế, thời chẳng càng đau lòng công-chúa lắm ru !

Mã Tán bẩm lên rằng :

— Thưa công-chúa, chỗ này cách đất giặc cũng không xa mấy, không nên đóng ở lâu, xin công-chúa mau mau khởi-trình về sơn-trại, rồi ta sẽ lo toan báo-phục.

Công-chúa nghe lời sắp sửa kéo quân ra về.

Thực là :

Tức giặc những toan liều sống thác
Báo cừu nên phải nghĩ sâu xa.

Đời sau ông Lê Mĩ-Chu có bài cổ-phong tán Bàn Tướng-quân rằng :

Oanh-liệt Bàn tướng-quân,
Giận không hay sát-địch.
Chúa tức muốn chết ngay !
Tôi thẹn sống vô-ích !
Liền rút thanh gươm ra,
Toan đâm cổ chết quách !
Thà rằng làm ma thiêng,
Mờ mịt biến hình-tích.
Bay lên núi giặc kia,
Nuốt sống lấy hồn phách !

Lại có bài tán Dương Phiên-Phiên và Hứa Ngọc-Anh rằng :

Xưa nay người trung nghĩa,
Rất cảm-động nhân-tâm.
Xem như Lý công-chúa,
Tức giặc dạ những căm!
Mấy lần mắc mưu giặc,
Muôn thác thôi cũng đành.
Trước có Dương Phiên-Phiên,
Sau có Hứa Ngọc-Anh.
Xin thay mũ áo chúa,
Lừa giặc, giả dạng hình.
Cứu chúa thân chi tiếc,
Nghĩa nặng nên thân khinh!

ĐÔNG-CHÂU dịch

(Còn nữa)

QUỐC-SỬ LỤC-THẬP-TỨ VỊNH DIỄN CA (1)

Tiểu-chí

Đăng tiên-khảo tôi cầm cái học-vấn đạo-đức tôn-chỉ cũ, chí-khí không ở ấm no; đỗ lên, (*Tự-đức mậu-thìn ân-khoa cử-nhân*) làm quan Bất-bạt, Đan-phượng, Vĩnh-tường phân-phủ, (*bấy giờ tỉnh Sơn-tây đương về buổi giao-thiệp bối rối lắm việc, phải thay mặt quan trên, quyền lý các phủ, huyện*) Hòa-vang, Điện-bàn, Dương-lịch châu quận hơn mười năm, nghèo vẫn như cũ. Khoảng năm vua Tự-đức thăng-hà, triều-đình đa-sự, tuổi đã già, nghỉ quan về dạy học; đức tính cần-nghiêm, bình-sinh xem sách, phi sách thánh hiền không xem; lại cho sự làm thơ là vô-ích, thường nói: « Con người ta hiếu, đễ, trung, tín, đôn-nghiệp, lực-hành là hơn, ngoạn-vật thì táng-chí, thơ cũng là ngoạn-vật ».

Tập quốc-sử lục-thập tứ-vịnh này làm bằng hán-văn, bấy giờ tuổi đã bảy mươi tám, đều là những khi ưu-du vô-sự, trước giường dưới gối, miệng đọc dạy lũ cháu, để thay vào quốc-sử giáo-khoa; thơ đều giản-dị minh-thiết, không chuộng những vẻ quang-quái lục-ly; cốt để kỷ-niệm lấy đại-sự dật-sự của tổ-quốc, mà gửi lòng vịnh-thán ca-tư.

Tôi để trong bụng, bao giờ dám quên; nay đốt hương cầm bút lục ra để vấn-thế, không dám giữ gìn làm của riêng một nhà. Song lại cảm cái lòng kính-ái của đồng-nhân, vậy dịch ra quốc-âm, để bù cái lỗi làm con, và công cái nghĩa đồng-hiếu.

Còn như dẫn người vào trong cõi nhân, nghĩa, hiếu, trung; thời đã di-mặc của tiên công tôi ở đó, tôi có phần nào.

Tùng-vân NGUYỄN ĐÔN-PHỤC
Cẩn chí

* * *

Không có cái bút-tình thướng-há thiên-cổ (2), không viết được thơ vịnh sử; không có cái bút-tình thướng-há thiên-cổ, không dịch được thơ vịnh-sử; không có cái óc thướng-há thiên-cổ, không xem được thơ vịnh-sử.

(1) Thơ *Quốc-sử lục-thập-tứ vịnh* là của ông Uy-sơn Nguyễn tiên-sinh Tất-Tố vịnh thành ngũ-ngôn, phần chữ nho đã đăng vào mục Văn-uyển số báo 50 trước rồi. Nay lại tiếp được ông Tùng-Vân Nguyễn Đôn-Phục theo 64 bài vịnh ấy mà diễn ra ca lục-bát, vậy cứ y nguyên-văn mà lục-đăng ra đây, để công-đồng hiểu.

(2) Thướng-há thiên-cổ nghĩa là lưu-ý xét lên nghìn năm về trước, lại xét đến nghìn năm về sau.

Tập này so trong khuân thích -đáng, mà lựa ra quốc-âm, nối vần xếp lại làm một tập tràng-thiên quốc-văn, để tiện cho khi tụng-độc. (thiên-chương tuy có rời-vặt, mạch-lạc vẫn thấy quán-thông, sáu mươi tư bài, tức là một bài) khiến cho kẻ xem sử rồi, nhân khi phúng-vịnh mà biết thơ ; kẻ chưa xem sử, nhân khi giảng-đàm mà biết sử.

Ví đem tập này làm tập niệm-tồ tân-thanh ở trong học-giới, thì dịch-giả tuy vụng - về quê-kệch, xin cũng thừa - đương lấy sử phải mà làm, không dám suy-nhượng cho ai.

TÙNG-VÂN *tái chí*

1

Hồng-bàng thị Kinh dương vương

Trời nam xưa họ Hồng-bàng,
Sử xanh rực-rỡ da vàng giống ta.
Hỏi ai là tồ nước nhà ?
Kinh-dương thuở nọ đầu ra trị dời. (1)

2

Lạc-long quân

Rồng bay tiên xuống tốt đôi,
Bọc trăm trứng nở sinh-sôi lạ [nhường !
Chớ cho là sự hoang-đường,
Kia như huyền-điểu (2) sinh Thương [khác nào.

3

Hùng-vương

Hùng vương đời lạ lùng sao !
Đời còn đời cồ sự nhiều sự vui.
Kể đời mười tám đời dài,
Kể năm rằng-rặc năm hai nghìn thừa.

4

Đồng thiên-vương

Gươm vàng ngựa sắt khi xưa,
Vũ-minh dẹp giặc bấy giờ là ai ?
Người trời vâng với sứ trời,
Ba năm khi ngỏ một lời yên dân.

5

Mị-nương

Mị-nương là gái thanh-tân,
Sơn-tinh khi đã Tấn-Tần kết-duyên.
Thủy-tinh dâng nước đánh ghen,
Mà quân Tây-thục mấy phen nồng-nàn.

6

Tiên-Dung Chử đồng-tử

Tình cờ trên bãi Tự-nhiên,
Ngọn lau rủ thấp dây thuyền tung cao.
Nước trong trôi phấn hoa đào.
Trời xe ông Chử chập vào bà Tiên.

7

Thục An-dương-vương

Kể từ Âu-lạc gây nền,
Cổ-loa thành cũ mấy nghìn năm nay.
Móng rùa rề đã trao tay,
Thương ôi sau ngựa con dây giặc mà !

8

Triệu Vũ-đế

Phan-ngung vua Triệu Uý-Đà,
Đế-đồ ganh với Hán-gia những ngày.
Anh-hùng đã cháu trên tay,
Sinh-thư đi lại từ ngày sứ sang.

9

Triệu Minh-vương

Ai tham con gái Hàm-đan,
Mà quên mất vẻ hồng-nhan nước nhà.
Tiếc thay cho cậu Anh-Tề,
Khi đi chí-tử, khi về liệt-phiên (3).

10-11

Trưng-vương

Con nhà Lạc-tướng nổi lên,
Trưng-vương đây cũng thiền-quyên [anh-hùng.

(1) Các đoạn sau này cứ nối vần mà diễn theo.
(2) Huyền-điểu là chim yến, sách Bắc-sử chép chuyện tồ nhà Thương sinh ra, có điềm huyền-điểu.
(3) Hai nước ngang nhau, minh-thệ với nhau, gửi con nhau để làm tin, gọi là chí-tử ; nước nhỏ ở dưới quyền nước lớn, phải chịu lễ chiều-cống, gọi là liệt-phiên.

Ra tay trả nghĩa cùng chồng,
Nước non thệ một chữ *đồng* cùng em.
Phong-vân tỏ mặt cho xem,
Sáu mươi thành nọ Lĩnh-nam bây giờ.
Mê-linh phấp-phới ngọn cờ,
Hán-đình nó trỏ ấy vua đàn bà.

12

Đỗ Tuệ-Độ

Chu-diên thầy Đỗ đó mà,
Quan là quan Bắc, người là người Nam.
Cơm rau áo vải đức liêm,
Thành xuân khóa ngỏ thâu đêm thái-bình.

13

Tiền Lý Nam-đế

Thiên-thư có chữ rành rành,
Vua Nam lại nước non mình cõi Nam.
Vạn-xuân trò vỗ tay xem,
Chưa xong hồi Lý đã chêm tấn Trần.

14

Triệu-việt-vương

Long-biên gặp hội đỉnh-tân,
Kia quân Dạ-trạch là quân anh-hùng.
Đào-lang thủy-tuyệt sơn-cùng,
Năm ba cành Lý ai trồng cho nên.

15

Hậu-Lý Phật-tử

Hạt gieo xuống bãi Ô-diên,
Quả tung lên đất Long-biên lại tròn.
Thương ôi là nước là non!
Mới ông rể Triệu, đã con hàng Tùy.

16

Mai Hắc-đế

Hoan-châu này Hắc-đế kỳ,
Ai cung ai kiếm kém gì đức ai?
Nên chăng thì cũng tại trời.
Ai ôi! kiến-nghĩa thì người đương-vi.

17

Phùng đại-vương

Đường-lâm có kiện-nam-nhi,
Tung trâu đấm cọp ai bì sức ông.
Đô-quân trông đó mà trông,
Đại-vương hiện quí dân cùng mẹ cha.

18

Triệu-ẩu

Cửu-chân lại có một bà,
Vú dâu có vú hơn ba thước dài.
Cầm quân ngồi trốc đầu voi,
Gái Trưng gái Triệu hai người trước sau.

19

Triệu-Xương

Lý Ông-Trọng người thế nào?
Thân dài hai trượng chiêm-bao thấy ngài.
Xuân-thu đêm ngắn chuyện dài,
Thụy-hương ướm hỏi sang chơi thăm nhà.

20

Cao-Biền

Nhớ không chuyện cũ đó mà,
Quân là Tĩnh-hải hiệu là Lạc-điêu.
La-thành ai đắp lên cao,
Cao-vương người ấy người nào biết không?

21

Khúc-Hiệu

Có quan Tiết-độ châu Hồng,
Bắc Nam đôi cõi giao-thông hẹp gì.
Miền Nam mai có sự gì,
Chắc tay Đinh-Nghệ nó thì giữ yên.

22-23

Tiền-Ngô-vương Quyền

Đường-lâm may có rể hiền,
Thương ông bố vợ mấy phen báo thù.
Bất nghĩa giết thằng Kiều-nô,
Sao quân Nam-hán giở trò vô-danh.(1)
Sông Đằng đè sóng bắt kềnh (2),
Kim-thang (3) trỏ Thục cố-thành dời đô.

---

(1) Vô danh là quân vô lý.
(2) Cá kềnh là vì thằng giặc to và tợn.
(3) Kim-thành thang-trì nghĩa là thành vàng hào sôi, là nói nơi thiên-hiểm.

Tuổi già phải cái lầm to,
Ôm thằng cháu Ngập đem nhờ cậu [Dương.

24

Hậu-Ngô-vương Xương-Văn

Phục-quốc là tài Tấn-vương,
Đón anh Thiên-Sách ngai vàng ngồi [chung.
Cắn răng nuôi cậu đã xong,
Giặc Đường chi để mắc trong tay [phàm.

25-26

Đinh Tiên-hoàng

Mười hai quan Sứ trời Nam,
Kẻ dưa (1) Bố-hải người xiêm (2) Hồi- [hồ.
Chao ôi! Thiên-hạ bao giờ?
Hoa lau phấp-phới ngọn cờ đế-vương.
Đàn hươu săn bắt dễ dàng,
Một con cọp ngủ khó lường được [thay!
Uy vua nam bắc đông tây,
Nách vua trời để có tay Lê-Hoàn.

27

Lê Đại-Hành

Thập-đạo tướng-quân bay lên,
Cuộc Đinh xóa hẳn bày liền cuộc Lê.
Một cây điểm nọ dao lia,
Thử xem mười tám quả kia điểm gì?

28

Lý Thái-tổ

Làng Cổ-pháp đế-vương ki,
Thăng-long đất mới long-phi trình- [tường.
Chùa Tiêu thắp một nén hương,
Thơm-tho thánh-mẫu mơ-màng thánh- [nhi.

29

Lý Thánh-tôn

Thăng-long giữa đất vương-kỳ,
Cái kim học đạo trở về Khuê-văn,
Hoàng-gia thống-nhất thánh-chân.
Nhớ năm Đại-Lý anh-quân trị đời.

30

Lý Nhân-tôn

Giặc Xiêm giặc Tống trong ngoài,
Lại còn Chân-lạp một hai lén vào.
Nguyệt-giang hỏi miếu ông nào?
Vần thơ ngâm gió ào-ào giặc tan.

31

Lý Thường-Kiệt

Khâm-châu nghe sự kinh-thiên,
Hỏi thăm ông tướng họ tên là gì?
Lý Thường-Kiệt hảo nam-nhi!
Quân ta phạt-tội nghĩa vì điếu-dân.

32

Lý Thần-tôn

Ấy ai Đạo-Hạnh tiền-thân?
Mà trong hang đá bước chân hãy còn.
Lạ thay thánh-kế thần-truyền,
Có không không có phúc-duyên thầy [già (3).

33

Tô Hiến-Thành

Quan Tô Thái-úy nước ta,
Ẵm ông vua bé lên ba tuổi đầu.
Nghìn vàng nỡ phụ ơn sâu,
Bức tranh Tứ-phụ đứng đầu Kỳ-lân(4).

34

Lý Chiêu-hoàng

Bóng ô khi gác non thần,
Tòa mây năm sắc quay vần bể đông.

(1-2) Qua phân là chia ra từng miếng dưa. Liệt thường là xé ra từng mảnh xiêm, là nói cuộc cát-cứ.
(3) Thầy già cũng như thầy tăng.
(4) Đây nói công ông Tô đời Lý cũng như công ông Hoắc Quang đời Hán vẽ tượng ở gác Kỳ-lân.

Thân em bên nước bên chồng,
Trách ông tạo-hóa ra lòng trêu ngươi!

35

Trần Thái-tôn

Ngai vàng Thánh vợ trao ngôi,
Hoàng cha xin giữ quyền trời ấy cho.
Thi tài so cách bạ-thư,
Đắp đê Đỉnh-nhĩ quanh-co Nhị-hà.

36

Trần-Thánh-tôn

Đắc-lực khen cho Trần-gia,
Đình Lan anh mục em hòa khi vui.
Vương hầu tướng tướng là ai,
Cành vàng lá ngọc chẳng người đâu xa.

37

Trần Quốc-Toản

Nguyên-binh mượn đất đi qua,
Năm mươi vạn ấy nó là giả-danh.
Ấy ai niên-thiếu tùng-chinh?
Cờ đề sáu chữ nức danh từ nhà.

38

Trần Bình-Trọng

Âu là Nam-quỉ cũng là,
Bắc-vương chi mặt mo mà Bắc-vương!
Hàng Nguyên hỡi chú Bình-chương,
Sống như Ých-Tắc sống càng hổ ngươi.

39

Trần Quang-Khải, Trần-Khánh-Dư
Trần Quốc-Tuấn

Chương-dương cướp giáo vừa rồi,
Lại nơi Bạng-hải bắt mười thuyền [lương.
Lờ-mờ ngọn cọc Đằng-giang,
Thành-công ta tính đủ phương vạn- [toàn.

40

Trần Quốc-Tuấn

Lục-đầu Vạn-kiếp giang san,
Mây từng biếc cuốn, sóng làn hồng reo.
Công ngài so mở đời cao,
Trông ra non nước ngắm vào sử-xanh.

41

Giã-Tượng, Yết-Kiêu

Quân ngài phụ-tử chi-binh,
Giặc beo xem cũng như hình giặc dê.
Lũ anh Tượng, hùng-hổ ghê!
Chim hồng bay bổng mạnh về cánh [lông.

42

Trần Nhân-tôn

Tu nhương (1) đặt gánh anh-hùng,
Sơn xuyên nhẹ gót vui cùng thủy-vân.
Yên-sơn hoa bốn mùa xuân,
Làng tăng thập-bát cõi trần tam-thiên.

43

Chu Công-An

Công khanh lạy trước thềm-chiên,
Trao tay thái-tử chân-truyền một kinh.
Sớ coi Thất-trảm rành-rành,
Đạo coi lên núi Chí-linh cao bền.

44

Trần Nghệ-tôn

Ân-cần gửi nước gửi non,
Đem hòn máu đỏ gửi con quạ già.
Trên lầu mỏ đỏ thò ra,
Nhớ không lầu ấy gọi là Bạch-kê?

45

Trần Quí-Khuếch

Bình-than Cổ-lộng đi về,
Khi sớm lên ngựa khi khuya chèo thuyền.
Cái thù tôn-xã bao quên,
Thuận-thiên may lại hồi-thiên có ngày.

---

(1) Tu là sửa chính-trị ở trong, nhương là dẹp giặc giã ở ngoài.

46-47

Lê Thái-tổ

Bưởu (1) Hồ ai cắt xong ngay,
Đao Minh lại gặp những tay tham-tàn.
Non xanh nước biếc mơ-màng,
Có chăng ông mặc áo vàng nhỏ ra.
Lam-sơn tỏ mặt vua ta,
Trời Nam riêng nước non nhà chủ-[trương.
Mười năm tan cuộc chiến-trường,
Qui - mô chính - thống đường-đường [muôn thu.

48

Lê Thái-tôn

Kiệu Vua qua ngõ nhà Hầu,
Phong cô học-sĩ tước đầu Lễ-nghi.
Vườn xuân lay bóng lệ-chi. (2)
Lạ cho là cảnh trăng khi tỏ mờ.

49

Lê Trãi

Ông Đặng ông Thang (3) thủa xưa,
Ông tước Cao-mật ông nhà Kim-lăng.
Đài văn dệt gió thêu trăng,
Những ai túi sửa khăn nưng đó giờ.

50

Lê Thánh-tôn

Thông-minh sẵn tính trời cho,
Tiên-đồng giáng-thế có vua thánh-thần.
Yêu vua này bút sử-thần,
Xin đem Hán Vũ Đường Văn (4) so vào.

51

Lê Uy-Mục, Tương-Dực nhị-đế

Tam bách dư tải Lê-triều,
Lưng rùa chữ ứng ra nhiều điềm hay.
Ý trời trêu-ghẹo chi đây,
Ông kia tướng lợn, ông này tính ma.

52

Mạc Đăng-Dung

Chóp vàng dây gấm xem qua,
Kia là phượng-tản kia là long-chu.
Thiên-tử ở đấy ở đâu,
Nghi-dương sự đã đáo-đầu rồi đây.

53

Bản-chiếu Triệu-tổ

Cờ đức Triệu-tổ ta bay,
Ai-lao ta nhớ từ ngày phù Lê.
Rể thì chuyên mặt Bắc-kỳ,
Con thì căn-bản đi về nam-phương.

54

Trịnh-Kiểm

Mạc đến ta chớ tranh-cường,
Mạc về ta lại chương- - hoàng lục-[quân (5).
Bỏ đi cướp lại trăm lần,
Khen ông Trịnh-súy phong - trần một tay.

55

Lê Thế-tôn

Mạc lui Lê tới phen này,
Sấm tan huyện Phượng, mây bay [thành Rồng.
Trước cờ vận Mạc khi cùng,
Sau ngai nỗi Trịnh gian-hùng lắm [thay !

56

Lê Hiển tôn

Cường-thần lánh vạ từ đây,
Râu rồng mắt phượng phúc dầy nhờ Lê.

---

(1) Bưởu, chữ là chuế-vưu, nghĩa là miếng thịt thừa, ví như đời Hồ tiếm-Ngụy.

(2) Lệ-chi là cây vải, Thái-tôn ngự chơi vườn Lệ-chi nhà ông Lê Trãi, Tị Lộ hầu rượu mà Thái-tôn chết, nên ông Trãi phải mắc nghi-án.

(3) Ông Đặng Vũ giúp vua Quang-Vũ đời Đông-Hán, được phong tước Cao-mật hầu; ông Thang Hòa giúp vua Thái-tổ đời nhà Minh, được vua cho nhà ở Kim-lăng, hai ông đều là khai-quốc công-thần, mà không hạm mê đắng-thiếp, nên đều được hoàn-danh hoàn-phúc.

(4) Hán-Vũ-đế, Đường-Văn-hoàng, hai vua anh-hùng ở trong Bắc-sử.

(5) Binh-chế nhà Chu, thiên-tử lục-quân, chư-hầu tam-quân.

Hiền-tôn trưởng-giả ai bì,
Năm mươi năm vẫn trọn nghĩ vua tôi.

57

Vũ Trần-Thiệu

Vũ-công ra sứ cõi ngoài,
Biểu - thư Trịnh cũng gửi lời cầu-[phong.
Động-đình trời nước mênh-mông,
Ai hay một ngọn đuốc hồng chăng ai !

58

Nguyễn Hữu-Chỉnh

Giầy mồ ai khéo rước voi ?
Vực sâu nó lại tìm nơi ấp rồng.
Một người trước tội sau công,
Đã gian như Mãng lại hùng hơn Đôn.

59-60

Nguyễn Huệ

Ghê con hùm xám Tây-sơn,
Bắt hươu đồng rộng mười phen được [mười.
Cõi Nam (1) đuôi lại cúp đuôi,
Sợ người ngoài Bắc lắm người sừng [xương (2).
Một đêm Nam Bắc (3) tranh-cương,
Giọt đào khoang Nhị, đống xương lũy [Đồng.

Giang-san nhớ kẻ anh-hùng,
So tay lưỡng-quốc cởi lòng thiên-thu.

61

Ngọc-hân công-chúa

Nưng-niu hạt ngọc tay vua,
Chiều anh dầu hổ cán cô mất rồng.
Vẻ chi một mủn đào-hồng,
Dở hay là số non sông nghìn vàng.

62

Lê Chiêu-thống-đế

Vua Chiêu-thống lại thêm càng,
Ôm con rùa nát lên giường cửu-long.
Lấy ai non nước giữ cùng,
Bỏ vây bỏ cánh chỉ mong nhờ người.

63-64

Bản-triều trung-hưng

Một quân, một đảo, một trời,
Ba quân say mệt trong ngoài hai kinh.
So bề công-đức bình-thành,
Lý Lê gấp chín, Trần Đinh gấp mười.
Cõi Nam thiên-hạ nhà ai ?
Hoành-sơn một dải muôn đời đế-vương.
Nước non từ thủa Hồng-bàng,
Mi, Thao, Vân, Tản, ngẫm càng thêm [yêu.

NGUYỄN ĐÔN-PHỤC *kính dịch*

Cách ngôn

Phàm đọc sách phải hư-tâm định-khí, tiếng đọc khoan-thai, thời mới có thể xét kỹ được ý sách. Nếu tâm-tạp khí-thô, đọc vội đọc vàng, thời là lối học trẻ con nhà quê, đua nhau đọc gào lên cho to tiếng ; còn biết ý nghĩa sách ở đâu nữa.

(*Tiết Huyên Đọc-thư-lục*)

---

(1) Là trỏ trong Nam-kỳ.
(2) Là trỏ người Bắc-hà (Bắc-kỳ) ; sừng xương là vì người hào kiệt cứng cỏi.
(3) Nam là trỏ người nước Nam, Bắc là trỏ người Bắc Thanh bên Tàu.

VĂN-UYỂN

Đêm mùa hè, vào xem chớp ảnh, ra hóng mát hồ Hoàn-kiếm

Tên xưa cũ-rích hồ Hoàn-kiếm,
Cảnh mới sáng trưng đền Ngọc-sơn.
Nhăn-nhó làm thơ không có chữ,
Thung-dung ngồi mái hẳng vi sen.
Một vùng cây nước chiều thơm sạch,
Bốn mặt phồn-hoa thú lạ quen.
Những sự vừa rồi trong tấm ảnh,
Trập-trờn giấc mộng nhớ chăng quên?

Vịnh hoa mộc-phù-dung

Có hoa hoa gọi mộc-phù-dung,
Hoa nó xem ra cũng lạ-lùng!
Cũng gọi là sen mà ở cạn,
Chỉ toan mua cúc để làm chồng.
Ngậm mầu chiêu-lộ giọ da trắng,
Ghen bóng tà-dương gắt vẻ hồng.
Nên giá túc-thanh trong bản-thảo,
Biết ta âu một cụ Thần-nông.

Thu-lạo ngâm

(Bài ngâm này và hai bài dưới đều làm theo thể Ly-tao).

Chim đậu cao *hề* rỉa lông,
Cá lội sâu *hề* vẫy-vùng.
Thương giống người *hề* lơ-lửng,
Cảnh nước lụt *hề* sướng không?
Sách năm châu *hề* bụng ráo,
Bèo nghìn dặm *hề* mắt trông.
Dạo con thuyền *hề* ngõ hạnh,
Trăng với nước *hề* mênh-mông.

Tịch-mịch ngâm

Thôn ta ở *hề* nhà mấy nóc,
Ngõ ta vào *hề* quanh những trúc.
Người bảo ta tịch-mịch *hề* ta chớ hiềm,
Ta đi ta mua sách, mua thẳng phỗng đá *hề* ta về ta nghe chim.

Lãn-nọa ngâm

Ao ta câu *hề* không thấy cá,
Ruộng ta cày *hề* thấy những đá.
Người bảo ta lãn-nọa *hề* ta rằng không,
Ta sớm ta trồng cúc trồng vườn lá đắng để chữa thuốc cho thiên-hạ *hề*, ta chiều ta trồng thông.

TÙNG-VÂN

. . .

Đề ấp Lạc-nông (*gần Sóc-sơn*)

Một rặng rừng xanh nổi Sóc-sơn,
Trông ra cỏ nội với trăng ngàn.
Tre non lác-đác nhà mươi nóc,
Đồng ấy lơ-thơ lúa một làn.
Bán rẻ thị-thành ba bảy giá,
Giấu quanh kinh-sử một vài gian.
Lạc-nông tùng trúc thâu ngày tháng,
Nhẫn khách mua mang tớ bán nhàn.

Giáo-thụ hưu-trí NGUYỄN HỮU-QUI

. . .

Núi Dục-thúy

Một hòn trơ đứng vũng Vân-sàng,
Hỏi núi chờ ai mấy nắng sương?
Uốn réo ven thành ba mặt sóng,
Phá toang cửa động một chùa hang.
Bóng trăng thấp-thoáng hồn Diên Hạc,
Nét đá lờ-mờ dấu Phạm Trương (1).
Những muốn bề dâu bàn chuyện cũ,
Gió thu hiu-hắt khóm hoa vàng.

NGUYỄN ĐÌNH-GIÁC

Chơi động Long-tiên hoài cổ (2)

Bước tới đền Chầm nhận dấu xưa,
Long-tiên năm trước cảnh bây giờ.

---

(1) Phạm Sư-Mạnh, Trương Hán-Siêu trước có về ẩn ở núi ấy.

(2) Động Long-tiên ở cạnh chùa Chầm, chùa ở trên núi Tử-chầm thuộc huyện Chương-mỹ, tỉnh Hà-đông chùa ấy nhờ ơn quan Thiếu Hoàng đại-nhân mới sửa-sang lại.

Khói hương thơm ngát giăm tòa phật,
Mưa gió rêu tàn một vách thơ.
Giọt đá thùy-châu dòng chửa cạn,
Mảnh bia di-tích nét hơi mờ.
Sinh thay động cũ chùa chiền mới,
Tô-điểm vì ai đã biết chưa ?

Vịnh cảnh chùa Kính-chủ (1)

Chỏm đá chon-von đứng giữa dòng,
Hỏi chùa Kính-chủ phải đây không ?
Cây lùa cửa động hoa chào khách,
Sóng vỗ đầu ghềnh núi dựa sông.
Đền Lý trăm năm chưa khói lạnh,
Bia Trần một bức đã rêu phong.
Tang-thương xoay mãi vòng nhân-thế,
Sinh-sự làm chi hỡi hóa-công ?

Nghĩa-viên NGUYỄN VĂN-ĐÀO

.·.

Đêm khuya nghĩ một mình

I

Một mình nghĩ-ngợi lúc canh thâu,
Chín khúc như vò sợi chỉ-sầu.
Gánh nợ công-danh mang đề dạ,
Mảnh gương trung-hiếu đội trên đầu.
Nghe quyên như giục lòng thương-nhớ,
Trông thỏ càng khêu cảnh dãi dầu.
Con tạo trêu ngươi chi lắm tá?
Cho ta ngơ-ngẩn bởi vì đâu ?

II

Vằng-vặc trăng soi bóng xế mành,
Một mình mình nghĩ lúc đêm thanh.
Báo đền sinh-dưỡng công cha-mẹ,
Luống để dùi-mài nợ sử-kinh.
Một tấm lòng-son còn nhạt-nhẽo,
Trăm năm nghĩa-cả chửa phân-minh.
Sự lòng khôn biết cùng ai ngỏ,
Một mảnh trăng thâu với một mình.

Hà-đông Ỷ-la
Lang-vân DƯƠNG TẤT-ĐẠT

.·.

Tự-tình cùng bạn cao-đẳng xuất thân nhậm chức tại Cao-miên

Vằng vặc trăng non giọi khóc thầm,
Giật mình tỉnh dậy thấy còn đêm.
Tiếng gà xao-xác nghe còn vắng,
Trống điểm thùng-thình mới điểm thêm.
Tinh-tú trên trời coi vẫn thức,
Cỏ cây bốn phía tựa hồ im.
Kia người lữ-thứ giờ sao chỉ ?
Hiết ngủ hay là cũng đứng xem ?

Ca lục-bát

Chạy vào tới chốn thư-hiên,
Thắp đèn ngồi nhớ bao-miên bạn hiền.
Nhớ khi chung-chạ sách đèn,
Hai thu kia hẳn ghi bền tình thân.
Bây giờ cảnh đổi muôn phần,
Bốn phương đâu cũng là gần cho ai.
Lắm khi vuốt ngực thở dài :
Phù-sinh bày đặt thế này mãi sao !
Thang đời ai đặt thấp cao?
Thấp thì mờ-mịt mà cao hãi-hùng.
Thấp cao ử cũng đành lòng,
Phải rằng con tạo trêu tròng thì thôi.
Thấp cao lại bởi tại đời,
Mà đời cao thấp bởi người thấp cao.
Thấp cao biết tại đâu nào ?
Ngọn tre, mình sậy, làm sao kiến bò,
Vào ra giữa giọt gió lùa,
Vợ chồng con dện thêu thùa sợi tơ.
Thiên-nhiên vật nhỏ nào ngờ,
Mà trong kiến, dện, cũng giờ sỏn-ghê!
Trò đời lắm cảnh éo-le,
Cũng đem tâm-huyết mà mê việc đời.
Trông gương rồi ngẫm đến người,
Người sinh tám, chín, mười mươi là kỳ.
Đường đời có thế mà chi,
Tranh nhau kẻ lại, người đi, vẫy-vùng.
Bước cao chỉn có hãi-hùng,
Muôn vàn bước thấp khốn cùng làm [sao ?
Đĩa đèn lửa bốc dầu hao,
Canh tàn gửi bạn tâm-giao mấy hàng.
Bình yên mạnh khỏe hơn thường.

TRẦN VĂN-THI

agent technique du Cadastre Hanoi
Lai cảo

(1) Chùa ở trong động núi Kính-chủ, trong có đền thờ vua nhà Lý, có bia nhà Trần, núi ở trên sông, thuộc phủ Kính-môn, tỉnh Hải-dương.

QUI - KHỨ - LAI TỪ

(Sửa lại bài văn dịch của ông Tùng-Vân)

Bài *Qui-khứ-lai* xưa nay cũng nhiều người dịch, song không thấy thể dịch nào bằng thể đăng ở số báo 53 mới rồi của ông Tùng-vân, lời tao-nhã lắm. Tuy vậy, cũng còn nhiều câu chửa đúng nghĩa, chửa được thật là toàn-bích. Vậy tôi tiếc mà lạm-bút sửa lại ít nhiều, nhưng chửa chắc đã hẳn được hay chưa. xin gửi đăng như sau này để các ngài phủ chính.

Tri-huyện hưu-trí Mai-đình PHẠM XUÂN-KHÔI

Đi về sao chẳng (1) đi về,
Bỏ quên cái thú nhà quê sao đành.
Cái tâm làm tớ cái hình,
Cớ sao (2) mình xót-xa mình lắm thay!
Trước sau mình ngẫm (3)mình hay,
Xưa kia mình dại từ rầy mình khôn.
Thuyền đi (4) lớp lớp sóng dồn,
Áo bay phơi-phới phất cơn gió về.
Trời đông mong rạng bến mê,
Hỏi ai thấp-thoáng đường kia lối nào?
Hành-môn thẳng nẻo đi vào,
Tớ reo thầy khỏe, cháu reo ông về.
Ngõ ba bề cỏ rậm rì,
Cúc kia vẫn cúc, thông kia vẫn thông.
Năm ba hồ rượu khu-phong (5),
Mắt trông cành bích, tay bồng trẻ thơ.
Công lưng mỏi gối khi xưa,
Nam-song ngất-ngưởng bây giờ là đây!
Vườn hoa ta đạo tháng ngày,
Then hoa ta khép cánh mây gọi là.
Người già nhưng thú chửa già,
Mắt xa còn tỏ, chân xa chửa trồn.
Mây tuôn tựa núi tron-von,
Chim bay mỏi cánh dã khôn tìm về(6).
Mặt trời sắp gác non tê,
Gốc tùng quanh quẩn còn mê chửa [dời (7).
Ta về ta rứt bạn chơi,
Chán đời mà lại chiều đời ích ru (8).
Sách đàn vui để tiêu lo (9),
Họ hàng quanh-quẩn chuyện trò đâu [xa.
Thợ cày nó bảo cùng ta (10),
Xuân về rồi đó sắp ra xem cày (11).
Gò cao suối biếc xinh thay,
Xe nay ta đạo, thuyền nay ta chèo.
Trông cây trông suối mọi chiều,
Cây sao xanh ngắt suối sao sạch lử.
Gặp thời mọi vật mọi ưa (12),
Nghĩ cơn thân-thế mà ngơ-ngẩn lòng.
Mảnh hình không có có không,
Khứ lưu mình để bận lòng nữa chi?
Đi đâu sắm nắm mà đi,
Giàu sang chẳng muốn tiên thì khó mong [(13).
Ta chăm về nghệ canh-nông,
Cỏ vơ cho kỹ là công-việc mình,
Có khi gò đống dạo quanh (14),
Khi dòng nước biếc gửi tình tình thơ.
Trăm năm phó mặc hóa-cơ,
Đã vui chữ mệnh còn ngờ nỗi chi (15).

---

(1) Nguyên bài dịch trước hai chữ này dịch là «Chẳng nhỉ» hình như nói lắp, mà mất nghĩa chữ «*hồ bất*».

(2) Trước dịch là «Nghĩ mình chỉ xót-xa mình lắm thay» thời mất nghĩa chữ «*hề*».

(3) Trước làm chữ «*nhủ*» thời sai ý, mà mất nghĩa chữ «*ngộ*» chữ «*tri*».

(4) Trước làm: «Thuyền bồng một lá con con, rũ đôi tay áo...» nghĩa không đúng.

(5) Khu-phong trước làm «Còn không» thời chữ «*còn*» thừa, mà thiếu nghĩa ba chữ «*dẫn tự chước*».

(6) Mây chim là tả cảnh trông thấy ở trong vườn, không phải có ý tự-tỉ, trước dịch ra bốn câu thời nát, mà dùng hai chữ «*mày hỡi*» thời là lời hỏi, không khác gì vẽ rắn thêm chân.

(7) Câu này trước dịch là: «*Bóng chiều ngảnh lại mà xem, ngàn cây thông đứng xanh um giữa trời*» thời sai nghĩa.

(8) Câu này trước dịch là: «*Ta về ta khỏi chiều đời, ta khôn ta khéo với ai bây giờ*» thời mất nghĩa câu «*tức giao tuyệt du*» mà thiếu nghĩa hai chữ «*yên cầu*».

(9) Câu này trước dịch là: «*Cung đàn quyển sách sớm trưa*» thời thiếu nghĩa.

(10.11) Câu này trước dùng hai chữ «*vỗ ốc*» thời không nhã. Câu dưới dùng chữ «*cụ*» thời vị tất đã gọi như thế, mà mất nghĩa chữ «*Tương*».

(12) Câu này trước dịch là: «*Xem mầu sơn thủy....*» thời sai nghĩa.

(13) Câu này trước dịch là: «*Sống mà ăn mãi hẳn kỳ được không*» thời không ra nghĩa gì.

(14) Câu này trước dịch là: «*Trèo non xem ngọn lúa xanh*» thời sai nghĩa.

(15) Câu này trước dịch là: «*Hỏi thân thân chỉ hững-hờ, thân cầm chữ mệnh thân ngờ gì thân*» thời ý sai.

DƯ-LUẬN

Mục này để riêng các bạn đọc báo lai - cảo, cứ y nguyên - văn lục-đăng cho rộng đường dư-luận, bản-báo không dữ trách-nhiệm.

ĐÚC TƯỢNG ĐỒNG ĐỂ KỶ-NIỆM HAI BÀ TRƯNG NỮ-VƯƠNG

Tôi đọc Thực-nghiệp dân-báo ngày 25 Février 1922 có thấy ông Mai Đăng-Đệ vì nhớ công ơn của Nữ-vương mà làm một bài xã-thuyết để cổ-vũ đồng-bào ta nhớ lấy ngày hội của hai bà mà tùy theo cách của hai phái (bên lương và bên giáo) để làm lễ kỷ-niệm. Cái ý-kiến ấy thật là hay, vậy cho nên tôi xin nối lời ông Đệ mà bàn xem quốc-dân ta có nên đúc tượng đồng để kỷ-công hai bà không và lấy tiền ở đâu mà làm và làm tại nơi nào ?

Cái việc ấy tưởng cũng quan - trọng lắm, xin nhường những bậc đại-danh bàn luận. Nhưng thiết tưởng những ý-kiến của nhà đại-tư-tưởng cũng chửa chắc đã là sát-đáng bằng công-luận. Vậy nên mỗi người bàn một cách, sau đem ra so - sánh lựa lọc xem cái ý-kiến nào mà nhiều người công-nhận thì mới là đích-đáng.

Cứ như thiển-ý của tôi thì hội Khai-Trí Tiến-Đức làm đại-biểu cho tất cả các người Việt-Nam ta thì hội sẽ phải nghĩ cách đúc tượng để kỷ-công hai bà Nữ-vương thì mới phải. Bởi vì hội Khai-trí Tiến-Đức là chung đúc hết cả các bậc hạng người của toàn-quốc, việc ấy hội không nhận lấy mà làm thì còn để ai làm, hay là để Triều-đình làm chăng ? Nhưng mà Triều-đình chắc cũng đã làm nhiều rồi nhưng có lẽ chưa đúc tượng đồng. Nếu đã đúc rồi thì là riêng của Triều-đình, quốc-dân ta làm được càng hay, người ngoại-quốc trông thấy ta làm điều nghĩa tốt cũng phục cái việc ta làm mà không chê rằng : Sao nước Nam-Việt ít có đúc tượng đồng để kỷ-công những bậc anh-hùng vĩ-đại, hay là nước này không có những bậc đại-danh như những các đấng ở Âu-châu ?

Tôi nghĩ như vậy thì trong trí tôi hình như là trông thấy ở trước cửa hội Khai-Trí Tiến-Đức có hai pho tượng đồng đen rất nguy-nga, vịn vai nhau, hai tay cầm hai lá cờ, một lá cờ con rồng và một lá cờ đuôi nheo.

Lá cờ đuôi nheo là cờ của quốc-hiệu ta, lá cờ con rồng là lá cờ Tầu lấy được của Tô-Định.

Nghĩ như vậy thì trong lòng phấn-chấn chỉ ước-ao rằng sau này thế nào cũng có, chỉ chóng với muộn mà thôi.

Quyên tiền đúc tượng,
Cần phải diễn-thuyết.
Thi kiểu vẽ đẹp,
Thợ khéo trổ tài.

Nghề diễn - thuyết của ta đã tiến-bộ nhiều lắm, thì cái hiệu-nghiệm sẽ có kết-quả hay. Ông Phạm Quỳnh chủ bút sẽ thi-thố nghề mình tưởng chẳng bao lâu những ông đại-phú-hộ được nghe những lời rất êm-ái, rất hùng-dũng, rất cảm-kích mà hởi lòng hả dạ, đem tấm lòng thành-kính dâng hằng nghìn, hằng vạn biết đâu. Song cuộc diễn-thuyết hội Khai-Trí Tiến-Đức sẽ in bài diễn-văn ấy thành 1 quyển sách con, một bên chữ quốc-ngữ một bên chữ nho gửi biếu các quan phủ, huyện các quan tỉnh, các phú-hộ, các đại-thương

tất cả Trung Nam Bắc - kỳ để quyên tiền. Tôi tưởng cái số quyên đó được đến bốn con zéro là ít.

Lúc đã có tiền thì mở cuộc thi vẽ kiểu, treo mười giải thưởng:

1er	prix	300 $	00
2e	»	150	00
3e	»	100	00
4e	»	50	00
5e	»	40	00
6e	»	30	00
7e	»	20	00
8e	»	10	00
9e	»	6	00
10e	»	4	00

Hội lại biếu mỗi giải 1 năm báo nữa.

Trong số tiền quyên nếu còn thừa nhiều tiền thì Hội sẽ cấp cho làng Đồng-nhân để làm đền lại, hoặc tu-bổ cho thêm trọng-thể, như vậy tưởng là một việc nên bàn, ông nào đồng-ý với tôi thì xin tán-thành vào, tôi rất lấy làm hân-hạnh và đa-tạ tấm lòng quí-hóa của các ngài.

DƯƠNG ĐỨC-LONG

Chargé des Postes et Télégraphes

Nacham (Tonkin).

BÀI NGÂM KHUYÊN NHÀ GIÀU MUA QUỐC-TRÁI BẰNG BẠC-BỒNG Ở ĐÔNG-PHÁP

1. — Trăm năm trong cõi người ta,
Nào ai có nghĩ cuả là phù-vân.
Giàu sang vinh hiển phong trần,
Cũng rồi nhắm mắt một lần là thôi.
Hơn thua danh tiếng giữa đời,
Dại khôn muôn thủa miệng người còn [bia.

Than ôi có kẻ giàu kia!
Ghe vàng hũ bạc mệt chia gia-tài.
Phần thì chầu chực quan-sai,
Phần thì lo lót cửa ngoài nhà trong.
Người thì bạc giấy bó chồng,
Nắng phơi mưa cất ẩm bồng hơn con.
Phải chăng nửa chữ không mòn,
Rủi mà mối gặm có còn gì đâu?
Có người vườn ruộng nhà lầu,
Ích-xì sóc-dĩa có-đầu bạn ca.
Hoặc là mệt nhọc phong ba,
Hoặc là hoài cuả quan la vợ hành.
Rằng tôi nào phải có-danh,
Giữa đường thấy sự bất-bình mà cang.

2. — Nay mừng chinh-chiến vừa an,
Triều-đình sửa-soạn đắp đường hoả-xa.
Tiếp từ Nghệ đến Đông-hà,
Sao cho Thuận-hóa thông ra Long- [thành.
Đông-kinh thông với Xuân-kinh,
Quá giang thương-mại hành-trình [thẳng do.
Nào là bán nhỏ buôn to,
Nào là du-lịch giang-hồ khách chơi.
Nào là văn võ quan-giai,
Chở chuyền đi đứng ra ngoài vào trong.
Đều là mau mắn tiện thông,
Phi-duy khỏe-khoắn, lại không tốn nhiều.
Xem ra ích lợi trăm điều,
Nầy nầy xin nhớ biểm nghèo ngày xưa.

3. — Hễ ai có việc bước ra,
Cùng đường, cùng sá, tin bà tin con
Chúc nhau chưa cứng đá mòn,
Lên gành, xuống thác nỉ-non giắt-giu.
Qua truông rồi lại gặp đèo,
Gian tà cướp bóc, hùm beo, y-hà.
Nắng, mưa ngày lụn tháng qua,
Phu trường, cáng lá, năm ba siêng đài.
Người đi may được tới nơi,
Người nhà tin-tức tháng trời chưa nghe.
Gian-nan, bất-tiện, ê-hề,
Nhớ thôi tâm-não nặng nề xiết bao.

4o — Quốc-dân trình-độ thấp cao,
Tùy theo đường sá, lâu mau, xa gần.

Mới đời Thành-Thái Duy-Tân,
Nhờ ơn Bảo-hộ đắp lần hỏa xa
Vay tiền Đại-Pháp đem qua,
Non ba trăm triệu, mở ra mấy đường.
Nghệ-an ra giáp Vân-nam,
Đông-hà, Đà-nẵng đi ngang Kinh-thành.

5o — Nhân vì gây việc chiến-tranh,
Làm cho ngăn-trở công-trình đến nay.
Pha-Lê gươm mới dời tay,
Bây giờ khó nỗi trở xây được liền.
Bằng không định liệu cho yên,
Chậm đường tấn-hóa, e phiền lòng dân.
Nên quan tính hết xa gần,
Khuyên cầu nghĩa-vụ một lần là xong.

6o — Ai ôi! con cháu tiên rồng,
Công-ích công-ích một lòng hè ta.
Vàng thoi bạc nén quăng ra,
Mua nhiều quốc-trái hỏa-xa kỳ này.
Bạc đồng tính toán dễ thay,
Một lời một vốn, còn may vạn ngàn.
Rõ nghe có chiếu Nhà-vàng,
Năm trăm dĩ-thượng sẽ ban thưởng gì.
Cuả Đông-Pháp, dụng Trung-kỳ,
Có lời có thưởng hẹp gì không quyên.
Đôi năm đường ấy giáp liền,
Còn ơn còn nghĩa lưu-truyền về sau.

7o — Thương nhau xin nhớ lời nhau
Văn-minh muốn bước cho mau thì làm'

Tú-tài Hàn-lâm-viện thị-giảng
Công-sứ-toà phán-sự
HOÀNG-PHÙNG
Lai-cảo

TIỂU - THUYẾT TÂY

TRUYỆN CON YÊU ĐƯỢC VỢ

Tam-quan, le 10 Décembre 1921.

Monsieur PHẠM-QUỲNH
Directeur de la Revue Nam-Phong
Hanoi

Thưa Ngài,

Tôi xin trọng kính lời thăm ngài được bình yên.

Sau, nhơn lúc rảnh việc, tôi có tập dịch đôi bài, xin gởi ra đây bài đầu, chắc là lời lẽ còn quê-kịch, song xin ngài có lòng tốt sửa cho và nếu có dùng được, xin ngài cho đăng vào Tạp-chí Nam-Phong.

Tôi đọc Nam-Phong đã lâu mà chưa có chút công gì với qui-báo, là một nhà báo có cái công-phu đặc-biệt về sự tổ-chức nền quốc-văn, thì tôi nghĩ lấy làm thẹn thầm.

Tuy biết rằng thế là tại tôi, mọn trí sơ sài, ít nghe, hẹp thấy, chớ chẳng phải vì lười biếng, song nghĩ lại thì dầu dở dầu hay mà đã mang vào mình hai chữ « Tân-học » mà lại chẳng có chút đỉnh công gì với xã-hội và quốc-văn thì cũng phiền lòng. Bởi thế nên tôi muốn nhơn khi rảnh việc tập dịch cho quen, và nếu bài nào dễ nghe, thì gởi ra nhờ ngài duyệt cho để đăng vào tạp-chí.

Theo ý mọn của tôi, tưởng thế cũng là một phần việc trong những việc mà người tân-học có thể làm được.

Song vì con đường sinh-nhai bó buộc, nên phải đổi đến chỗ xa-xôi, quãng vắng, mặt bể, chưn trời, nhà thư-viện không có, bạn đèn sách cũng không, đêm đông thanh vắng, chỉ nghe ngoài sông mưa sa lác-đác, gió thổi hiu-hiu, thỉnh-thoảng lại nghe tiếng sóng bồ rầm-rầm ngoài bể, làm cho người khách-địa (1) đối với cái cảnh đêm đông nầy phải sinh ra một cái mối cảm-tình vô-hạn, mà bâng khuâng nhớ. . . . . , nếu chẳng có tờ Trung-Bắc làm bạn, tập Nam-Phong làm thầy, thì biết cùng ai trò chuyện! Thế mới biết, một tờ báo, một quyển tạp-chí có giá-trị đối với những kẻ tử-phần xa khơi, bạn bè cách trở, thật là có một cái cảnh-huống thâm-trầm, mạnh-mẽ biết bao nhiêu, còn kẻ độc- giả đối với quyển tạp-chí, tờ báo lại càng đắm-thắm thiết-tha, trong ban đêm, một bóng một đèn, giở tờ báo bay quyển tạp-chí ra xem, có khác gì đương khi nhớ cảnh nhớ nhà, mà lại trực-tiếp được thày được bạn, đương vì mình mà đàm-luận thiết-tha, nào việc nước việc nhà, nào tư-tưởng sâu xa, lời văn cao-thượng, nào chỉ vẽ cho biết bảo-tồn quốc-túy, nào truyền-bá cho các khoa-học của Thái-tây, học-thuật tư-tưởng của Đại-pháp, khi thì ôn-tồn vui vẻ mà bày dạy, mà an ủi, khi thì nghiêm-trang nét mặt, tức giận vì cái lòng nhiệt-thành với nước nhà xã-hội mà quở, mà trách, mà chỉ-trính những cái khuyết-điểm của mình.

Thế thì quyển tạp-chí, tờ báo là một cái tiếng mà mình nghe, một cái tiếng mà nói với mình, ấy là những cái tư-tưởng những người vì nước-nhà, vì xã-hội, tuy xa nghìn dặm, chưn trời mặt bể, chớ cũng như ngồi trước mặt mình mà trò chuyện, dạy bảo một cách đường-đường chính-chính vậy.

Nghĩ vậy nên cái lòng kính trọng, cái mối cảm-tình đối với báo-giới, đối với Ngài và đối với tất cả những ông đã có công với báo-giới mà nhứt là quyển tạp-chí Nam-Phong, lại càng ngày càng thấm-thía vào trong trí hơn.

Thiết-nghĩ đã có cái cảm-tình như vậy, mà chỉ nằm mà nghe ngọn gió thổi tiếng chuông khua, chứ chẳng có cái công gì chút-đỉnh cả, nên thẹn thầm với hai chữ Tân-học mà mình đã được cái danh-dự mang lấy.

Biết thế mà mình tài mọn trí sơ, thì làm thế nào? — Tục-ngữ có câu: « Mạnh dùng sức, yếu dùng chước », làm một cái nhà, những tay thợ giỏi, thì chạm trổ, xây thành, đắp móng, kẻ có tài thì vẽ kiểu, họa đồ, còn mình vô-tài thì lãnh lấy một phần việc nho-nhỏ như là chép kiểu ghi công, làm sổ . . ., thế mà đến khi cái nhà làm hoàn-thành rồi thì mình cũng yên trong trí rằng mình cũng có chút đỉnh công-phu vậy.

Bởi thế nên tôi định trong khi rảnh công việc quan, muốn lợi-dụng lấy cái thì-giờ mà tập địch, song ở chỗ quê-mùa như đây thì biết nhờ ai bày vẽ, nên tôi nghĩ tới nghĩ lui, mới viết cái thơ này trước tỏ cái ý mọn của tôi, sau nhờ ngài có lòng tốt mà chỉ vẽ cho nên dùng thứ sách nào cho hợp với ý-kiến quí-quán có thể dụng được mà đăng vào tạp-chí, và nhất là cái văn-chương quyển sách không quá cái sức học của tôi, thì tôi lấy làm đội ơn vô-cùng.

Bài tôi gởi ra đây, tôi vịnh trong quyển Recueil của Henri Bornecque Tiên-sinh. (page 56 Contes et Récits).

Nay thơ
Minh-chương LÊ-TƯỜNG
Douanes Tam-quan

(1) Thương-chánh Tam-quan làm trên cái bãi biển.

. . .

Một bác lính già, nhờ có đảm-lực và nhẫn-nại nên mới lên được chức đội-trưởng, đi qua thành Ma-đơ-Ri (madrid) mà mộ lính. Đến đấy, ông ta đi vào trong một cái quán rượu mà hỏi nhà ở trọ thì người trong quán trả lời rằng đây vẫn có phòng cho thuê, song không thể ở được, vì đêm nào cũng có yêu-ma nó hay ngược-đãi những kẻ lạ mặt mà dám cả gan đến ngủ. Nghe thế, ông đội cũng chẳng có chút gì ngã lòng, đáp rằng : « Tùy-ý, cho tôi ở phòng nào cũng được, miễn là đem đây cho tôi một ngọn đèn, rượu, thuốc-lá, ống-điếu, rồi cứ để mặc tôi, các ông đừng lo. Yêu-ma gì thì yêu-ma, chớ lại không biết trọng những kẻ vì nước, vì nhà mà đã bạc đầu ở nơi chiến-trường ru ? » Thấy ông nhất-định thế, nên người ta chỉ phòng cho ông ở, rồi đem đủ cho ông tất cả mọi vật cần-dùng. Vào đấy, ông cứ ngồi khì ra, uống rượu, hút thuốc lá. Đã quá nửa đêm chỉ nghe lặng-lẽ như tờ, chẳng có tăm-hơi ma-quỉ gì cả, hình như là ma-quỉ cũng có ý kính-trọng ông tân-khách vậy.

Độ chừng đến một hai giờ sáng, thình-lình ông ta nghe tiếng vang rầm lên như tiếng sét kêu, ghê-gớm lắm, rồi thấy một con yêu dị - hình, dị-tướng, mặc đồ đạ đen, lại mang xiềng sắt, lựng-lựng bước vào. Thế mà ông cũng chẳng lấy làm lạ-lùng gì, tay rút thanh gươm, chân bước tới trước mặt con yêu, rồi trở sống gươm đánh cho một cái trên đầu rất đau. Con yêu ta chưa từng gặp phải những khách có dõng-khí như thế, nên vang lên một tiếng, rồi liếc mắt thấy ông đội đương sắp đánh cho một cái nữa, liền quì xuống trước mặt ông một cách rất khiêm-tốn mà thưa rằng :

— Trăm lạy ngài đừng đánh tôi nữa! Xin ngài vì lòng nhân-từ, thương lấy kẻ khốn-nạn này, đương quì dưới chưn ngài mà xin ngài ban ơn cho ; tôi xin nhân danh đức thánh Rất-cơ (Jacques) là đấng cùng thiện nghề gươm như ngài vậy mà nài-xin ngài.

Ông đội đáp lại rằng :

— Nếu mày muốn sống, thì phải khai cho tao biết tên gì, mày là ai, không được giả-dối, bằng không, thì tao chặt mày ra làm hai khúc, chẳng khác gì những ông mãnh-tướng đời xưa gặp mấy anh cự-nhơn mà đánh chết vậy.

Nghe thế, biết rằng chuyện không rồi, nên nó phải thú thực cả đầu đuôi :

Thưa ngài, tôi vốn là người cai trong hàng rượu này, tên là Ghi-Giô-Ma tôi phải lòng nàng Vũ-Nữ-La là con một của ông chủ hàng, mà nàng Nữ-La cũng có lòng thương tôi, song hiềm vì cha mẹ nàng lại định gả nàng cho một chàng sang trọng hơn tôi, thế nên duyên - nợ chúng tôi trắc-trở. Muốn buộc ông bà phải gả nàng cho tôi, thì chúng tôi âm-mưu với nhau, đêm nào cũng giả yêu-ma như tôi làm đêm nay : mình thì mang mộc cái áo tơi đen, cổ thì đeo một cái xiềng sắt, chạy quanh trong nhà, từ dưới kho rượu cho đến trên lầm, rồi làm rầm lên như ông vừa nghe khi nãy. Đến cửa phòng vợ chồng ông chủ thì tôi đứng lại mà la rằng ; «Nếu nhà bay không gả con Nữ-La cho chàng Ghi-Giô là người cai trong tiệm, thì tao cứ khuấy đời hoài, đố bay yên ổn mà làm ăn được với tao ! » Nói thế xong, nhưng tôi nói cái tiếng to lắm mà lại khao-khao, vang rầm lên, rồi vọt lên cửa sổ vào phòng nàng Nữ-La mà trò-chuyện cùng nàng. Trăm lạy ngài, xin ngài xét cho rằng nói đây là tôi nói sự thực cả, biết rằng việc này mà lậu cơ-mưu, thì chết tôi mất, song phỏng-thử mà ngài lại ra tay tế-độ mà giúp-đỡ cho thì tôi xin thề rằng ơn-nghĩa ấy, tôi. . . . . .

— Thế thì giúp mày sự-gì ?

—Lạy ngài, có gì đâu, đến mai xin ngài chỉ thuật lại rằng ngài có thấy con yêu và ngài lấy làm sợ-hãi lắm là đủ.

— Cha-chả ! Quỉ-quái nhỉ ! Mày bảo rằng ông Đội-trưởng A-ni-bán An-tô-ni-ô Cơ-bơ-rân-ta-do phải nói sợ-hãi ? Ước rằng một ngàn con yêu đến đây cũng vị-tất . . . . . .

— Lạy ngài, không phải tôi chủ-ý thế, song tùy ngài, ngài muốn nói cách gì cũng được cả, miễn là giúp-đỡ cho cái mưu tôi thành được thì thôi. Đến lúc mà tôi được đẹp duyên cầm-sắt với nàng Nữ-La và thành gia-thất rồi thì còn nói gì nữa, tôi xin hứa rằng ngày nào tôi cũng thết-đãi ngài cùng tất cả bằng-hữu ngài.

— Mày thật là đa-tình, mày lại sử tao giúp mày làm sự gian-trá như thế nữa ! Việc thì không đáng gì mà mày làm một cách thành ra phải quan-hệ đến tao. Thôi đi đi, cứ làm rầm đi, rồi đến mà tình-tự với nàng Nữ-La, còn sau để tao giúp cho.

Thế rồi, đến sáng mai, ông đội-trưởng thuật chuyện lại với vợ chồng chủ tiệm rằng : Khi hôm, có thấy con yêu, có nói chuyện-trò với ông, nó ăn nói phải chẳng lắm. Nó nói rằng : « Tôi là Tồ-phụ nhà quán rượu này. Khi trước tôi có một đứa con gái, tôi đã hứa gả cho ông cố người cai nhà nó, sau vì tôi thất-tín, nên tôi lại gả cho người khác, rồi ít lâu thì tôi tị-trần. Từ đấy đến giờ, tôi cứ mụi lòng luôn, lấy làm khó chịu trong lương-tâm, vì mình thất-kỳ-ngôn với người ta. Thế nếu có một người trong tộc tôi kết duyên với chàng Ghi-Giô thì tôi mới an-ủi được trong lòng. Sở-dĩ thế nên đêm nào tôi cũng hiện về đây mà bảo vợ chồng chủ-quán phải gả con Nữ-La cho chàng Ghi-Giô. Thế mà nói mấy thì nói, chúng nó cũng không vâng lời ; cả vợ với chồng, cứ giả-lơ, giả-điếc mãi. Song nhờ ông đội-trưởng, xin ngài nói lại cho chúng nó biết, nếu còn nghịch-mệnh tôi nữa, thì tôi sẽ báo đời cho cả vợ chồng nó phải khốn-khó một cách nguy-hiểm lắm mới đáng.

Nghe lời ông Đội nói, như sét đánh vào tai, anh chồng rùng cả mình lên, còn chị vợ lại càng nhát gan hơn, tay chân run khiêng-khiềng, hình như đã thấy con yêu đến gần bên cạnh mình ; liền chịu gả con gái cho người cai. Cách ngày sau thì chàng Ghi-Giô làm lễ cưới nàng Nữ-La.

Minh-chương LÊ TƯỜNG
Dịch trong Tiểu-thuyết của LESAGE

THỜI-ĐÀM

Cuộc Công-thải 6 triệu và tình liên-lạc Bắc Nam. — Mới rồi Chính-phủ có cử một phái-bộ những thân-hào Bắc-kỳ để đi xem xét đường xe lửa từ Vinh đến Đông-hà là con đường đương dự-định làm bằng tiền công-thải 6 triệu đồng. Hai ngày trước khi phái-bộ khởi-hành, các phái-viên có lên chào quan Toàn-quyền LONG đại-nhân. Quan Toàn-quyền tiếp-đãi một cách ân-cần, giảng-giải cho nghe về sự quan-hệ của cuộc công-thải và sự lợi-ích của đường xe lửa. Ngài có nói mấy câu như sau này :

« Cuộc công-thải này là chủ để làm nốt khúc đường xe lửa từ Vinh tới Đông-hà, cho tiện sự giao-thông Hà-nội với Huế. Cuộc công-thải này không những quan-hệ về đường kinh-tế, mà thật là quan-hệ về đường chính-trị. Tôi còn nhớ hồi tôi mới ở Pháp sang, vào yết-kiến Hoàng-đế Khải-định ở Kinh, Hoàng-đế có hỏi tôi một câu như thế này : « Dân Nam-kỳ, dân Bắc-kỳ, cũng là người An-nam cả, quả-nhân muốn cho người Nam kẻ Bắc thân-mật nhau, muốn cho người hai xứ năng tới lui đi lại với quả-nhân để

gắn-bó cái tình liên-lạc người một nước, chẳng hay quan lớn xét sự đó có điều gì phương-ngại không? » Tôi đáp lại rằng: « Hoàng thượng có cái ý-kiến đó, Chánh-phủ Bảo-hộ thật là hoan-nghênh lắm, vì cũng là cùng một ý với Chánh-phủ Bảo-hộ. Vì chúng tôi có ý khác, muốn phân-cách cho kẻ Nam người Bắc xa nhau, không muốn cho thường tới-lui họp mặt để thân-mật cảm-tình, thời chúng tôi không có ra công ra sức mở đường xá, đặt xe lửa như thế này. Tạo-vật đã chia cái địa-đồ nước Nam ra làm từng khu cách nhau bằng những núi cao sông rộng, rừng rậm bãi to, chúng tôi cứ việc để y như thế, là tự-khắc người An-nam phải xa-cách nhau, người xứ nào chỉ khư khư trong một xứ ấy, không mấy khi đi lại giao-thông với nhau. Song cái chánh-sách của chúng tôi không phải là phân-lìa để dễ-trị, lại muốn cho xum-họp để mạnh thêm. Bởi thế nên từ xưa đến nay vẫn lấy việc mở-mang đạo-lộ, tiện-lợi giao-thông làm một cái yếu-sách trong phép cai-trị xứ này. » Ấy tôi trả lời với Hoàng-đế Khải-định như thế; tôi tưởng các ông cũng hiểu ý Chánh-phủ như thế, vì tôi chắc rằng nếu nhờ Chánh-phủ mở-mang sự giao-thông mà cái tình liên-lạc kẻ Nam người Bắc được thân-mật hơn thời các ông lại thêm mến phục Chánh-phủ, chớ không có lẽ có bụng nào. Tôi nói thế là vì tôi xét cái dư-luận trong các báo của các ông mà tôi biết v.v.... »

Quan Toàn-quyền nói mấy câu đó thật đã tỏ rõ cái tình-ý của quốc-dân ra. Trong khoảng mấy năm gần đây, nhờ được sự giao-thông đã hơi tiện-lợi hơn trước, đồng-bào ta trong tam-kỳ thường có dịp đi lại với nhau nhiều hơn trước. Tuy đường-xá vẫn còn xa-xôi, non sông vẫn còn cách-trở, nhưng người Bắc-kỳ đã nhiều người vào tới Nam-kỳ, người Nam-kỳ đã nhiều người ra tới Bắc-kỳ, và người Nam người Bắc đi vào Kinh-đô cũng đã nhiều. Lại từ năm 1918, sau khi Hoàng-thượng đi Bắc-tuần, dân Bắc-kỳ đều có ý khuynh-hướng về Triều-đình. Lại nhờ có các báo quốc-văn cổ-động, người Nam-kỳ cũng thấy có lòng ngưỡng trông về Đế-khuyết. Hiện nay có thể nói rằng trong suốt cõi nước Nam, từ giáp giới nước Tàu cho đến men bể Xiêm-la, người Việt-Nam đều có một cái lòng mong-mỏi ham-muốn được gần-gụi thân-mật với nhau.

Chánh-phủ vì hiểu rõ cái bụng người Việt-Nam như thế, nên mở ra cuộc công-thải này, chắc rằng thế nào cũng kết-quả tốt. Khởi ra một việc công-ích mà lại thuận với cái lòng dân-vọng, như thế mà việc không thành thời không có lẽ được. Quốc-dân ta nên tỏ cho Chánh-phủ biết rằng ta thật có bụng công-tâm, bụng công-tâm ấy thật là thành-thực thậm-thiết, chớ không phải phô-diễn hão-huyền. Ta nên tỏ cho Chánh-phủ biết rằng ta thật có bụng mong-mỏi cho người một nước gần-gụi nhau, thân-ái nhau, khiến cho trở-thành một quốc-dân xứng-đáng, lập nên một quốc-gia cường-mạnh. Ta muốn tỏ như thế thời phàm những kế-hoạch gì của Chánh-phủ lợi-dụng mà đạt được tới cái mục-đích của ta, ta nên sốt-sắng mà hoan-nghênh. Cái mục-đích của ta là cần cho người Nam kẻ Bắc chóng được gần-gụi thân-ái nhau. Muốn cho tới cái mục-đích đó thời cách giao-thông phải cho tiện-lợi, nay Chánh-phủ mở cuộc công-thải này là để làm đường xe lửa, làm đường xe lửa là giúp cho sự giao-thông được tiện-lợi, giúp cho giao-thông được tiện-lợi, há chẳng phải là giúp cho Nam-Bắc được tương-thân dư? Như thế thì suốt quốc-dân ta từ Nam chí Bắc, há lại chẳng nên vui-vẻ cổ-võ mà đem hằng-sản hằng-tâm giúp cho cuộc công-thải này được thành công dư?

H.Đ.

* * *

Đường xe lửa « Đông-Pháp-đại-lục. — Phàm những cõi đất liền chạy luôn một dọc dài, qua những rừng, những núi, những bãi những sông, muốn đi thông cho khắp, giao-tiếp cho mau, không thể dùng đường sông đường biển, hay là đường lộ thường được; duy chỉ có một cách giao-thông tiện-lợi, là đường sắt xe lửa vậy. Bởi thế nên những đại-lục như đất nước Mĩ chạy ngang từ Thái-bình-dương sang Đại-Tây-dương, đất Tây-bá-lợi-á (Sibérie) chạy thẳng từ giáp-giới nước Nga cho đến bờ bể Bột-hải (Vịnh Trực-lệ), đều có những con đường xe-lửa rất dài, gọi là những đường « đại-lục thiết-lộ » (*Chemin de fer transcontinental*). Đường « Tây-bá-đại-lục thiết-lộ » (*Le Transsibérien*) nối kinh-đô nước Nga với cửa bể Vladivostock ở trên Thái-bình-dương là đường xe lửa lục-địa to nhất trong thế-giới.

Đất Đông-Pháp ta là một cái bán-đảo to ở về Đông-Nam châu Á, đất liền chạy dài đến mấy nghìn dặm. Tuy có một con sông lớn chảy suốt từ Nam chí Bắc, là sông Cửu-long-giang *Mékong*), song sông chảy qua những miền cùng-tịch, lại những rừng, những núi, những thác, những ghềnh, không phải là con đường giao-thông tiện-lợi. Tự sông đến bờ, cách nhau mấy trăm cây-lô mét, là những miền người ta ở đông đúc, chính là phần bản đồ nước Việt-Nam ta, thời không những không có đường giao-thông nào tự-nhiên mà lại toàn những rừng cùng núi chạy ngang chạy dọc, ngăn-trở sự đi lại. Từ khi đức Cao Hoàng Bản-triều (đức Gia-long) dựng nền nhất-thống nước Việt-Nam, họp ba kỳ làm một cõi, đã có đặt một con đường cái quan từ Bắc-thành (tức là Hà-nội) cho đến Gia-định (Sài-gòn). Nhưng mà đường dài mấy nghìn dặm khai đắp chắc cũng không được tốt, vả lại qua những sông, những núi, những thác, những đèo, đi lại thật là gian-nan hiểm-trở. Đi tự Kinh đô ra Bắc-thành xưa phải đến ngót một tháng; tự Kinh-đô vào Gia-định, đi đường bộ cũng đến vài tháng mà lại qua nhiều chỗ nguy-hiểm lắm. Cách giao-thông gian-trước như thế thời nước dẫu nhất-thống mà dân vẫn cách-biệt, người Bắc-thành với người Lục-tỉnh thật không mấy khi được gặp nhau, nên đối với nhau không khác gì người ngoại-quốc vậy.

Từ khi Đại-Pháp sang thống-lĩnh nước Việt-Nam ta cùng với nước Cao-miên và đất Ai-lao, gồm năm xứ làm một cõi, gọi tổng-danh là « Đông-Pháp liên-đoàn » (*l'Union Indochinoise*), thời Chánh-phủ Bảo-hộ chủ-ý nhất là việc giao-thông. Sau khi giẹp yên trong cõi, bèn mở đường lộ đường sắt khắp mọi nơi. Nam-kỳ và Bắc-kỳ có đặt tàu bể, mỗi tháng đi lại bốn năm kỳ. Song đường bể vẫn là không tiện, nếu có được con đường liền từ Nam chí Bắc thời tiện-lợi hơn nhiều. Chánh-phủ Bảo-hộ cũng có sửa sang lại con đường cái quan (*route mandarine*), nhưng mà sửa đường lộ thà rằng đặt đường sắt, tiện lợi mau chóng hơn biết bao nhiêu. Đường lộ chỉ đủ giao-thông trong một xứ với nhau, đi tỉnh này sang tỉnh khác, còn tự xứ nọ sang xứ kia, thông cõi Nam với cõi Bắc, phi có đường xe lửa không được. Hồi quan Toàn-quyền DOUMER trọng-nhậm bên này ngài vốn là người có trí-lượng lớn, bèn nghĩ đặt ra một cái chương-trình giao-thông rất to-tát, muốn làm một đường xe lửa chạy suốt từ Nam chí Bắc, như một con sông Cửu-long bằng sắt, không những thế, lại phía Bắc thông vào tận trong nội-địa nước Tàu, phía Nam giáp đến tận biên-thùy nước Xiêm, còn chà-chạnh ra các nơi khác không kể. Đường xe lửa này mà làm thành, tuy chưa sánh bằng đường Tây-bá-lợi-á, song cũng là một công-trình vĩ-đại. Đường này sẽ đặt tên là « Đông-Pháp đại-lục thiết-lộ » (*Le Transindochinois*), vì nó chạy suốt từ Nam chí Bắc như một cái mạch máu lớn trong thân-thể cõi Đông-Pháp vậy.

Chính quan Toàn quyền Doumer khởi ra cái chương-trình ấy đã bắt đầu thực-hành được một phần. Rồi các quan Toàn-quyền kế sau cứ tiếp theo làm mãi, cho đến bây giờ thời phía Bắc tự Vân-nam-phủ bên nước Tàu cho đến tỉnh-thành Vinh tỉnh Nghệ-an, đã có một đường sắt liền chạy luôn suốt một mạch; phần giữa tự Quảng-trị cho đến Cửa Hàn cũng đã có một đoạn dài đã làm xong; phía Nam thời từ Phan-thiết tới Mỹ-tho cũng đã có xe lửa chạy liền rồi. Con đường Đông-Pháp đại-lục như thế là đã làm xong được quá nửa. Bây giờ còn phải nối nốt khúc từ Nghệ-an đến Quảng-trị, và khúc từ Cửa Hàn đến Phan-thiết, rồi sau này tiếp thêm cho đến Cao-miên Xiêm-la, thế là công hoàn thành. Nhưng mà công này là công vĩ-đại, phải lâu năm phải nhiều tiền lắm mới làm xong được. Kỳ này Chính-phủ mộ công-thái là chủ ý để làm nốt phần đường tự Nghệ đến Quảng-trị. Nếu cuộc công-thái này mà thành công thời sau này sẽ dùng một cách ấy mà làm nốt cái phần kia. Có lẽ trong một khoảng mười lăm hai mươi năm nữa, bọn ta có thể đi tự Hà-nội vào Sai-gòn bằng xe lửa liền, không cần phải qua biển. Nên mong mỏi lắm. — H. D.

. .

Ông chủ-bút Phạm Quỳnh đi phái-bộ. — Nghị-định quan Toàn quyền ngày 6 Mars 1922 có định rằng ông Phạm Quỳnh chủ nhiệm báo Nam-Phong, trong khi ở tại Pháp dự cuộc đấu xảo thuộc địa Marseille, thì sẽ cử đi làm mấy bài diễn-thuyết tại kinh đô Paris và các thành phố lớn bên Pháp, về lịch-sử và địa-dư nước Việt-Nam cùng là sự tiến-hoá của nước Việt-Nam từ khi có Đại-Pháp bảo-hộ đến giờ.

Trong khi ở tại Pháp, thời ông Quỳnh sẽ điều-tra những việc có ích để khi về sẽ soạn một bài kỷ-thuật rất kỹ càng bằng Việt-văn và Hán văn.

Mỗi lần diễn-thuyết ấy rồi, phải làm bài toát-yếu gửi cho quan chủ-sự Kinh-tế-cục ở Paris để sở Kinh-tế sẽ chuyển về phủ Toàn-quyền Đông-Pháp.

.˙.

Lời từ-giã của bản-báo chủ-bút. — Tôi được quan Thống-sứ Bắc-kỳ cử đi quan-sát đấu-xảo Marseille, lại được quan Toàn-quyền đặc phái sang diễn-thuyết ở Paris, đến sớm ngày 9 Mars này xuống Hải-phòng để đáp tầu sang Pháp.

Trước khi xa vắng nước nhà, xin có mấy lời đăng báo để từ-giã các thân-bằng cố-hữu vì không thể đi thăm và gửi thiếp khắp được; xin hẹn đến mùa thu này lại sẽ trở về.

Trong khi tôi đi vắng, việc báo Nam-Phong đã có người coi-sóc như thường; việc hội Khai-trí thời hội-đồng-quản-trị Hội đã cử ông Nguyễn Quí-Toản quyền thay.

Các thư từ về việc báo Nam-Phong, xin cứ gửi cho Nam-Phong báo-quán như thường; thư từ về hội Khai-trí xin gửi cho ông Nguyễn Quí-Toản; còn thư riêng cho tôi xin gửi về nhà riêng tôi, số 5 phố hàng Da, Hanoi.

.˙.

Diễn-thuyết tại hội Trí-tri. — Hôm thứ năm ngày 2 tháng Mars hồi 8 giờ rưỡi tối ông PHẠM-QUỲNH diễn-thuyết ở nhà Hội, nói về việc ông đi quan-sát từ Hanoi về Huế, tả quang-cảnh Kinh-đô và nói về sự ích-lợi con đường thiết-lộ Vinh — Đông-hà, có quan Chánh văn-phòng phủ Toàn-quyền đến chứng-kiến và người đến nghe đông lắm.

Trước khi diễn-thuyết, ông Hội-trưởng Hội cám ơn quan Chánh văn-phòng phủ Toàn-quyền là M. CHÂTEL đã hạ-cố đến chứng-kiến cuộc diễn-thuyết ở nhà Hội, ông lại cám ơn ông PHẠM-QUỲNH đã giúp hội được việc và chúc ông sang Đại-Pháp được bình-yên.

Quá 10 giờ mới tan.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC »

Tiệc trà của Hội Khai-trí Tiến-đức. — Hồi 8 giờ rưỡi tối hôm thứ bẩy 4 Mars, hội Khai-Trí Tiến-Đức đã làm tiệc trà tại nhà Hội-quán để tiễn-biệt các ông có chân hội sắp sang Marseille dự cuộc đấu-xảo Thuộc-địa. Ngoài cửa nhà hội treo cờ vàng cờ ba sắc và đèn xếp rất lịch-sự. Các hội-viên đến dự-tiệc đông lắm. Các quí-quan đã nhận chức danh-dự hội-viên có giấy mời đến dự-tiệc cũng đông. Trong số ấy có quan Đốc-lý Mourroux và quí phu-nhân, các quan cai-trị Châtel, Marty, Douguet ở phủ Toàn-quyền, quan Tư-pháp Tổng-trưởng Habert, quan Chánh sở Tài-chính Détieux, quan Chánh sở Thương-chánh Scalla, các quan Thẩm-phán Guiselin, Morché, quan Đốc-học trường Bác-cổ Finot, các quan giáo-sư Aurousseau và Péri trường Bác-cổ, quan Đốc-học Hiéroltz trường Kỹ-nghệ; MM. Cucherousset, chủ-nhiệm báo Eveil économique, Mazet chủ-nhiệm báo France Indochine; MM. Gehin sở Kho-bạc, Taupin, Aviat, Docteur Coppin, Pujarnisle v. v.

Ngoại 5 ông hội-viên Hội Khai-Trí-Tiến-Đức đi dự cuộc đấu-xảo Marseille là: M. M. Vi Văn-Định, Nguyễn Văn-Vĩnh, Phạm-Quỳnh, Phạm Duy-Tốn, Trần Lưu-Vị, Hoàng Kim-Bảng, Nguyễn Hữu-Tiệp. Các ông hội-viên ta đến cũng đông: M. M. Trần văn-Thông, Nguyễn Hữu-Thu, Bạch Thái-Bưởi, Nguyễn Tất-Tế, Đào Huống-Mai, Trần Viết-Soạn, Phạm Hoằng-Lãm, Lê Văn-Phúc, Bùi Huy-Tín, Đỗ-Thận, Hoàng Quang-Hương, Nguyễn Quí-Toản, Phạm Mạnh-Xứng, Nguyễn Văn-Tâm, Trần Ngọc-Điền, Nguyễn Đỗ-Mục, Nguyễn Văn-Luận, Phạm Huy-Lục, Nguyễn-Thành, Nguyễn Hữu-Nghi, Nguyễn Huy-Hợi, Nguyễn Mạnh-Bồng. v. v.

Khi các qui-quan cùng các hội-viên đã yên-tọa rồi, thì quan Tổng - đốc Trần Văn-Thông là Phó - hội - trưởng, đứng dậy thay mặt quan Chánh-hội-trưởng Hoàng Trọng-Phu đọc mấy lời như sau này :

Thưa qui phu-nhân,

Thưa các ngài,

« Chúng tôi rất cảm-động và vui mừng khôn xiết được các ngài quá-bộ tới đây, các ngài hạ-cố đến hội-quán Hội chúng tôi, ấy là tỏ ra rằng cái công cuộc của Hội chúng tôi là phải, và từ nay trở đi mới là vào cái thời-kỳ nhất-định. Chúng tôi là người hâm-mộ tư-tưởng và học-thuật Đại-Pháp, bởi vậy chúng tôi vẫn cố làm sao cho chính chúng tôi đây và đồng-bào chúng tôi được càng ngày càng am-hiểu những tư-tưởng học-thuật ấy hơn lên. Những lời chỉ-giáo của các ngài thực đã khiến cho chúng tôi được bớt nỗi khó khăn trong khi làm các công việc ấy. Những bậc thượng-lưu người Pháp có trí-tuệ, có đức-hạnh ở đất này đã thâm - hiểu những sự tài-nguyên và những sự cần-thiết của bản-xứ, mà coi sóc làm hướng-đạo-sư cho việc khai-trí-tiến-đức của dân Nam-Việt thì thật là không còn gì xứng-đáng bằng. Buổi tiệc này, Pháp Nam chung tình thân-ái ; thế thì những ông bạn của chúng tôi nay mai sắp sửa khởi-hành sang Pháp, trong lúc đi đường ắt cũng ghi nhớ cái quang-cảnh thân-ái buổi hôm nay.

Thưa các ngài đại-biểu,

Trong mấy tháng trời mà các ngài xa cách chúng tôi để đi du-quan bên nước Pháp, để quan-sát những học-thuật, những sự trù-phú, cùng những cách cần-cù, những đức-tính của dân Pháp, thì xin các ngài điều thứ nhất chớ quên rằng các ngài là đại-biểu cho chúng tôi.

Các ngài phải nói cho những người Pháp ở gần các ngài biết đến xứ ta, biết đến những tài - nguyên của ta, cùng những công-cuộc thương-mại và kỹ-nghệ của ta. Các ngài lại nói đến cả phong-cảnh, dân-tâm, quốc-tục cùng những đoạn vẻ-vang trong lịch-sử của nước ta cho người Pháp rõ. Nước Pháp là nước có tư-tưởng đại-độ mà cái phương-cách rất màu khiến cho nước Pháp gây nên mối giao-dịch với xứ Đông-Pháp ta thì không gì bằng làm cho dân Pháp biết đến và yêu mến đến xứ Đông-Pháp.

Thưa qui phu-nhân,

Thưa các ngài,

Tôi xin mời các ngài giải-tọa xơi chén trà mà mừng cho những ông đại-biểu của bản-hội xuất-dương được nhất - lộ bình - an, bản - hội được phát - đạt và chủ - nghĩa Pháp - Việt đề - huề càng ngày càng bền chặt »

Ngài đọc xong thì cử-tọa đều vỗ tay. Rồi kế đến ông Phạm Quỳnh đứng dậy thay mặt các phái-viên ứng-khẩu mấy câu bằng pháp-văn để cảm tạ Hội cùng các qui-quan. Đại-lược nói rằng: Được đi dự cuộc Đấu-xảo thì vinh-dự cho ông lắm, xưa nay ông xem sách vẫn biết nước Đại-Pháp là một nước văn-minh phong-phú, nhiều quang-cảnh đẹp, mà nay ông lại sắp được mục-kính, thực lấy làm thỏa lòng, xin để tâm xem xét, khi về sẽ thuật lại cho cả đồng - bang được biết.

Ông Phạm Quỳnh nói rứt lời thì cử-tọa vỗ tay.

Sau ông Phó Hội-Trưởng là quan Trần Văn-Thông mời qui - phu - nhân Mourroux, và các qui - quan cùng các Hội - viên thưởng trà. Tiệc mãi đến 10 giờ rưỡi mới tan, ai nấy giở về đều vui lòng vì thấy cuộc « Pháp-Việt đề-huề » càng ngày đằm-thắm.

Hội-viên mới. — Các ông kê tên sau đây, có giấy xin vào Hội, đã đăng lên báo từ số 51 đến 54, nay hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị, được nhận vào Hội kể từ ngày 1er février 1922

A. vào chân chủ-trì.

Ông Phạm Trọng-Giác — Nguyễn Trọng-Khôi — Phạm Duy-Đống — Vũ Gia-Tường — Nguyễn Khắc-Khoan — Trần Văn-Phùng — Hoàng Cao-Cống — Nguyễn Kim-Kinh — Đỗ Như-Phụ — Nguyễn Trọng-Thuật — Chu Sĩ-Vưu — Nguyễn Mạnh-Duyên — Nguyễn Đăng-Thịnh — Vũ Huy-Xứng — Đỗ Văn-Đáp — Trần Đình-Bình — Nguyễn Trần-Mô — Trần Khắc-Cần — Trần Huy-Cảo — Bùi Đức-Phu — Nguyễn Huy-Lượng — Phạm Văn-Hỷ — Đặng Vũ-Quyền — Trần Ngọc-Còn — Trần Ngọc-Uyển — Hoàng Tam-Đa — Đỗ Tiến-Thiện — Trần Thọ-Thiện — Phạm Tài-Loan — Trần Như-Khuê — Vũ Đình-Cần — Nguyễn-Vĩ — Phạm Ngọc-Lưu — Nguyễn Ngọc-Uyển — Phạm Quang-Huy — Nguyễn Sơn-Hà — Nguyễn Xuân-Đài — Nguyễn Tấn-Sử — Trương Văn-Bền — Lương Văn-Mỹ — Nguyễn Phú-Khai — Trần Trinh-Trạch — Lê Phát-Tân — Pierre Trần Khắc-Nhượng — Bùi Bằng-Phấn — Lê Chước — Hoàng Cơ-Đinh — Nguyễn Văn-Tấn — Nguyễn Đương-Họp — Bùi Đống — Lê Đình-Mai — Nguyễn Đình-Xuyên — Vũ Khắc-Tiêu — Nguyễn Quang-Bật — Vũ Văn-Dĩnh — Hà Văn-Hãn — Ngô Hải-Phan — Vương Đan-Lộc — Ngụy Văn-Hùng — Nguyễn Văn-Phong — Trần Duy-Cát — Trần Đình-Thắm — Nghiêm Thụy-Ứng — Nguyễn Văn-Thành — Lê Liêm — Lê Đình-Ngạn — Lưu Quan-Hoà — Lê Thuận-Khoát.

B. Vào chân thường-hội-viên.

Ông Đoàn Thái-Bảo — Lưu Quan-Hà.

. . .

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng Février có những ông kê tên sau này xin vào Hội, hạn trong hai tháng, trong các Hội-viên ngài nào có điều gì dị-nghị xin viết thư cho Hội biết.

Xin vào chân chủ-trì:

1. — Ông Trần Thọ-Huy, thầy thuốc thú-y, trường Thú-y Đông-Pháp.

2. — Ông Nông Ích-Lương, Tri-phủ Hoà-an (Nước-hai) Cao-bằng.

3. — Ông Hà Lương-Tín, Tri-phủ Trùng-khánh (Quảng-uyên) Cao-bằng.

4. — Ông Hà Văn-Mão, Tri-châu Nguyên-bình Cao-bằng.

5. — Ông Hoàng Huy-Giao, Tri-châu Thượng-lang Cao-bằng.

6. — Ông Kầm Ngọc-Phương, Tri-châu Phục-hoà (Tà-lùng) Cao-bằng.

7. — Ông Bác-Cầm-Yên, Tri-châu Hạ-lang Cao-bằng.

8. — Ông Hoàng Quang-Cát, Thừa-phái châu Hà-quảng Cao-bằng.

(*Tám ông trên này đều do ông Ngô Tiến-Cảnh giới-thiệu*).

9. — Ông Nguyễn Chi-Nhâm tức Vinh-Long, buôn bán, số nhà 214 hàng Bông Hà nội. (*Do ông Nguyễn đình-Khôi giới-thiệu*).

10 — Ông Nguyễn Trọng Hàn Etudiant à l'Ecole Supérieure d'agricultur et de sylviculture 1ère Année.

11. — Ông Vũ Công-Nghi rédacteur à la revue Nam-Phong n° 3 Rue de Takou Hà-nội.

Xin vào chân thường hội-viên

Ông Nguyễn Đôn-Phục tú-tài, làng Ỷ-la Hà-Đông, trợ-bút tạp-chí Nam-Phong.

(Cliché Huong-Ký, Hanoi)

Đông-Cung Hoàng-Thái-Tử chân-tượng